

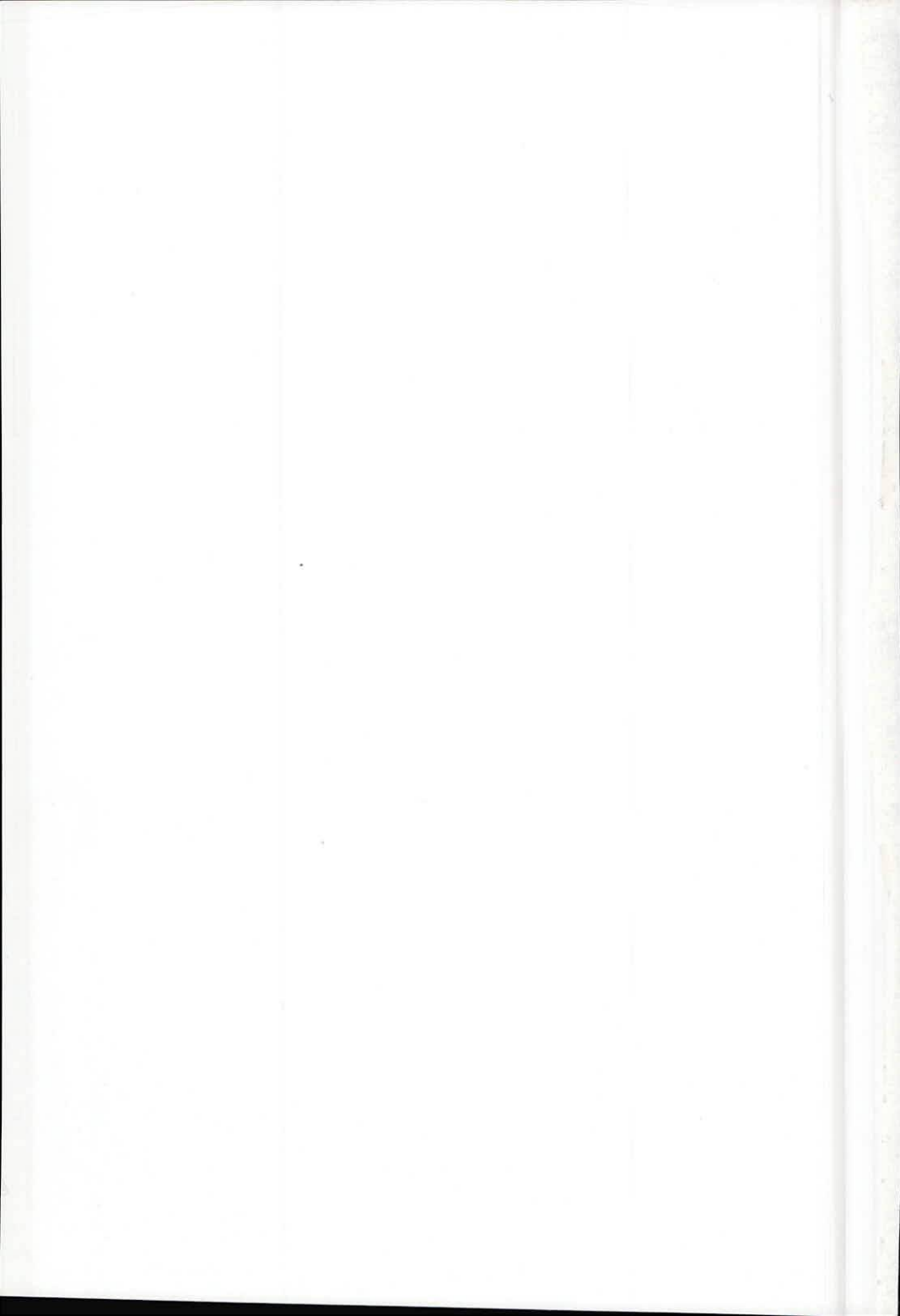
HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

# **SỔ TAY VỀ QUYỀN CON NGƯỜI**

**DÀNH CHO CÁN BỘ QUẢN LÝ GIÁO DỤC  
VÀ GIÁO VIÊN PHỔ THÔNG**



**NHÀ XUẤT BẢN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ**



HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

BAN ĐIỀU HÀNH ĐỀ ÁN 1309 - GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI

**SỔ TAY VỀ QUYỀN CON NGƯỜI**  
**DÀNH CHO CÁN BỘ QUẢN LÝ GIÁO DỤC**  
**VÀ GIÁO VIÊN PHỔ THÔNG**

NHÀ XUẤT BẢN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

**BAN CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN**

GS, TS Nguyễn Xuân Thắng

PGS, TS Lê Văn Lợi

PGS, TS Tường Duy Kiên

**BAN BIÊN SOẠN**

PGS, TS Nguyễn Thị Thanh Hải (*Trưởng ban*)

TS Chu Thị Thúy Hằng (*Phó Trưởng ban*)

TS Cao Anh Đô

ThS Đặng Thị Loan

ThS Nguyễn Thế Anh

ThS Phan Thị Hồng

## LỜI GIỚI THIỆU

Giáo dục quyền con người nhằm nâng cao nhận thức xã hội về tầm quan trọng của việc tôn trọng phẩm giá, quyền và tự do cho con người, giúp ngăn ngừa, hạn chế vi phạm quyền con người. Giáo dục quyền con người cũng góp phần khẳng định vai trò, trách nhiệm, nghĩa vụ của Nhà nước, của cộng đồng và mỗi cá nhân về ý thức tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền, đáp ứng yêu cầu xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam và hội nhập quốc tế.

Thực hiện Quyết định số 1309/QĐ-TTg ngày 05-9-2017 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh là cơ quan chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan đã triển khai các nhiệm vụ Thủ tướng Chính phủ giao, trong đó có hoạt động nâng cao nhận thức về quyền con người thông qua giáo dục quyền con người.

Ban điều hành Đề án 1309 - Giáo dục quyền con người thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh chỉ đạo, tổ chức biên soạn, xuất bản các tài liệu chuyên khảo, tài liệu tham khảo và phổ biến thông tin, kiến thức về quyền con người dành cho cán bộ lãnh đạo, quản lý, giảng viên, giáo viên các cấp học.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn ***Sổ tay về quyền con người - Dành cho cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên phổ thông*** cùng bạn đọc.

BAN ĐIỀU HÀNH

ĐỀ ÁN 1309 - GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI

## LỜI NÓI ĐẦU

Tuyên ngôn của Liên hợp quốc về giáo dục và đào tạo được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua năm 2011 khẳng định giáo dục quyền con người là giáo dục về quyền con người, thông qua quyền con người và vì quyền con người. Để thực hiện được yêu cầu này, các cơ quan quản lý giáo dục, nhà trường, đội ngũ cán bộ, giáo viên đóng vai trò quan trọng. Đây là các chủ thể chịu trách nhiệm thúc đẩy, thực hiện quyền giáo dục cũng như các hoạt động giáo dục quyền con người, ngăn ngừa nguy cơ xảy ra vi phạm, lạm dụng quyền trong giáo dục.

Để cung cấp cho đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên, cán bộ, công chức trong nhà trường các kiến thức cơ bản về quyền con người, quyền trẻ em, giáo dục quyền con người, cách thức áp dụng tiếp cận dựa trên quyền cũng như kỹ năng nhận biết, phòng ngừa, xử lý các rủi ro vi phạm quyền trong trường học, chúng tôi biên soạn và xuất bản cuốn *Sổ tay về quyền con người - Dành cho cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên phổ thông*.

Chúng tôi rất mong nhận được sự đóng góp của bạn đọc để ấn phẩm được hoàn thiện hơn trong lần tái bản sau.

Xin trân trọng cảm ơn!

TẬP THỂ TÁC GIẢ

## MỤC LỤC

Lời giới thiệu.....	5
Lời nói đầu .....	6

### Phần 1

#### CÁC NỘI DUNG CƠ BẢN VỀ QUYỀN CON NGƯỜI

Câu 1. Quyền con người là gì? .....	15
Câu 2. Quyền con người có những đặc trưng gì?.....	16
Câu 3. Quyền con người, quyền công dân có gì giống, khác nhau? .....	17
Câu 4. Pháp luật quốc tế về quyền con người là gì? .....	18
Câu 5. Hạn chế quyền là gì? Những quyền con người nào có thể bị hạn chế? Những quyền con người nào không thể bị hạn chế? ...	19
Câu 6. Tạm đình chỉ thực hiện quyền con người là gì? Một quốc gia có thể tuyên bố tạm đình chỉ thực hiện quyền con người trong những trường hợp nào? .....	21
Câu 7. Những quyền con người nào không thể bị tạm đình chỉ trong trường hợp khẩn cấp?.....	22
Câu 8. Bộ luật quốc tế về quyền con người gồm những văn kiện gì? .....	23
Câu 9. Có bao nhiêu văn kiện quốc tế cơ bản của Liên hợp quốc về quyền con người?.....	24
Câu 10. Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị (ICCPR) quy định các quyền con người nào? .....	25
Câu 11. Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, văn hóa và xã hội (ICESCR) quy định các quyền con người nào?.....	27
Câu 12. Yêu cầu thực hiện các quyền dân sự, chính trị và các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa có gì khác nhau? .....	28
Câu 13. Có những nhóm xã hội dễ bị tổn thương nào? Vì sao cần	

phải bảo vệ quyền của các nhóm dễ bị tổn thương? .....	29
Câu 14. Nhà nước có những nghĩa vụ nào để bảo đảm quyền con người? .....	30
Câu 15. Cơ chế thúc đẩy và bảo vệ quyền con người là gì? Hiện nay trên thế giới có các cơ chế thúc đẩy và bảo vệ quyền con người nào? .....	31
Câu 16. Cơ chế bảo vệ quyền con người của Liên hợp quốc là gì? .....	31
Câu 17. Cơ chế bảo vệ quyền con người ở cấp khu vực là gì? .....	32
Câu 18. Cơ chế bảo vệ quyền con người ở cấp quốc gia là gì? .....	33
Câu 19. Nhà nước Việt Nam đã phê chuẩn những điều ước quốc tế nào của Liên hợp quốc về quyền con người? .....	34

## Phần 2

### GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI TRONG TRƯỜNG HỌC

Câu 20. Giáo dục quyền con người là gì? .....	36
Câu 21. Tại sao phải giáo dục quyền con người? .....	38
Câu 22. Mục đích của giáo dục quyền con người là gì? .....	39
Câu 23. Đối tượng của giáo dục quyền con người là gì? .....	40
Câu 24. Các nguyên tắc cơ bản của giáo dục quyền con người là gì? .....	42
Câu 25. Nội dung và các hình thức của giáo dục quyền con người là gì? .....	43
Câu 26. Giáo dục về quyền con người là gì? .....	45
Câu 27. Giáo dục vì quyền con người là gì? .....	46
Câu 28. Giáo dục thông qua quyền con người là gì? .....	47
Câu 29. Giáo dục quyền con người được quy định trong những văn kiện quốc tế nào? .....	48
Câu 30. Liên hợp quốc đã thông qua những chương trình, kế hoạch hành động quốc tế nào về quyền con người? .....	50
Câu 31. Chương trình thế giới về giáo dục quyền con người là gì? .....	51

- Câu 32. Chương trình thế giới về giáo dục quyền con người giai đoạn 1 (2005-2009) là gì?..... 52
- Câu 33. Chương trình thế giới về giáo dục quyền con người giai đoạn 2 (2010-2014) là gì?..... 53
- Câu 34. Chương trình thế giới về giáo dục quyền con người giai đoạn 3 (2015-2019) là gì?..... 55
- Câu 35. Chương trình thế giới về giáo dục quyền con người giai đoạn 4 (2020-2024) là gì?..... 56
- Câu 36. Làm thế nào để có thực hành tốt về giáo dục quyền con người? ..... 57
- Câu 37. Có những phương pháp giáo dục quyền con người nào có thể áp dụng trong trường học?..... 58
- Câu 38. Những yêu cầu cơ bản nào về nội dung, phương pháp giáo dục quyền con người phù hợp với đặc điểm của người học là gì? ..... 60
- Câu 39. Làm thế nào để tích hợp nội dung quyền con người vào các cấp học, bậc học phù hợp với đặc điểm của từng đối tượng trong giáo dục phổ thông? ..... 61
- Câu 40. Thế nào là một nhà giáo dục quyền con người?..... 63
- Câu 41. Làm thế nào để trở thành nhà giáo dục quyền con người? ..... 65
- Câu 42. Việt Nam đã làm gì để thực hiện cam kết quốc tế về giáo dục quyền con người? ..... 67
- Câu 43. Quyết định số 1309/QĐ-TTg ngày 05-9-2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đưa nội dung quyền con người vào Chương trình giáo dục các cấp học trong hệ thống giáo dục quốc dân gồm những nội dung gì?..... 68
- Câu 44. Đề án 1309 quy định về mục tiêu, nội dung, chương trình giáo dục quyền con người cho đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên như thế nào? ..... 70

- Câu 45. Đề án 1309 quy định về mục tiêu, nội dung, chương trình giáo dục quyền con người cho trẻ em mẫu giáo như thế nào? ..... 71
- Câu 46. Đề án 1309 quy định về mục tiêu, nội dung, chương trình giáo dục quyền con người cho học sinh tiểu học như thế nào? ..... 71
- Câu 47. Đề án 1309 quy định về mục tiêu, nội dung, chương trình giáo dục quyền con người cho học sinh trung học cơ sở như thế nào? ..... 72
- Câu 48. Đề án 1309 quy định về mục tiêu, nội dung, chương trình giáo dục quyền con người cho học sinh trung học phổ thông như thế nào? ..... 73
- Câu 49. Những thách thức chung của nhà giáo dục quyền con người trong trường học hiện nay là gì? ..... 73
- Câu 50. Thuận lợi và thách thức trong việc đưa nội dung quyền con người vào hệ thống giáo dục quốc dân ở Việt Nam hiện nay là gì? ..... 75

### Phần 3

#### TIẾP CẬN DỰA TRÊN QUYỀN TRONG GIÁO DỤC

- Câu 51. Tiếp cận dựa trên quyền là gì? ..... 78
- Câu 52. Tiếp cận dựa trên quyền hướng tới mục tiêu gì? ..... 79
- Câu 53. Ai sẽ chịu trách nhiệm thực hiện khung tiếp cận dựa trên quyền trong giáo dục? ..... 79
- Câu 54. Tiếp cận dựa trên quyền gồm những nội dung gì? ..... 80
- Câu 55. Các nguyên tắc, giá trị, chuẩn mực về quyền con người cần được ghi nhận và thực hiện trong môi trường giáo dục là gì? ..... 81
- Câu 56. Nguyên tắc bình đẳng, không phân biệt đối xử bảo đảm tiếp cận dựa trên quyền trong môi trường giáo dục được thể

hiện như thế nào?.....	82
Câu 57. Sự tham gia của học sinh nhằm bảo đảm tiếp cận dựa trên quyền trong môi trường giáo dục được thể hiện như thế nào?.....	84
Câu 58. Trách nhiệm giải trình bảo đảm tiếp cận dựa trên quyền trong môi trường giáo dục được thể hiện như thế nào? .....	85
Câu 59. Tính minh bạch nhằm bảo đảm tiếp cận dựa trên quyền trong môi trường giáo dục được thể hiện như thế nào? .....	85
Câu 60. Nguyên tắc trao quyền nhằm bảo đảm tiếp cận dựa trên quyền trong môi trường giáo dục được có nghĩa là gì? .....	86
Câu 61. Tại sao cần áp dụng phương pháp tiếp cận dựa trên quyền trong trường học? .....	87
Câu 62. Làm thế nào để áp dụng nội dung của tiếp cận dựa trên quyền trong trường học?.....	88
Câu 63. Thế nào là “Tiếp cận toàn trường”?.....	88
Câu 64. Thế nào là “Trường học tôn trọng quyền”? .....	89
Câu 65. Thế nào là “Trường học thân thiện với trẻ em”?.....	90

#### Phần 4

#### CÁC NỘI DUNG CƠ BẢN VỀ QUYỀN TRẺ EM

Câu 66. Trẻ em là ai?.....	92
Câu 67. Quyền trẻ em là gì?.....	92
Câu 68. Vì sao cần phải tôn trọng, bảo vệ quyền của trẻ em?.....	92
Câu 69. Quyền trẻ em được quy định trong pháp luật quốc tế như thế nào? .....	93
Câu 70. Công ước quốc tế về quyền trẻ em quy định về những nội dung gì? .....	95
Câu 71. Việt Nam có nghĩa vụ gì trong việc thực hiện Công ước về quyền trẻ em?.....	96

Câu 72. Quyền trẻ em được quy định trong pháp luật Việt Nam như thế nào? .....	97
Câu 73. Luật Trẻ em năm 2016 của Việt Nam đề cập đến những nội dung gì? .....	97
Câu 74. Việt Nam có những chính sách, chương trình, kế hoạch nào về thúc đẩy và bảo vệ quyền trẻ em?.....	99
Câu 75. Quyền trẻ em được bảo vệ dựa trên những nguyên tắc nào? .	100
Câu 76. Trẻ em có những quyền cơ bản gì?.....	102
Câu 77. Quyền sống là gì? Nhà trường có nghĩa vụ gì trong việc thực hiện quyền sống của trẻ em? .....	106
Câu 78. Quyền được giáo dục của trẻ em là gì?.....	108
Câu 79. Quyền được bảo vệ nhân phẩm, danh dự của trẻ em là gì? Nhà trường cần làm gì để bảo vệ quyền được bảo vệ nhân phẩm, danh dự của học sinh?.....	110
Câu 80. Quyền tự do bày tỏ ý kiến là gì? Nhà trường cần làm gì để giúp học sinh thực hiện tự do bày tỏ ý kiến?.....	112
Câu 81. Quyền riêng tư của trẻ em là gì? Nhà trường cần làm gì để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh?.....	114
Câu 82. Quyền được tham gia của trẻ em là gì? Nhà trường, cơ sở giáo dục có trách nhiệm gì trong việc bảo đảm sự tham gia các hoạt động chung của học sinh? .....	117
Câu 83. Quyền được chăm sóc sức khỏe của trẻ em là gì? Nhà trường có nghĩa vụ gì trong việc bảo đảm quyền được chăm sóc sức khỏe của học sinh? .....	121

### Phần 5

#### PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ VÀ VI PHẠM QUYỀN TRẺ EM TRONG MÔI TRƯỜNG GIÁO DỤC - CÁC HÌNH THỨC PHỔ BIẾN VÀ BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Câu 84. Phân biệt đối xử với trẻ em trong trường học là gì? .....	123
---	-----

- Câu 85. Hành vi phân biệt đối xử với trẻ em được xác định dựa trên các yếu tố nào? ..... 124
- Câu 86. Phân biệt đối xử gián tiếp với trẻ em trong trường học là gì? ..... 126
- Câu 87. Phân biệt đối xử trực tiếp với trẻ em trong trường học là gì? ..... 127
- Câu 88. Phân biệt đối xử với trẻ em trong trường học có thể xảy ra như thế nào? ..... 128
- Câu 89. Chủ thể của hành vi phân biệt đối xử với trẻ em trong trường học là ai? ..... 129
- Câu 90. Pháp luật quốc tế quy định như thế nào về cấm phân biệt đối xử với trẻ em trong trường học? ..... 130
- Câu 91. Pháp luật Việt Nam quy định như thế nào về cấm phân biệt đối xử với trẻ em trong trường học? ..... 132
- Câu 92. Bạo lực học đường là gì? Nhà trường có trách nhiệm gì để phòng, chống bạo lực học đường? ..... 134
- Câu 93. Bắt nạt học đường là gì? Nhà trường có trách nhiệm gì để phòng, chống bắt nạt học đường? ..... 136
- Câu 94. Quy định về kỷ luật học sinh cần dựa trên những nguyên tắc, chuẩn mực quyền con người như thế nào? ..... 138
- Câu 95. Thế nào là xâm hại trẻ em? Các hình thức xâm hại trẻ em thường xảy ra trong trường học là gì? ..... 139
- Câu 96. Thế nào là xâm hại trẻ em trên môi trường mạng? Nhà trường có thể làm gì để bảo vệ học sinh khỏi bị xâm hại trên môi trường mạng? ..... 140
- Câu 97. Thế nào là xâm hại tình dục trẻ em? Nhà trường có trách nhiệm gì trong việc phòng chống xâm hại tình dục với học sinh? ..... 144
- Câu 98. Thế nào là quấy rối tình dục trẻ em? Nhà trường có trách

- nhiệm gì trong việc phòng chống quấy rối tình dục với  
 học sinh?..... 146
- Câu 99. Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt bao gồm những nhóm nào?  
 Nhà trường có trách nhiệm gì để bảo đảm quyền cho học  
 sinh có hoàn cảnh đặc biệt?..... 148
- Câu 100. Trẻ em có nhu cầu giáo dục đặc biệt bao gồm những nhóm  
 nào? Nhà trường có trách nhiệm gì để bảo đảm quyền cho  
 các nhóm học sinh có nhu cầu đặc biệt?..... 150
- Câu 101. Trẻ em khuyết tật có quyền gì? Nhà trường có trách nhiệm  
 gì trong việc bảo đảm quyền cho học sinh khuyết tật?..... 151
- Câu 102. Trẻ em bị rối loạn tự kỷ có quyền gì? Nhà trường có trách  
 nhiệm gì trong việc bảo đảm quyền cho học sinh bị rối  
 loạn tự kỷ và tăng động giảm chú ý?..... 153
- Câu 103. Lao động trẻ em là gì? Nhà trường có thể làm gì để bảo vệ  
 học sinh khỏi tình trạng bóc lột lao động? ..... 155

## Phần 1

# CÁC NỘI DUNG CƠ BẢN VỀ QUYỀN CON NGƯỜI

### Câu 1. Quyền con người là gì?

Quyền con người (tiếng Anh là Human rights) là những giá trị thiêng liêng, cao quý của toàn thể nhân loại kết tinh từ nhiều nền văn hóa, văn minh của các dân tộc trên thế giới. Trải qua quá trình đấu tranh của loài người nhằm cải tạo tự nhiên, cải tạo xã hội, với khát vọng về tự do, bình đẳng, bác ái, quyền con người không ngừng được bồi đắp và phát triển.

Theo cách định nghĩa chung, phổ biến thì quyền con người là các đặc quyền tự nhiên, bắt nguồn từ phẩm giá vốn có của tất cả mọi người, được cộng đồng quốc tế và quốc gia thừa nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm bằng hệ thống pháp luật quốc gia và quốc tế.

Như vậy, quyền con người là các quyền bẩm sinh thuộc sở hữu vốn có của mọi người, gắn liền với hành động công nhận, thừa nhận chứ không phải là ban phát, từ chối hay tước đoạt vô cớ.

Trung tâm của khái niệm quyền con người là khái niệm về phẩm giá vốn có của mọi thành viên trong gia đình nhân loại. Quyền con người là các quyền được áp dụng bình đẳng cho tất cả mọi người mà không có sự phân biệt nào về chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, chính kiến, quan điểm, nguồn gốc dân tộc hoặc địa vị xã hội... Quyền con người phải được ghi nhận và bảo đảm bằng pháp luật quốc tế và quốc gia nhằm giúp cá nhân, các nhóm xã hội đạt được nhu cầu, lợi ích bình đẳng. Nhà nước có trách nhiệm tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người trong xã hội.

## Câu 2. Quyền con người có những đặc trưng gì?

Quyền con người có các đặc trưng cơ bản như sau: Phổ quát, không thể chuyển nhượng, không thể phân chia và liên hệ, phụ thuộc lẫn nhau.

*Tính phổ quát (Universality):* Tính chất này thể hiện ở chỗ tất cả mọi người ở khắp mọi nơi trên thế giới đều được hưởng quyền con người. Tính phổ quát của quyền con người được bao hàm trong Điều 1 của Tuyên ngôn Phổ quát về quyền con người (UDHR): “Tất cả mọi người sinh ra đều tự do và bình đẳng về phẩm giá và quyền”.

*Tính không thể chuyển nhượng (Inalienability):* Tính chất này có thể diễn giải rằng quyền con người không thể bị tước bỏ hay hạn chế một cách tùy tiện bởi bất cứ chủ thể nào, kể cả chủ thể nhà nước, trừ một số trường hợp đặc biệt.

*Tính không thể phân chia (Indivisibility):* Quyền con người là không thể chia cắt. Cho dù chúng liên quan đến các vấn đề dân sự, văn hóa, kinh tế, chính trị hay xã hội thì quyền con người vốn có liên quan đến phẩm giá của mỗi con người. Do đó, tất cả các quyền con người đều có địa vị bình đẳng, không xếp theo thứ tự thứ bậc. Việc từ chối một quyền này luôn cản trở việc thụ hưởng các quyền khác<sup>1</sup>. Trong một số trường hợp cụ thể và với những đối tượng cụ thể, một số quyền nhất định có thể được ưu tiên thực hiện hơn một số quyền khác. Điều này được áp dụng khi trong thực tế các quyền đó có nguy cơ bị đe dọa hoặc vi phạm nhiều hơn so với các quyền khác.

*Tính liên hệ và phụ thuộc lẫn nhau (Interdependence and Interrelatedness):* Việc bảo đảm toàn bộ hay một phần các quyền nằm

---

<sup>1</sup> Xem *Human rights education in the Northeast Asian school system*, [https://www.hurights.or.jp/archives/other\\_publications/section1/pdf/Principles%2C%20Rights%2C%20Duty%20and%20Pedagogy.pdf](https://www.hurights.or.jp/archives/other_publications/section1/pdf/Principles%2C%20Rights%2C%20Duty%20and%20Pedagogy.pdf)

trong mối liên hệ phụ thuộc và tác động lẫn nhau. Việc vi phạm hay thực hiện tốt quyền này sẽ tác động tiêu cực hoặc tích cực tới việc bảo đảm các quyền khác<sup>1</sup>.

### **Câu 3. Quyền con người, quyền công dân có gì giống, khác nhau?**

Quyền con người là các đặc quyền tự nhiên, bắt nguồn từ phẩm giá vốn có của tất cả mọi người, được cộng đồng quốc tế và quốc gia thừa nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm bằng hệ thống pháp luật quốc gia và quốc tế.

Quyền công dân là tổng hợp các quyền và tự do cơ bản của mỗi cá nhân, tạo nên địa vị pháp lý của cá nhân trong mối quan hệ với Nhà nước thông qua chế định quốc tịch, được thừa nhận và bảo đảm bằng Hiến pháp và pháp luật của quốc gia. Hay nói các khác, quyền công dân là các quyền cơ bản của công dân của một quốc gia được ghi nhận và bảo đảm bằng Hiến pháp và pháp luật của quốc gia đó.

#### *\* Những điểm giống nhau giữa quyền con người và quyền công dân*

- Quyền con người và quyền công dân đều xuất phát từ phẩm giá vốn có và sự bình đẳng của con người.

- Quyền con người, quyền công dân đều tập trung vào chủ đề “quyền” - tức là các khả năng và tự do cơ bản của mọi người, mọi công dân được sống trong nhân phẩm, nó luôn thuộc về cá nhân, công dân và không thể bị tước đoạt.

- Trong nhiều trường hợp, quyền con người, quyền công dân có tên gọi giống nhau và nội hàm được bảo vệ như nhau. Ví dụ: quyền sống; quyền không bị tra tấn, hạ nhục; quyền tự do lập hội, hội họp; quyền được giáo dục, chăm sóc sức khỏe; quyền được thông tin v.v..

---

<sup>1</sup> Xem Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội: *Hỏi đáp về quyền con người*, Nxb.Hồng Đức, H.2011, tr.27.

- Quyền con người, quyền công dân là nội dung cốt lõi của các hiến pháp dân chủ và do đó đều là nghĩa vụ của Nhà nước và một số chủ thể khác trong xã hội.

*\* Những điểm khác nhau giữa quyền con người và quyền công dân*

Tiêu chí	Quyền con người	Quyền công dân
Lịch sử hình thành	Xuất hiện trong các nền văn minh cổ đại	Gắn với lịch sử lập hiến của cách mạng tư sản
Công cụ ghi nhận	Luật quốc tế và luật quốc gia	Luật quốc gia
Tính chất	Tự nhiên, bẩm sinh; độc lập với nhà nước, không do lực lượng nào ban phát	Do Nhà nước thừa nhận thông qua Hiến pháp và pháp luật
Phạm vi áp dụng	Áp dụng toàn cầu; mang giá trị phổ biến	Áp dụng trong phạm vi lãnh thổ; không giống nhau giữa các quốc gia
Chủ thể của quyền	Mọi thành viên trong gia đình nhân loại	Chỉ người có quốc tịch của quốc gia
Chủ thể có nghĩa vụ	Nhà nước có nghĩa vụ hàng đầu. Ngoài ra là các tổ chức quốc tế, các doanh nghiệp, cộng đồng, cá nhân... cùng có nghĩa vụ	Nhà nước có nghĩa vụ chính. Ngoài ra là các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội, nghề nghiệp, cá nhân... cùng có nghĩa vụ
Cơ chế bảo vệ	Các cơ chế quốc tế (Liên hợp quốc, các điều ước quốc tế) và cơ chế quốc gia	Chủ yếu là cơ chế quốc gia: Tòa án và các cơ quan tư pháp khác, các cơ quan thanh tra, các tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp

#### **Câu 4. Pháp luật quốc tế về quyền con người là gì?**

Có nhiều cách hiểu khác nhau về khái niệm pháp luật quốc tế/luật quốc tế về quyền con người, nhưng với tư cách là ngành luật độc lập thuộc công pháp quốc tế, pháp luật quốc tế về quyền con người được hiểu là tổng thể các nguyên tắc, các quy phạm pháp luật quốc tế do

các quốc gia và các tổ chức quốc tế thỏa thuận xây dựng, trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng, thông qua đấu tranh và thương lượng nhằm điều chỉnh mối quan hệ giữa các chủ thể của luật quốc tế trong việc tôn trọng, bảo vệ, thúc đẩy quyền con người và các tự do cơ bản của con người trong phạm vi lãnh thổ quốc gia, ở cấp độ khu vực và toàn cầu<sup>1</sup>.

Quyền con người là những quyền và tự do cơ bản mà con người được hưởng. Luật quốc tế về quyền con người nhằm đảm bảo quyền cho tất cả mọi người mà không có sự phân biệt đối xử nào. Theo đó, các quốc gia không chỉ không can thiệp vào việc thực hiện và thụ hưởng, mà còn phải thúc đẩy, bảo vệ và thực hiện các quyền con người.

Các công ước quốc tế về quyền con người thường quy định một hệ thống giám sát để xem xét kỹ lưỡng việc tuân thủ và hỗ trợ các quốc gia thành viên trong việc thực hiện các nghĩa vụ của họ. Ở một mức độ khác nhau, các Công ước tạo ra các thủ tục để các cá nhân có thể khiếu nại các quốc gia về các vi phạm quyền con người<sup>2</sup>.

### **Câu 5. Hạn chế quyền là gì? Những quyền con người nào có thể bị hạn chế? Những quyền con người nào không thể bị hạn chế?**

Điều 29 của UDHR khẳng định việc thực thi các quyền và tự do của một người có thể phải chịu những hạn chế nhất định. Điều này phải được pháp luật quy định, chỉ nhằm mục đích đảm bảo sự thừa nhận, tôn trọng quyền và tự do của người khác, đáp ứng những yêu cầu chính đáng của đạo đức, trật tự công cộng và phúc lợi chung trong một xã hội dân chủ.

---

<sup>1</sup> Chủ thể của luật quốc tế bao gồm: quốc gia - chủ thể cơ bản của luật quốc tế, các tổ chức quốc tế liên chính phủ như Liên hợp quốc, Tổ chức Lao động quốc tế (ILO), các tổ chức quốc tế khu vực; phong trào đang đấu tranh giành quyền dân tộc tự quyết.

<sup>2</sup> Xem Geneva Academy: *International Human Rights Law*, <https://www.rulac.org/legal-framework/international-human-rights-law>

Điều 4 Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (ICESCR) tuyên bố rằng các quyền được quy định trong văn kiện này có thể bị giới hạn bởi luật, nhưng chỉ trong chừng mực phù hợp với bản chất của các quyền và chỉ để thúc đẩy phúc lợi chung trong một xã hội dân chủ.

Không giống như UDHR và ICESCR, Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR) không có quy định chung nào áp dụng cho tất cả các quyền cho phép hạn chế việc thực hiện chúng. Tuy nhiên, ICCPR quy định rằng các quyền sẽ không bị bất kỳ hạn chế nào ngoại trừ những hạn chế được luật quy định trong trường hợp cần thiết để bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự công cộng hoặc các quyền và tự do của người khác<sup>1</sup>.

Như vậy, có thể thấy, hạn chế quyền là quy định được ghi nhận trong một số điều ước quốc tế về quyền con người mà bản chất của nó là cho phép các quốc gia thành viên áp đặt một số điều kiện với việc thực hiện/hưởng thụ một số quyền con người nhất định. Tuy nhiên, việc hạn chế này cần đáp ứng yêu cầu về tính hợp pháp, tính cần thiết, tính cân xứng và không gây nên phân biệt đối xử<sup>2</sup>.

Không phải tất cả mọi quyền con người đều bị hạn chế. Một số quyền con người được công nhận là các quyền tuyệt đối không thể bị hạn chế vì bất kỳ lý do gì. Ví dụ như:

- Quyền không bị tra tấn, bị đối xử hay hình phạt tàn ác, vô nhân đạo hoặc hạ nhục (Điều 7 ICCPR).

---

<sup>1</sup> Xem *Human rights education in the Northeast Asian school system*, [https://www.hurights.or.jp/archives/other\\_publications/section1/pdf/Principles%2C%20Rights%2C%20Duty%20and%20Pedagogy.pdf](https://www.hurights.or.jp/archives/other_publications/section1/pdf/Principles%2C%20Rights%2C%20Duty%20and%20Pedagogy.pdf)

<sup>2</sup> Xem ICJ: *Siracusa Principles on the limitation and derogation provisions in the International Covenant on Civil and Political Rights*, <https://www.icj.org/wp-content/uploads/1984/07/Siracusa-principles-ICCPR-legal-submission-1985-eng.pdf>

- Quyền không bị bắt làm nô lệ, nô dịch (Điều 8 ICCPR).

- Tự do khỏi bị giam cầm vì không có khả năng thực hiện nghĩa vụ hợp đồng (Điều 11 ICCPR).

- Quyền được công nhận là một thể nhân trước pháp luật (Điều 16 ICCPR)

Một số quyền có thể bị hạn chế vì lý do như trật tự công cộng và việc bảo vệ các quyền và tự do của người khác như quyền tự do thông tin (nhưng không phải quyền tự do quan điểm, theo Điều 19 ICCPR)<sup>1</sup>.

Một số quyền bao gồm các giới hạn ngụ ý thông qua việc sử dụng các thuật ngữ như “công bằng” (Điều 14 ICCPR), “hợp lý” (Điều 25 ICCPR) hoặc “tùy ý” (Điều 6, 9, 17 ICCPR).

#### **Câu 6. Tạm đình chỉ thực hiện quyền con người là gì? Một quốc gia có thể tuyên bố tạm đình chỉ thực hiện quyền con người trong những trường hợp nào?**

Theo luật nhân quyền quốc tế, trong những bối cảnh khẩn cấp đe dọa sự sống còn của đất nước (state of emergency), các quốc gia có thể tạm đình chỉ (hay tạm thoái lui - derogation) nghĩa vụ thực hiện một số quyền trong một thời gian nhất định. Việc tạm đình chỉ này được thực hiện trong các tình huống thể hiện mối đe dọa nghiêm trọng đối với một quốc gia. ICCPR cho phép một số quyền được tạm đình chỉ. Đây chỉ là những biện pháp mang tính chất “ngoại lệ và tạm thời” và tuân theo các biện pháp bảo vệ sau:

- Tình trạng khẩn cấp phải được Chính phủ chính thức công bố.

- Các biện pháp phải được yêu cầu nghiêm ngặt và tương xứng với tình hình cấp bách.

---

<sup>1</sup> Xem Australian Human Rights Commission: *Permissible limitations on rights*, <https://humanrights.gov.au/our-work/rights-and-freedoms/permissible-limitations-rights>

- Các biện pháp không được liên quan đến phân biệt đối xử dựa trên chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, hoặc nguồn gốc xã hội.

- Việc trở lại bảo vệ quyền con người đầy đủ phải là mục tiêu của bất kỳ sự đình chỉ quyền nào.

- Tình trạng khẩn cấp đã tuyên bố không được lâu hơn mức cần thiết để trở lại ổn định.

Để ban bố tình trạng khẩn cấp ở một quốc gia, cần đáp ứng hai điều kiện:

- Cần có một khuôn khổ pháp lý bao gồm các cơ sở lập hiến và lập pháp cho tình trạng khẩn cấp.

- Một khuôn khổ hoạt động liên quan đến cơ cấu tổ chức và các kế hoạch chiến lược để đối phó với tình trạng khẩn cấp.

Tuy nhiên, không phải tình trạng rối loạn nào ở các quốc gia cũng dẫn đến tình trạng ban bố khẩn cấp. Mặt khác, các biện pháp áp dụng phải có những giới hạn trong phạm vi địa lý và mức độ cần thiết của tình trạng khẩn cấp. Nói cách khác, tạm đình chỉ hay thoái lui nghĩa vụ thực hiện quyền là phương thức cuối cùng đòi hỏi được áp dụng.

### **Câu 7. Những quyền con người nào không thể bị tạm đình chỉ trong trường hợp khẩn cấp?**

Pháp luật quốc tế về quyền con người cho phép Nhà nước được hạn chế và đình chỉ hay thoái lui nghĩa vụ thực hiện quyền con người trong một số trường hợp nhất định. Theo Nguyên tắc Siracusa<sup>1</sup>, một số quyền con người không thể bị tạm đình chỉ thực hiện nghĩa vụ trong bất kỳ

---

<sup>1</sup> Năm 1984 một hội nghị quốc tế đã được tổ chức tại thành phố Siracusa (Italy) và đã thông qua các nguyên tắc về hạn chế và tạm đình chỉ thực hiện quyền con người - gọi là *Các nguyên tắc Siracusa*. Các nguyên tắc này đã được ECOSOC của Liên hợp quốc chấp thuận và đưa vào phụ lục của Nghị quyết - UN Doc E/CN.4/1985/4 (1985).

trường hợp nào, kể cả tình trạng khẩn cấp. Các quyền này bao gồm:

- Quyền sống.
- Quyền không bị tra tấn, đối xử vô nhân đạo, trừng phạt hay hạ nhục.
- Quyền không bị bắt làm nô lệ, nô dịch.
- Quyền không bị hồi tố và các bảo đảm tư pháp khác.
- Quyền không bị bỏ tù vì lý do không hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng.
- Quyền được công nhận trước pháp luật.
- Tự do tư tưởng, tôn giáo<sup>1</sup>.

#### **Câu 8. Bộ luật quốc tế về quyền con người gồm những văn kiện gì?**

Bộ luật quốc tế về quyền con người là thuật ngữ chỉ tập hợp ba văn kiện quốc tế cơ bản trên lĩnh vực này, đó là: UDHR, ICCPR và ICESCR. Ngoài ra, theo một số tài liệu, các Nghị định thư bổ sung của ICCPR và ICESCR cũng là những bộ phận cấu thành của Bộ luật này.

UDHR là thỏa thuận pháp lý quốc tế đầu tiên về quyền con người, được các quốc gia cùng nhau xây dựng. UDHR gồm 30 điều, lần đầu tiên xác định một tập hợp những quyền và tự do cơ bản, cụ thể của con người trên tất cả các phương diện chính trị, dân sự, kinh tế, xã hội, văn hóa.

ICCPR và ICESCR xác định cụ thể, chi tiết các quyền và tự do cơ bản của con người trên lĩnh vực quyền dân sự, chính trị; quyền kinh tế, xã hội và văn hóa; đồng thời xác lập trách nhiệm, nghĩa vụ của các quốc gia thành viên phải tôn trọng và bảo vệ các quyền và tự do cơ bản của con người cũng như hình thành cơ chế giám sát việc các quốc gia thành viên thực hiện công ước bằng việc thành lập Ủy ban giám sát Công ước.

---

<sup>1</sup> Xem ICJ: *Siracusa Principles on the limitation and derogation provisions in the International Covenant on Civil and Political Rights*, <https://www.icj.org/wp-content/uploads/1984/07/Siracusa-principles-ICCPR-legal-submission-1985-eng.pdf>

**Câu 9. Có bao nhiêu văn kiện quốc tế cơ bản của Liên hợp quốc về quyền con người?**

Từ khi thành lập đến nay, Liên hợp quốc đã thông qua hàng trăm văn kiện về quyền con người và liên quan đến quyền con người. Các văn kiện này có thể ở dạng tuyên ngôn, tuyên bố, điều ước, nguyên tắc, hướng dẫn v.v.. trong đó có thể kể đến một số văn kiện cơ bản sau:

- Tuyên ngôn phổ quát về quyền con người (UDHR)
- Các điều ước quốc tế cơ bản về quyền con người:
  - + Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị (ICCPR).
  - + Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hoá (ICESCR).
  - + Công ước quốc tế về xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW)
  - + Công ước quốc tế về xoá bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc (CERD).
  - + Công ước chống tra tấn và các hình thức đối xử, trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo và hạ nhục khác (CAT).
  - + Công ước về quyền trẻ em (CRC).
  - + Công ước quốc tế về bảo vệ quyền của tất cả những người lao động di cư và thành viên gia đình họ (CMW).
  - + Công ước về quyền của người khuyết tật (CRPD).
  - + Công ước quốc tế về bảo vệ những người bị cưỡng bức mất tích (CPED).
- Các tuyên ngôn, tuyên bố:
  - + Tuyên bố Bắc Kinh và Cương lĩnh hành động (1995).
  - + Tuyên bố về xoá bỏ bạo lực với phụ nữ (1993).
  - + Tuyên bố Viên và Chương trình hành động (1993).

- Các văn kiện khác về quyền trẻ em:

+ Công ước chống phân biệt đối xử trong giáo dục (1960).

+ Nghị định thư không bắt buộc của CRC về buôn bán trẻ em, mại dâm trẻ em và văn hóa phẩm khiêu dâm trẻ em (2000).

+ Nghị định thư không bắt buộc của CRC về lôi cuốn trẻ em tham gia xung đột vũ trang (2000).

+ Công ước về trấn áp việc buôn bán người và bóc lột mại dâm người khác (1949).

+ Nghị định thư về việc ngăn ngừa, phòng chống và trừng trị việc buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em, bổ sung cho Công ước Palermo (2000).

+ Hướng dẫn Hành động đối với trẻ em trong hệ thống tư pháp hình sự.

+ Hướng dẫn Chăm sóc thay thế trẻ em.

+ Hướng dẫn của Liên hợp quốc về ngăn chặn phạm pháp vị thành niên (Hướng dẫn của Riyadh).

+ Các nguyên tắc tiêu chuẩn tối thiểu của Liên hợp quốc về hoạt động tư pháp với người chưa thành niên - Các quy tắc Bắc Kinh.

+ Quy tắc tối thiểu tiêu chuẩn của Liên hợp quốc về các biện pháp không giam giữ (Quy tắc Tokyo).

+ Tuyên bố về các nguyên tắc công lý cơ bản cho nạn nhân của tội phạm và lạm dụng quyền lực.

#### **Câu 10. Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị (ICCPR) quy định các quyền con người nào?**

ICCPR là công ước quốc tế do Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua ngày 16-12-1966 và có hiệu lực từ ngày 23-3-1976. ICCPR là một trong ba văn kiện của Bộ luật quốc tế về quyền con người, điều chỉnh

những quyền cơ bản của con người thuộc phạm trù dân sự, chính trị. ICCPR gồm 6 phần, 53 điều với các quyền dân sự, chính trị cơ bản sau đây:

Có *ba quyền* có vị trí đặc biệt trong ICCPR, đó là: Quyền tự quyết (Điều 1) bao gồm quyền được “tự do định đoạt thể chế chính trị và theo đuổi đường hướng phát triển kinh tế, xã hội và văn hóa” trong điều kiện thực tế của mình; quyền không phân biệt đối xử (Điều 2, Điều 3 và Điều 26); quyền của người thiểu số (Điều 27). Ngoài ra, ICCPR ghi nhận một số quyền dân sự, chính trị cơ bản sau:

- Quyền sống (Điều 6).
- Quyền không bị tra tấn, đối xử hay trừng phạt tàn ác, vô nhân đạo hoặc hạ nhục (Điều 7).
- Quyền không bị bắt làm nô lệ, nô dịch (Điều 8).
- Quyền tự do và an ninh cá nhân (Điều 9).
- Quyền không bị bỏ tù vì lý do không có khả năng không hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng (Điều 11).
- Quyền tự do đi lại và lựa chọn nơi cư trú (Điều 12).
- Quyền của người nước ngoài (Điều 13).
- Quyền được bình đẳng trước toà án và cơ quan tài phán, được xét xử bằng một tòa án độc lập, không thiên vị (Điều 14).
- Quyền riêng tư (Điều 17).
- Quyền tự do tín ngưỡng và tôn giáo (Điều 18).
- Quyền tự do ngôn luận và bày tỏ chính kiến (Điều 19).
- Quyền tự do lập hội, hội họp (Điều 22).
- Quyền kết hôn, thành lập gia đình (Điều 23).
- Quyền trẻ em (Điều 24).
- Quyền của các nhóm thiểu số (Điều 27).

**Câu 11. Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, văn hóa và xã hội (ICESCR) quy định các quyền con người nào?**

ICESCR được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua ngày 16-12-1966, có hiệu lực từ ngày 03-01-1976. ICESCR là một trong ba văn kiện của Bộ luật quốc tế về quyền con người, điều chỉnh những quyền cơ bản của con người thuộc phạm trù kinh tế, xã hội và văn hóa.

Điều 1 ICESCR công nhận quyền của mọi dân tộc được tự định đoạt thể chế chính trị, đường hướng phát triển kinh tế, xã hội và văn hóa, gồm cả quyền tự do định đoạt các nguồn tài nguyên của mình miễn là không làm phương hại đến các nghĩa vụ phát sinh từ hợp tác kinh tế quốc tế, dựa trên nguyên tắc các bên cùng có lợi và các nguyên tắc của luật pháp quốc tế.

Các điều khoản từ Điều 6 đến Điều 15 ghi nhận các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa cụ thể như sau:

- Quyền được hưởng an sinh xã hội, gồm cả bảo hiểm xã hội (Điều 9).

- Quyền tự do lập gia đình, bao gồm cả quyền của các bà mẹ được nghỉ dưỡng trước và sau khi sinh và có các cơ chế bảo vệ trẻ em (Điều 10).

- Quyền được thụ hưởng mức sống phù hợp, bao gồm các khía cạnh về ăn, mặc, ở và được không ngừng cải thiện đời sống (Điều 11).

- Quyền được hưởng một tiêu chuẩn sức khỏe về thể chất và tinh thần ở mức cao nhất có thể (Điều 12).

- Quyền được giáo dục, bao gồm phổ cập giáo dục tiểu học miễn phí, giáo dục phổ thông đại trà và quyền tiếp cận bình đẳng các trường đại học. Những việc này nhằm tới mục tiêu phát triển toàn diện nhân cách và ý thức về phẩm giá con người và tạo điều kiện cho tất cả mọi người tham gia hiệu quả vào các hoạt động xã hội (Điều 13 và 14).

- Quyền được tham gia vào đời sống văn hóa và hoạt động khoa học (Điều 15).

**Câu 12. Yêu cầu thực hiện các quyền dân sự, chính trị và các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa có gì khác nhau?**

Trong bối cảnh Chiến tranh lạnh căng thẳng vào những năm 90 của thế kỷ XX và xung đột ý thức hệ của hai siêu cường Mỹ và Liên Xô, các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa được đề cập đến với quan điểm khác biệt với các quyền dân sự và chính trị. UDHR không có sự phân biệt giữa các quyền, nhưng các quốc gia phương Tây có xu hướng chú trọng nhiều hơn đến các quyền dân sự và chính trị, trong khi các quốc gia của phương Đông đề cao tầm quan trọng của các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa. Điều này dẫn đến việc thương lượng và thông qua hai Công ước riêng biệt: ICCPR và ICESCR.

Các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa được coi là đòi hỏi mức đầu tư cao, trong khi các quyền dân sự và chính trị là yêu cầu Nhà nước không can thiệp vào các quyền tự do cá nhân. Tuy nhiên, các quyền dân sự và chính trị, mặc dù bao gồm các quyền tự do cá nhân, cũng cần được đầu tư để thực hiện đầy đủ các quyền đó (ví dụ như các quyền yêu cầu đáp ứng cơ sở hạ tầng như hệ thống tòa án, nhà tù tôn trọng điều kiện sống tối thiểu cho tù nhân, trợ giúp pháp lý, bầu cử tự do và công bằng v.v..). Trong những thập niên gần đây, các Công ước quốc tế về quyền con người như CRC hay CRPD đã tích hợp tất cả các quyền trong một văn kiện mà không có sự phân biệt nào.

Trên thực tế, việc thụ hưởng tất cả các quyền con người có mối liên hệ với nhau (ví dụ, những người không biết đọc và viết thường khó tìm việc làm, tham gia hoạt động chính trị hoặc thực hiện quyền tự do ngôn luận của họ). Tương tự, nạn đói ít xảy ra hơn khi các cá nhân có thể thực hiện các quyền chính trị, chẳng hạn như quyền bầu cử. Do đó, khi được xem xét kỹ lưỡng và phân loại các quyền như “quyền dân sự và

chính trị” hoặc “quyền kinh tế, xã hội và văn hóa” không có ý nghĩa gì<sup>1</sup>.

Như vậy, không có sự khác biệt đáng kể nào trong việc thực hiện các quyền dân sự chính trị hay các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa. Tuy nhiên, có thể thấy, việc thực hiện phần lớn các quyền dân sự chính trị yêu cầu Nhà nước phải thực hiện ngay lập tức. Trong khi việc thực hiện phần lớn các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa phụ thuộc vào nguồn lực của các quốc gia nên được thực hiện từ từ, từng bước một.

**Câu 13. Có những nhóm xã hội dễ bị tổn thương nào? Vì sao cần phải bảo vệ quyền của các nhóm dễ bị tổn thương?**

Các nhóm xã hội dễ bị tổn thương (vulnerable groups) là khái niệm dùng để chỉ các cộng đồng, nhóm người có vị thế về chính trị, kinh tế hoặc xã hội thấp hơn đa số, khiến họ có nguy cơ bị bỏ quên hay bị vi phạm quyền cao hơn. Bởi vậy, họ cần được chú ý bảo vệ đặc biệt so với những nhóm, cộng đồng người khác.

Khái niệm “dễ bị tổn thương” là một khái niệm mở và có thể thay đổi theo ngữ cảnh. Thông thường, các công ước về quyền con người đưa ra các đảm bảo cho những người thuộc các nhóm này. Ví dụ, Ủy ban về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa Liên hợp quốc đã nhiều lần nhấn mạnh rằng ICESCR là một phương tiện để bảo vệ các nhóm dễ bị tổn thương trong xã hội, yêu cầu các quốc gia mở rộng các biện pháp bảo vệ đặc biệt cho họ và đảm bảo mức độ ưu tiên được xem xét, ngay cả trong trường hợp phải đối mặt với những hạn chế nghiêm trọng về nguồn lực.

Pháp luật quốc tế về quyền con người xác định các nhóm dễ bị tổn thương như sau: (1) phụ nữ và trẻ em gái; (2) trẻ em; (3) người tị nạn;

---

<sup>1</sup> Xem UN Human Rights: *Key concepts on ESCRs - Are economic, social and cultural rights fundamentally different from civil and political rights?*, <https://www.ohchr.org/en/issues/escr/pages/areescrfundamentallydifferentfromcivilandpoliticalrights.aspx>

(4) những người bị mất nơi ở trong nước; (5) người không quốc tịch; (6) dân tộc thiểu số; (7) người bản địa; (8) lao động nhập cư; (9) người khuyết tật; (10) người cao tuổi; (11) người sống chung với HIV/AIDS; (13) nhóm LGBTI (đồng tính nữ, đồng tính nam, song tính và chuyển giới, liên giới); (14) thanh niên; (15) người bị bệnh bạch tạng<sup>1</sup>.

#### **Câu 14. Nhà nước có những nghĩa vụ nào để bảo đảm quyền con người?**

Theo nhận thức phổ biến của cộng đồng quốc tế, để bảo đảm quyền con người, Nhà nước có ba cấp độ nghĩa vụ như sau:

*Thứ nhất, nghĩa vụ tôn trọng (Respect):* Nghĩa vụ này đòi hỏi các nhà nước không được tùy tiện tước bỏ, hạn chế hay can thiệp, kể cả trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc hưởng thụ các quyền con người. Đây được coi là một nghĩa vụ thụ động vì không đòi hỏi các nhà nước phải chủ động đưa ra những sáng kiến, biện pháp hay chương trình nhằm hỗ trợ các công dân trong việc hưởng thụ các quyền.

*Thứ hai, nghĩa vụ bảo vệ (Protect):* Nghĩa vụ này đòi hỏi các nhà nước phải ngăn chặn sự vi phạm quyền con người của các bên thứ ba. Đây được coi là một nghĩa vụ chủ động bởi để ngăn chặn sự vi phạm quyền con người của bên thứ ba, các nhà nước phải chủ động đưa ra những biện pháp và xây dựng cơ chế phòng ngừa, xử lý những hành vi vi phạm.

*Thứ ba, nghĩa vụ thực hiện (Fulfill):* Nghĩa vụ này đòi hỏi nhà nước phải có những biện pháp nhằm hỗ trợ công dân trong việc thực hiện các quyền con người. Đây cũng là nghĩa vụ chủ động, bởi lẽ nó yêu cầu nhà nước phải có những kế hoạch, chương trình cụ thể để bảo đảm cho công dân được hưởng thụ đến mức cao nhất có thể các quyền con người.

---

<sup>1</sup> Xem UN Office of High Commissioner: *List of Human Rights Issues*, <https://www.ohchr.org/EN/Issues/Pages/ListOfIssues.aspx>

**Câu 15. Cơ chế thúc đẩy và bảo vệ quyền con người là gì? Hiện nay trên thế giới có các cơ chế thúc đẩy và bảo vệ quyền con người nào?**

Các cơ chế thúc đẩy và bảo vệ quyền con người (Human rights mechanisms) gồm có ba cấp độ cơ bản: cấp độ quốc tế (Liên hợp quốc), cấp độ khu vực (châu Âu, châu Phi, châu Mỹ Latinh) và cấp độ quốc gia.

*Thứ nhất*, ở cấp độ quốc tế, cơ chế bảo vệ và thúc đẩy quyền con người quan trọng nhất chính là các cơ quan và các quy tắc, thủ tục về thúc đẩy, bảo vệ quyền con người của Liên hợp quốc.

*Thứ hai*, cơ chế của các tổ chức khu vực, cụ thể là cơ chế bảo vệ quyền con người châu Âu, châu Mỹ, châu Phi và Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).

*Thứ ba*, nghĩa vụ bảo vệ và thúc đẩy quyền con người trước hết và quan trọng nhất thuộc về Nhà nước. Vì vậy, cùng với bộ máy thực thi pháp luật, nhiều quốc gia trên thế giới hiện nay đã tăng cường thành lập cơ chế quốc gia về thúc đẩy, bảo vệ quyền con người.

Cả ba cơ chế này được hình thành có tính hỗ trợ, bổ sung cho nhau để làm tăng tính hiệu quả của việc thúc đẩy và bảo vệ quyền con người trên thế giới.

**Câu 16. Cơ chế bảo vệ quyền con người của Liên hợp quốc là gì?**

Dựa trên vị thế pháp lý và chức năng, nhiệm vụ, các cơ quan bảo vệ quyền con người Liên hợp quốc được hình thành trên hai cơ chế:

*Cơ chế dựa theo Hiến chương Liên hợp quốc*: Trên cơ sở 6 cơ quan chính của Liên hợp quốc là: Đại hội đồng, Hội đồng Bảo an, Tòa án công lý quốc tế, Cơ quan thư ký của Liên hợp quốc, Hội đồng kinh tế - xã hội (ECOSOC) và Hội đồng quản thác (cơ quan này đã chấm dứt hoạt động từ năm 1994), hệ thống các cơ quan chuyên trách về quyền con người đã được thành lập để hỗ trợ các cơ quan này thực hiện các hoạt động liên quan đến quyền con người. Trong số đó, có hai cơ quan quan trọng

nhất đó là: Hội đồng nhân quyền (HRC) và Cao ủy Liên hợp quốc về quyền con người (OHCHR).

*Cơ chế dựa trên Công ước:* Cơ chế này được thành lập để giám sát, thúc đẩy việc thực hiện điều ước quốc tế về quyền con người, thông qua việc nhận xét và đưa ra khuyến nghị liên quan đến các báo cáo thực hiện Công ước từ các quốc gia thành viên.

### **Câu 17. Cơ chế bảo vệ quyền con người ở cấp khu vực là gì?**

Cơ chế bảo vệ và thúc đẩy quyền con người ở cấp khu vực là các thể chế, thiết chế và hệ thống pháp luật cùng quy tắc, tiêu chuẩn và nguyên tắc nhằm bảo vệ và thúc đẩy quyền con người ở phạm vi khu vực. Các cơ chế này bao gồm: Hiến chương, Công ước khu vực về quyền con người, Tòa án quyền con người, các tổ chức giám sát thực hiện quyền con người ở khu vực...

Hệ thống bảo vệ và thúc đẩy quyền con người khu vực có ưu điểm là giải quyết nhanh chóng và hiệu quả các khiếu kiện liên quan đến các vấn đề quyền con người chung trong khu vực đó. Sự tương đồng về trình độ kinh tế, sự gắn gũi về quan niệm văn hóa và tín ngưỡng... của các quốc gia trong khu vực cũng là yếu tố thuận lợi để cơ chế này hoạt động hiệu quả. Các hệ thống khu vực có thể đưa ra những tiêu chuẩn quyền con người và biện pháp thực thi cao hơn hệ thống quyền con người của Liên hợp quốc. Thêm vào đó, các cơ chế khu vực, do phạm vi hẹp hơn về địa lý, tỏ ra dễ tiếp cận hơn với công chúng so với cơ chế quốc tế của Liên hợp quốc.

Tại các khu vực châu Âu, châu Mỹ, châu Phi, cơ chế quyền con người khu vực đã lần lượt hình thành và được bổ sung, hoàn thiện nhằm thích ứng với sự biến đổi chung về kinh tế, chính trị, xã hội. Châu Á hiện chưa xây dựng được cơ chế quyền con người liên chính phủ như các khu vực khác trên thế giới. Tuy nhiên, một số tổ chức ở châu Á đã nỗ lực hoạt động nhằm khắc phục những thiếu hụt trên lĩnh vực quyền

con người. Hội nghị Đại hội đồng Liên minh Nghị viện châu Á vì hòa bình (AAPP) lần thứ 6 đã thông qua Hiến chương Quyền con người của các dân tộc châu Á. Tại Đông Nam Á, nhóm 10 thành viên ASEAN đã chính thức thành lập Ủy ban liên chính phủ ASEAN về quyền con người (AICHR) vào năm 2009. Mặc dù cần hoàn thiện hơn nữa quy chế về tổ chức và hoạt động, AICHR bước đầu đóng góp tích cực vào quá trình bảo vệ và thúc đẩy quyền con người ở khu vực ASEAN cũng như tăng cường đối thoại, hiểu biết lẫn nhau về quyền con người giữa các quốc gia thành viên cũng như giữa ASEAN và các tổ chức, thể chế khu vực, quốc gia và quốc tế trên phạm vi toàn thế giới. Vào tháng 6-2007, các Ủy ban quyền con người quốc gia của Thái Lan, Indonesia, Malaysia và Philippines đã ký Tuyên bố hợp tác, cam kết hợp tác với nhau trên 5 lĩnh vực cùng quan tâm<sup>1</sup>.

#### **Câu 18. Cơ chế bảo vệ quyền con người ở cấp quốc gia là gì?**

Bên cạnh cơ chế quốc tế và khu vực, các quốc gia thường có cơ quan chuyên trách bảo vệ và thúc đẩy quyền con người. Cơ chế quốc gia về bảo vệ và thúc đẩy quyền con người nhằm thực hiện nghĩa vụ của các nhà nước được nêu trong tất cả các văn kiện quốc tế về quyền con người. Đòi hỏi này xuất phát từ thực tế các cơ quan nhà nước là chủ thể chính trong việc tôn trọng, bảo vệ, thúc đẩy quyền con người. Tuy nhiên, Nhà nước cũng là chủ thể dễ vi phạm quyền con người nhất, vì họ có quyền lực. Nếu quyền lực đó không được kiểm soát sẽ dễ lạm quyền, lạm quyền - những biểu hiện của sự tha hóa quyền lực và cũng chính là biểu hiện của sự vi phạm quyền con người. Vì vậy, nhiều quốc gia trên thế giới đã thiết lập các cơ quan độc lập hoặc bán độc lập với bộ máy nhà nước để tăng cường hiệu quả của việc bảo vệ và thúc đẩy các quyền con người. Các quốc gia có thể lựa chọn các mô hình tương đối khác nhau trong việc

---

<sup>1</sup> Xem <https://www.asiapacificforum.net/support/international-regional-advocacy/regional-mechanisms/>

xây dựng các cơ quan quốc gia về bảo vệ và thúc đẩy quyền con người, đó là Ủy ban quyền con người quốc gia (National Commissions of Human Rights) hoặc mô hình Thanh tra Quốc hội (Ombudsman). Một số quốc gia lại theo mô hình bổ nhiệm Cao ủy chuyên trách về quyền con người. Chẳng hạn như Cao ủy quyền con người của Nghị viện Ukraina (Ukrainian Parliament Commissioner for Human Rights).

Cơ quan quốc gia về bảo vệ và thúc đẩy quyền con người được thành lập dựa trên nguyên tắc Paris. Theo đó, nguyên tắc Paris khuyến nghị cần bảo đảm sự đa dạng của cơ quan này gồm đại diện của nhiều loại cơ quan, tổ chức trong xã hội, trong đó bao gồm: Các NGO hoạt động trên lĩnh vực quyền con người và chống phân biệt đối xử, các tổ chức công đoàn, các tổ chức xã hội và nghề nghiệp liên quan như đoàn luật sư, hiệp hội của các bác sĩ, nhà báo, các nhà khoa học; các xu hướng tôn giáo và triết học; các trường đại học; các nghị viện; các cơ quan chính phủ.

Về thẩm quyền, nguyên tắc Paris khuyến khích việc trao thẩm quyền cho cơ quan quyền con người quốc gia bằng cách ghi nhận trong Hiến pháp hoặc văn bản luật thông qua các phương thức hoạt động cụ thể nhằm bảo vệ hiệu quả nhất quyền con người tại quốc gia đó. Ví dụ: xem xét bất kỳ vấn đề nào về quyền con người thuộc phạm vi chức năng của cơ quan một cách chủ động hoặc theo đề nghị của chính quyền hoặc của các tổ chức, cá nhân khác; hoặc xem xét ý kiến của bất kỳ cá nhân nào và tìm kiếm bất kỳ thông tin, tài liệu cần thiết nào cho việc đánh giá thực trạng về quyền con người thuộc phạm vi chức năng hoạt động của cơ quan; duy trì tư vấn cho các cơ quan, tổ chức khác của quốc gia có trách nhiệm trong việc giải quyết các vấn đề về quyền con người (đặc biệt là các cơ quan thanh tra, hòa giải...).

**Câu 19. Nhà nước Việt Nam đã phê chuẩn những điều ước quốc tế nào của Liên hợp quốc về quyền con người?**

Ngay sau khi trở thành thành viên của Liên hợp quốc năm 1977,

Việt Nam đã nỗ lực và tích cực gia nhập các điều ước quốc tế quan trọng về quyền con người. Điều đó thể hiện thiện chí và trách nhiệm của Việt Nam trong việc tôn trọng, bảo vệ, thực hiện các quyền con người theo các chuẩn mực quốc tế. Đến nay, Việt Nam đã tham gia 7 trong tổng số 9 công ước cốt lõi về quyền con người và 2 nghị định thư tùy chọn của CRC. Tên các công ước cụ thể như sau:

STT	Công ước cốt lõi về quyền con người mà Việt Nam là quốc gia thành viên	Ngày tháng phê chuẩn, gia nhập
1	Công ước về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR), năm 1966	Gia nhập ngày 24-9-1982
2	Công ước về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (ICESCR), năm 1966	Gia nhập ngày 24-9-1982
3	Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW), năm 1979	Phê chuẩn ngày 17-2-1982
4	Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc (CERD) năm 1969	Gia nhập ngày 9-6-1982
5	Công ước về quyền trẻ em (CRC) năm 1989	Phê chuẩn ngày 28-2-1990
6	Nghị định thư không bắt buộc của CRC về lời cuốn trẻ em tham gia trong xung đột vũ trang, năm 2000	Phê chuẩn ngày 20-12-2001
7	Nghị định thư không bắt buộc của CRC về buôn bán trẻ em, mại dâm trẻ em và văn hóa phẩm khiêu dâm trẻ em, năm 2000	Phê chuẩn ngày 20-12-2001
8	Công ước về các quyền của người khuyết tật (CRPD), năm 2006	Phê chuẩn ngày 5-2-2015
9	Công ước chống tra tấn và các hình thức đối xử tàn bạo, vô nhân đạo và hạ nhục khác (CAT), năm 1984	Phê chuẩn ngày 5-2-2015

## Phần 2

### GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI TRONG TRƯỜNG HỌC

#### Câu 20. Giáo dục quyền con người là gì?

Quyền về giáo dục được ghi nhận trong Điều 26 của UDHR cũng như trong ICESCR, CRC và nhiều văn kiện quốc tế về quyền con người. Giáo dục thường được nhắc đến như một quyền mang tính phương tiện vì “giáo dục vừa là một quyền con người về bản chất và cũng là một phương tiện không thể thay thế để hiện thực hóa các quyền con người khác” (ECOSOC).

Có nhiều định nghĩa về giáo dục quyền con người, tùy thuộc vào cách tiếp cận của các tổ chức khác nhau:

Theo Trung tâm tài nguyên khu vực châu Á về giáo dục quyền con người: *Giáo dục quyền con người là một quá trình có sự tham gia vào các hoạt động học tập được thiết kế có chủ ý lấy kiến thức, giá trị và kỹ năng quyền con người làm nội dung chính, hướng tới công chúng để giúp họ hiểu hơn về trải nghiệm bản thân và kiểm soát cuộc sống<sup>1</sup>.*

Tuyên ngôn của Liên hợp quốc về giáo dục và đào tạo quyền con người khẳng định: *Giáo dục và đào tạo quyền con người bao gồm tất cả các hoạt động giáo dục, đào tạo, thông tin, hoạt động nâng cao nhận thức và học tập nhằm thúc đẩy sự tôn trọng và tuân thủ tất cả các quyền và tự do cơ bản của con người. Từ đó, góp phần vào việc phòng ngừa vi phạm và lạm dụng quyền con người bằng cách trang bị cho mọi người kiến thức, kỹ năng, sự hiểu biết và nâng cao thái độ, hành vi của họ, để trao*

---

<sup>1</sup> Xem *Gói giáo dục quyền con người*, Trung tâm Tài nguyên khu vực châu Á về giáo dục quyền con người, 2003, tr.22.

quyền cho họ đóng góp vào việc xây dựng và thúc đẩy văn hóa phổ quát về quyền con người<sup>1</sup>.

Trung tâm Quyền con người thuộc Đại học Minnesota (Mỹ) nêu quan điểm: *Giáo dục quyền con người là một quá trình thu nhận kiến thức, kỹ năng và giá trị liên quan để hiểu, khẳng định và biện minh cho quyền của mỗi người dựa trên các tiêu chuẩn quyền con người quốc tế. Định nghĩa này ngụ ý rằng quyền con người là công cụ trao quyền... Qua việc khuyến khích phát triển năng lực và khả năng (giáo dục quyền con người) để mở rộng ý nghĩa của việc được làm người. Do đó, giáo dục có thể và nên là một quá trình trao quyền, cho phép những cá thể sống ngoài lề về mặt kinh tế, xã hội, chính trị và văn hóa để họ khẳng định vị thế là thành viên luôn tham gia vào cộng đồng*<sup>2</sup>.

Liên hợp quốc đã khởi xướng một số chương trình và chiến dịch về giáo dục quyền con người kể từ khi thông qua UDHR năm 1948. Điểm nhấn quan trọng là vào năm 2001, Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua *Tuyên ngôn về giáo dục và đào tạo quyền con người*. Điều 1 của Tuyên ngôn nhấn mạnh rằng mọi người đều có quyền đối với giáo dục quyền con người và cụ thể là quyền biết, tìm kiếm và nhận thông tin về tất cả các quyền con người và tự do căn bản; rằng giáo dục nhân quyền là cần thiết để có sự tôn trọng và thực thi các quyền con người rộng rãi hơn; và rằng giáo dục nhân quyền giúp tạo ra tiếp cận đến các quyền con người khác. Điều 2 đưa ra định nghĩa: *Giáo dục và đào tạo quyền con người bao gồm tất cả các hoạt động giáo dục, đào tạo, thông tin, nâng cao nhận thức và học tập nhằm thúc đẩy sự tôn trọng phổ quát, thực hiện tất cả các quyền con người và tự do căn bản, từ đó đóng góp vào việc ngăn chặn các vi phạm quyền con người thông qua việc cung cấp*

---

<sup>1</sup> Xem Điều 2 Tuyên ngôn của Liên hợp quốc về giáo dục và đào tạo quyền con người.

<sup>2</sup> Xem Mô-đun 20: *Giáo dục để trao quyền*, [www1.umn.edu/humanrts/edumat/IHRIP/circle/modules/module20.htm](http://www1.umn.edu/humanrts/edumat/IHRIP/circle/modules/module20.htm)

*các kiến thức, kỹ năng và sự hiểu biết cũng như phát triển thái độ và hành vi, trao quyền cho họ để tiếp tục đóng góp vào việc xây dựng, thúc đẩy một văn hóa phổ quát về quyền con người.*

Như vậy, có thể thấy, giáo dục quyền con người là một quá trình được thực hiện đối với mọi chủ thể, ở mọi lứa tuổi để giúp họ tìm hiểu về quyền của chính mình và quyền của người khác. Điều đó cho phép mọi người phát triển các kỹ năng và thái độ để thúc đẩy bình đẳng, phẩm giá và sự tôn trọng trong cộng đồng.

### **Câu 21. Tại sao phải giáo dục quyền con người?**

Thực hiện giáo dục quyền con người là nghĩa vụ của các quốc gia thành viên Liên hợp quốc, đặc biệt là các quốc gia thành viên của các điều ước quốc tế cơ bản về quyền con người. Nghĩa vụ này đã được quy định trong nhiều văn kiện quốc tế như UDHR, ICESCR, CRC, CEDAW, Công ước chống phân biệt đối xử trong giáo dục của UNESCO, Tuyên bố Viên và Chương trình hành động.

Trong nền giáo dục quốc dân, giáo dục quyền con người là một phần quan trọng của quyền giáo dục. Giáo dục quyền con người góp phần thực hiện mục tiêu thúc đẩy sự phát triển toàn diện của nhân cách con người và ghi nhận phẩm giá, tăng cường tôn trọng quyền con người, nhờ đó xây dựng một nền giáo dục có chất lượng cho mọi người.

Tâm quan trọng của giáo dục quyền con người đã được khẳng định trong thực tiễn. Nó góp phần quan trọng để xây dựng và phát triển xã hội, đồng thời trao quyền cho mọi người biết, yêu cầu và bảo vệ quyền của họ. Giáo dục quyền con người cũng thúc đẩy sự tham gia vào quá trình ra quyết định và giải quyết hòa bình các xung đột, khuyến khích sự đồng cảm, hòa nhập và không phân biệt đối xử<sup>1</sup>.

---

<sup>1</sup> Xem Emmaline Soken-Huberty: *What is human rights education?*, <https://www.human-right-scareers.com/issues/human-rights-education/>

Giáo dục quyền con người góp phần nâng cao hiệu quả của hệ thống giáo dục, từ đó góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội và chính trị của đất nước thông qua những đóng góp cụ thể sau:

- Nâng cao chất lượng giáo dục nhờ việc thúc đẩy phương pháp giảng dạy lấy người học làm trung tâm và khuyến khích sự tham gia của người học.

- Tăng khả năng tiếp cận và tham gia ở trường học nhờ việc tạo lập môi trường học tập dựa trên quyền con người, bảo đảm sự tiếp cận cho mọi đối tượng, bảo đảm sự bình đẳng, tôn trọng sự đa dạng và không phân biệt đối xử.

- Góp phần tạo ra sự gắn kết xã hội, phòng ngừa xung đột bằng việc thúc đẩy các giá trị, chuẩn mực về quyền con người.

## **Câu 22. Mục đích của giáo dục quyền con người là gì?**

Xuất phát từ vai trò, ý nghĩa của giáo dục quyền con người, Điều 26 của UDHR đã khẳng định một trong những mục tiêu của giáo dục phải nhằm: "... thúc đẩy sự tôn trọng các quyền và tự do cơ bản của con người". Trong các văn kiện quốc tế khác của Liên hợp quốc như Điều 13 của ICESCR, Điều 29 của CRC và đặc biệt là "các đoạn từ 78 đến 82" trong Tuyên bố Viên và Chương trình hành động được thông qua tại Hội nghị thế giới về quyền con người lần thứ hai tổ chức tại Viên (Áo) năm 1993 cũng nhấn mạnh rằng giáo dục quyền con người nhằm hướng đến thúc đẩy sự tôn trọng quyền con người.

Điều 2 Tuyên ngôn về giáo dục và đào tạo quyền con người đưa ra mục đích của giáo dục quyền con người. Theo đó, giáo dục quyền con người nhằm xây dựng kiến thức, kỹ năng và thái độ để trao quyền cho các cá nhân nhằm tôn trọng, bảo vệ và thực hiện quyền con người trong cuộc sống hàng ngày.

Một cách tổng thể, mục tiêu của giáo dục quyền con người là thúc

đẩy sự tôn trọng các quyền và tự do cơ bản của con người; phát triển phẩm chất, năng lực, kỹ năng tôn trọng, bảo vệ, thực hiện quyền của mình và tôn trọng quyền của người khác; thúc đẩy sự hiểu biết, khoan dung, bình đẳng giới và tình hữu nghị giữa các quốc gia, các nhóm dân tộc, chủng tộc, tôn giáo và ngôn ngữ; tạo điều kiện cho tất cả mọi người tham gia một cách bình đẳng, hiệu quả vào các hoạt động của xã hội và hỗ trợ các hoạt động của Liên hợp quốc trong duy trì hòa bình và an ninh quốc tế<sup>1</sup>.

### **Câu 23. Đối tượng của giáo dục quyền con người là gì?**

Quyền con người phải là một phần trong quá trình giáo dục của mỗi người. Vì thế, đối tượng của giáo dục quyền con người là tất cả mọi người. Tuy nhiên, một số đối tượng nhất định có nhu cầu đặc biệt hơn về giáo dục quyền con người: người dễ bị lạm dụng quyền con người hoặc nắm giữ các vị trí có trách nhiệm bảo vệ quyền con người... Giáo dục quyền con người cần có sự tham gia của nhiều bên, hướng đến nhiều đối tượng. Với cách tiếp cận khác nhau thì đối tượng của giáo dục quyền con người có thể xác định như sau:

#### *\* Cách tiếp cận theo chiều ngang*

*Chủ thể quyền:* là những người được hưởng quyền con người và nhận được sự bảo vệ nhất định. Trong môi trường học đường, chủ thể quyền chính là học sinh, sinh viên. Chủ thể quyền là đối tượng được hưởng quyền nhưng cũng có bổn phận tôn trọng quyền của người khác.

*Chủ thể chịu trách nhiệm về quyền:* là những người có vai trò, khả năng nhất định trong việc bảo vệ hoặc xâm phạm quyền của người khác. Ở môi trường học đường, chủ thể chịu trách nhiệm về quyền là những cá nhân hoặc tổ chức có nghĩa vụ như các cơ quan quản lý giáo

---

<sup>1</sup> Xem Viện Quyền con người: Báo cáo tổng hợp đề tài cấp Bộ trọng điểm: *Nội dung và phương pháp giáo dục quyền con người trong giáo dục phổ thông*, H.2019.

dục (Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo), ban giám hiệu, giáo viên...

*Các bên liên quan khác:* Bên cạnh chủ thể quyền và chủ thể chịu trách nhiệm, hoạt động giáo dục quyền con người cũng cần có sự tham gia của các tổ chức, cá nhân khác như cơ quan công an, thẩm phán, luật sư, cơ quan y tế, cơ quan, tổ chức hỗ trợ trẻ em, đường dây nóng v.v..

*\* Cách tiếp cận theo chiều dọc*

Đối tượng của giáo dục quyền con người bao gồm:

*Cán bộ thực thi pháp luật:*

- Nhân viên thực thi pháp luật, bao gồm cảnh sát và lực lượng an ninh.

- Giám thị trại giam, quản giáo.

- Luật sư, thẩm phán và công tố viên.

*Các quan chức chính phủ và các cơ quan lập pháp khác:*

- Thành viên của cơ quan lập pháp.

- Các quan chức nhà nước được bầu và bổ nhiệm.

- Thành viên của quân đội.

*Các chuyên gia khác:*

- Nhà giáo dục.

- Nhân viên xã hội.

- Chuyên gia sức khỏe.

- Nhà báo và đại diện truyền thông.

*Tổ chức, hiệp hội và nhóm:*

- Các tổ chức của phụ nữ.

- Các nhà hoạt động cộng đồng.

- Nhóm thiểu số.

- Thành viên của cộng đồng doanh nghiệp.

- Đoàn viên công đoàn.
- Những người bản xứ.
- Các nhà lãnh đạo tôn giáo và những người khác quan tâm đặc biệt đến các vấn đề công bằng xã hội.
- Trẻ em và thanh niên.
- Học sinh ở tất cả các cấp học.
- Người tị nạn.
- Người nghèo, dù ở thành phố hay nông thôn.
- Người khuyết tật.
- Lao động nhập cư<sup>1</sup>.

**Câu 24. Các nguyên tắc cơ bản của giáo dục quyền con người là gì?**

Chương trình thế giới về Thập kỷ giáo dục quyền con người (1995-2004) đã xác định các nguyên tắc giáo dục quyền con người như sau:

- Thúc đẩy tính phụ thuộc, không thể chia cắt và tính phổ biến của quyền con người, bao gồm các quyền dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa và quyền phát triển.

- Thúc đẩy sự tôn trọng, sự đánh giá khác nhau và các quan điểm trái ngược về phân biệt đối xử dựa trên chủng tộc, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, chính trị hoặc quan điểm khác, quốc gia, dân tộc, hoặc nguồn gốc xã hội, thể chất hay điều kiện tinh thần và các cơ sở khác.

- Khuyến khích sự phân tích về tính lặp lại và sự xuất hiện các vấn đề quyền con người (bao gồm nghèo đói, xung đột, bạo lực và phân biệt đối xử) dẫn tới những giải pháp phù hợp với các chuẩn mực quyền con người.

---

<sup>1</sup> Xem University of Minnesota: *Human Rights Resource Centre, An Introduction to Human Rights Education*, <http://hrlibrary.umn.edu/edumat/hreduseries/hereandnow/Part-2/HRE-intro.htm>

- Trao quyền cho cộng đồng và các cá nhân để xác định các nhu cầu quyền con người và bảo đảm họ đáp ứng những nhu cầu đó.

- Xây dựng các nguyên tắc quyền con người bao hàm cả bối cảnh văn hóa khác nhau và có tính đến sự phát triển về mặt xã hội, lịch sử ở mỗi quốc gia.

- Nâng cao kiến thức và các kỹ năng sử dụng các văn kiện quyền con người quốc tế, khu vực, quốc gia và địa phương và các cơ chế bảo vệ quyền con người.

- Sử dụng phương pháp giáo dục cùng tham gia bao gồm kiến thức, phân tích có sự phê phán và các kỹ năng hành động thúc đẩy quyền con người.

- Thúc đẩy môi trường nghiên cứu và giáo dục tự do không bị sợ hãi, khuyến khích tham gia, hưởng thụ quyền con người và phát triển đầy đủ nhân cách cá nhân.

### **Câu 25. Nội dung và các hình thức của giáo dục quyền con người là gì?**

Giáo dục quyền con người giúp hiểu và tuân thủ các nguyên tắc bình đẳng và nhân phẩm của con người; cam kết tôn trọng và bảo vệ quyền của tất cả mọi người. Nghị quyết của Liên hợp quốc về Thập kỷ giáo dục quyền con người (1995-2004) đã khẳng định: *Giáo dục quyền con người không chỉ là việc cung cấp thông tin mà nên là một quá trình lâu dài và toàn diện, trong đó mọi người ở mọi trình độ phát triển và ở mọi tầng lớp xã hội học cách tôn trọng nhân phẩm của người khác, các biện pháp và phương thức để đảm bảo sự tôn trọng đó trong mọi xã hội.*

Tuyên bố của Hội nghị thế giới về quyền con người năm 1993 đã nhấn mạnh rằng “giáo dục quyền con người nên bao gồm những tri thức về hòa bình, dân chủ, phát triển và công bằng xã hội” cũng như “luật nhân đạo... và nguyên tắc pháp quyền”. Điều đó cho thấy, giáo dục quyền con người sẽ bao gồm các nội dung nhằm hoàn thiện kiến thức, kỹ năng và các giá trị về quyền con người.

Các nội dung giáo dục quyền con người cơ bản cho mọi cấp học và mọi chương trình giáo dục bao gồm:

- Các nội dung về lịch sử quyền con người.
- Các văn kiện cơ bản về quyền con người.
- Các nguyên tắc nền tảng của quyền con người.
- Trách nhiệm bảo đảm quyền con người của Chính phủ, cá nhân và các tổ chức khác, trong đó Nhà nước đóng vai trò chính.

Như vậy, nội dung giáo dục quyền con người hướng đến cung cấp kiến thức cơ bản về quyền con người để thay đổi về nhận thức hành động, cách cư xử các quan hệ xã hội dựa trên quyền. Qua đó, tạo dựng niềm tin, động cơ thúc đẩy các hành động thực tế, thói quen xử sự hợp pháp, phù hợp với các chuẩn mực đạo đức xã hội, từ đó thiết lập văn hóa quyền con người trong xã hội.

Giáo dục quyền con người là một quá trình suốt đời và được áp dụng cho mọi lứa tuổi và trình độ, cấp giáo dục. Quá trình này bao gồm tất cả các hình thức giáo dục, đào tạo và học tập; có thể diễn ra trong mọi bối cảnh: ở nơi công cộng hoặc riêng tư, chính quy, phi chính quy hoặc phi chính thức.

*Giáo dục chính quy* bắt đầu từ giáo dục mầm non, qua tiểu học và trung học và lên đến giáo dục đại học. Hình thức giáo dục này thường dựa trên chương trình giảng dạy, nghiên cứu học thuật nói chung và đào tạo kỹ năng và chuyên ngành.

*Giáo dục phi chính quy* liên quan đến các hoạt động giáo dục có tổ chức, thường nằm ngoài hệ thống giáo dục chính quy. Hệ thống này được thiết kế cho các nhóm học tập, với các mục tiêu học tập cụ thể. Giáo dục phi chính quy có thể bao gồm giáo dục và đào tạo dựa trên công việc và đào tạo, cũng như giáo dục cho người lớn và cộng đồng, vận động cho quyền con người, kết nối và phát triển cộng đồng.

*Giáo dục phi chính thức* là một quá trình giáo dục suốt đời người, thường không có sự tổ chức và không có chủ ý, trong quá trình đó mỗi người học được thái độ, giá trị, kỹ năng và kiến thức từ kinh nghiệm cá nhân và các ảnh hưởng có tính giáo dục và nguồn tài liệu giáo dục trong môi trường của họ<sup>1</sup>.

## **Câu 26. Giáo dục về quyền con người là gì?**

Giáo dục về quyền con người nghĩa là dạy các nội dung về quyền con người để tăng kiến thức và sự hiểu biết của người học về quyền con người. Điều này bao gồm học về các khái niệm cốt lõi và đặc tính của quyền con người cũng như các quyền này được quy định thế nào trong khuôn khổ pháp luật quyền con người quốc tế và trong nước. Điều này cũng bao gồm trách nhiệm cá nhân về tôn trọng quyền của người khác cũng như các nghĩa vụ của nhà nước về bảo vệ và thực thi quyền.

Giáo dục về quyền con người cung cấp cho mọi người thông tin về quyền con người. Quá trình đó bao gồm học tập các nội dung cơ bản:

- Về phẩm giá vốn có của tất cả mọi người và quyền được đối xử tôn trọng của họ.
- Về các nguyên tắc quyền con người, chẳng hạn như tính phổ biến, không thể phân chia và sự phụ thuộc lẫn nhau của các quyền con người.
- Về cách thức quyền con người thúc đẩy sự tham gia vào quá trình ra quyết định và giải quyết hòa bình các xung đột.
- Về lịch sử và sự phát triển liên tục của quyền con người.
- Về luật pháp quốc tế, chẳng hạn như UDHR hoặc CRC.
- Về luật khu vực, quốc gia, tiểu bang và địa phương củng cố luật quyền con người quốc tế.

---

<sup>1</sup> Xem APF: *Giáo dục quyền con người* (Tài liệu dành cho cơ quan quyền con người quốc gia), 2019.

- Về việc sử dụng luật quyền con người để bảo vệ quyền con người và kêu gọi những người vi phạm phải giải trình cho hành động của họ.

- Về các vi phạm quyền con người như tra tấn, diệt chủng hoặc bạo lực đối với phụ nữ.

- Về những người và cơ quan (các chủ thể) có trách nhiệm thúc đẩy, bảo vệ và tôn trọng quyền con người<sup>1</sup>.

### **Câu 27. Giáo dục vì quyền con người là gì?**

Giáo dục vì quyền con người nghĩa là mục tiêu cuối cùng của việc dạy học, để trao quyền cho cá nhân nhằm thụ hưởng, thực hành quyền của mình và tôn trọng quyền của người khác. Đây không phải là điều nhất thiết có thể đạt được sau một bài học mà là một tiến trình lâu dài, nhưng mục đích cuối cùng của giáo dục nhân quyền là xây dựng những cá nhân, cộng đồng và xã hội tôn trọng, bảo vệ quyền của tất cả mọi người.

Giáo dục vì quyền con người giúp mọi người cảm nhận được tầm quan trọng của quyền con người, nội dung hóa các giá trị quyền con người và hòa nhập chúng vào cách họ sống. Các giá trị và thái độ quyền con người này bao gồm:

- Tăng cường tôn trọng các quyền con người và các quyền tự do cơ bản (Điều 30.2 UDHR).

- Nuôi dưỡng sự tôn trọng người khác, lòng tự trọng và hy vọng.

- Hiểu bản chất của phẩm giá con người và tôn trọng phẩm giá của người khác.

- Cảm thông với những người có quyền bị vi phạm.

- Thừa nhận rằng mọi công dân đều được hưởng các quyền con

---

<sup>1</sup> Xem University of Minnesota: *Human Rights Resource Centre, An Introduction to Human Rights Education*, <http://hrlibrary.umn.edu/edumat/hreduseries/hereandnow/Part-2/HRE-intro.htm>

người là điều kiện tiên quyết để có được một xã hội công bằng và nhân đạo.

- Nhận thức khía cạnh quyền con người trong các vấn đề và xung đột dân sự, xã hội, chính trị, kinh tế, văn hóa ở các quốc gia khác nhau.

- Coi trọng bất bạo động và tin rằng hợp tác tốt hơn xung đột<sup>1</sup>.

### **Câu 28. Giáo dục thông qua quyền con người là gì?**

Giáo dục *thông qua* quyền con người có nghĩa là việc dạy học dùng phương pháp tiếp cận quyền, trong đó quyền của cả người dạy và người học được tôn trọng và củng cố cho nội dung dạy học. Giáo dục *thông qua* quyền con người là việc làm thế nào để chuyển hóa từ các nguyên tắc quyền con người và các văn kiện pháp lý thành các chính sách có hiệu quả, các thực hành và thực tế hàng ngày trong lớp học. Trọng tâm của việc giáo dục *thông qua* quyền con người là củng cố các nguyên tắc và giá trị quyền con người bằng cách thể hiện những điều này trong thực tế.

Giáo dục *thông qua* quyền con người cũng mang lại cho mọi người ý thức về trách nhiệm tôn trọng, bảo vệ quyền con người và trao quyền cho họ *thông qua* các kỹ năng để thực hiện hành động thích hợp. Những kỹ năng hành động này bao gồm:

- Thừa nhận rằng các quyền con người có thể được thúc đẩy và bảo vệ ở cấp độ cá nhân, tập thể và thể chế.

- Phát triển sự hiểu biết quan trọng về các tình huống trong cuộc sống.

- Phân tích các tình huống dưới góc độ đạo đức.

- Nhận biết các tình huống bất công cần được cải thiện.

---

<sup>1</sup> Xem University of Minnesota: *Human Rights Resource Centre, An Introduction to Human Rights Education*, <http://hrlibrary.umn.edu/edumat/hreduseries/hereandnow/Part-2/HRE-intro.htm>

- Công nhận vai trò cá nhân và xã hội trong việc bảo vệ quyền con người.

- Phân tích các yếu tố gây ra vi phạm quyền con người.

- Hiểu biết và có thể sử dụng các công cụ và cơ chế quyền con người toàn cầu, khu vực, quốc gia và địa phương để bảo vệ quyền con người.

- Có chiến lược để đối phó thích hợp với sự bất công.

- Hành động để thúc đẩy và bảo vệ quyền con người<sup>1</sup>.

### **Câu 29. Giáo dục quyền con người được quy định trong những văn kiện quốc tế nào?**

Sự đồng thuận của cộng đồng quốc tế được chứng minh bằng nhiều quy định trong các văn kiện quốc tế, khu vực liên quan đến giáo dục quyền con người, cũng như các bình luận/khuyến nghị chung của các cơ quan liên quan làm rõ các điều khoản đó. Các văn kiện này bao gồm công ước, nghị định thư; điều lệ; tuyên bố; khuyến nghị; quyết định; nghị quyết; nguyên tắc; hướng dẫn; quy tắc; các cam kết và kết luận hoặc thông cáo chung của các cuộc họp, đại hội và hội nghị liên chính phủ. Mặc dù có địa vị pháp lý khác nhau, các văn kiện này thể hiện các cam kết giáo dục quyền con người của các quốc gia và là cơ sở cho quyền được giáo dục quyền con người.

Ngay trong *Lời nói đầu* của UDHR nhấn mạnh: “Mỗi cá nhân và mỗi tổ chức xã hội cần dạy và giáo dục để thúc đẩy sự tôn trọng các quyền con người và tự do”. Các công ước quyền con người cơ bản khác cũng đều ghi nhận nghĩa vụ của Nhà nước trong việc sử dụng giáo dục quyền con người nhằm nâng cao hiểu biết về quyền con người và các

---

<sup>1</sup> Xem University of Minnesota: *Human Rights Resource Centre, An Introduction to Human Rights Education*, <http://hrlibrary.umn.edu/edumat/hreduseries/hereandnow/Part-2/HRE-intro.htm>

nguyên tắc cơ bản. Bình luận chung số 13 của ICESCR năm 1999 nêu ra rằng giáo dục quyền con người vừa là giáo dục về chính quyền con người vừa là một phương tiện không thể thiếu trong việc nhận thức về các quyền con người khác và bổ sung thêm rằng giáo dục là phương tiện để làm cho các nhóm người bị cách ly và dễ bị tổn thương có khả năng tự thoát ra khỏi sự bần nghèo và tìm được cách để hòa nhập với cộng đồng của họ.

Một số văn kiện quyền con người ở cấp độ khu vực cũng đề cao vai trò của giáo dục quyền con người:

Điều 25 của Hiến chương châu Phi về quyền con người đặt ra nghĩa vụ cho các quốc gia thành viên có trách nhiệm thúc đẩy và đảm bảo các quyền con người thông qua giảng dạy, giáo dục và xuất bản tài liệu có liên quan.

Khoản 3 Nghị định thư bổ sung Công ước châu Mỹ về quyền con người cũng nhấn mạnh việc tôn trọng quyền con người, sự đa dạng về quan điểm, tự do cơ bản, công bằng và hòa bình là các nội dung cần được ưu tiên trong các chương trình giáo dục<sup>1</sup>.

Ngoài ra, các điều khoản về giáo dục quyền con người đã được đưa vào nhiều văn kiện và tài liệu quốc tế như: Điều 7 của CERD; Điều 13 của ICESCR; Điều 10 của CAT; Điều 10 của CEDAW; Điều 29 của CRC; Điều 33 của CMW; Điều 4 và Điều 8 của CRPD. Đặc biệt, đoạn 78-82 của Tuyên bố Viên và Chương trình hành động được thông qua tại Hội nghị toàn thế giới về quyền con người tái khẳng định: “Các quốc gia có nghĩa vụ bảo đảm rằng giáo dục phải nhằm mục đích tăng cường sự tôn trọng các quyền con người và tự do cơ bản”; “Giáo dục nhằm thúc đẩy sự hiểu biết, khoan dung, hòa bình và quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc, giữa các nhóm chủng tộc hoặc tôn giáo”.

---

<sup>1</sup> Xem <http://quyen-con-nguoi.hcma.vn/Content/UploadFiles/Documents/2020/hre-vietna-mese-version-revised-182202018022020063014.pdf>

**Câu 30. Liên hợp quốc đã thông qua những chương trình, kế hoạch hành động quốc tế nào về giáo dục quyền con người?**

Với vai trò tiên phong trong việc duy trì hòa bình và an ninh quốc tế, bảo vệ quyền con người, ngay từ những ngày đầu thành lập, Liên hợp quốc đã khẳng định quyết tâm về việc xây dựng các phương thức nhằm nâng cao nhận thức và sự tôn trọng quyền con người cho mọi thành viên của cộng đồng nhân loại.

Để thực hiện mục tiêu quan trọng và dài hạn này, ngày 20-12-1993, Đại hội đồng Liên hợp quốc đã thông qua Nghị quyết số 48/127 (A/RES/48/127) quy định lấy giai đoạn 1995-2004 là Thập kỷ giáo dục quyền con người của Liên hợp quốc (The United Nations Decade for Human Rights Education). Trong giai đoạn sau đó, từ năm 1994 đến năm 2003, Đại hội đồng Liên hợp quốc tiếp tục thông qua một loạt nghị quyết khác đề cập đến những vấn đề cụ thể trong việc triển khai thực hiện Thập kỷ giáo dục quyền con người. Năm 2011, Liên hợp quốc thông qua Tuyên ngôn về giáo dục và đào tạo quyền con người, trong đó nhấn mạnh giáo dục quyền con người có vai trò quan trọng trong việc xây dựng “một nền văn hóa quyền con người” toàn cầu...<sup>1</sup>.

Với quan điểm khuyến khích các sáng kiến giáo dục quyền con người, các quốc gia thành viên đã thông qua các khuôn khổ hành động quốc tế cụ thể khác nhau, chẳng hạn như Chiến dịch thông tin công cộng thế giới về quyền con người (1988), tập trung vào việc phát triển và phổ biến các tài liệu thông tin về quyền con người; Thập kỷ giáo dục quyền con người của Liên hợp quốc (1995-2004) và Kế hoạch hành động, khuyến khích việc xây dựng và thực hiện các chiến lược toàn diện, hiệu quả và bền vững về giáo dục quyền con người ở cấp quốc gia.

---

<sup>1</sup> Xem Nguyễn Thị Hồng Yến: Cơ sở nghiên cứu/đào tạo trong thực hiện khuyến nghị UPR về giáo dục quyền con người tại Việt Nam, <http://lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=210302>

Vào ngày 10-12-2004, theo khuyến nghị của ECOSOC, Đại hội đồng đã công bố Chương trình thế giới về giáo dục quyền con người dự kiến bắt đầu vào ngày 1-1-2005, nhằm thúc đẩy việc thực hiện giáo dục quyền con người; Thập kỷ quốc tế vì một nền văn hóa hòa bình và không bạo lực cho trẻ em thế giới (2001-2010); Thập kỷ giáo dục vì sự phát triển bền vững của Liên hợp quốc (2005-2014); Năm quốc tế về học tập quyền con người (2008-2009)<sup>1</sup>.

### **Câu 31. Chương trình thế giới về giáo dục quyền con người là gì?**

Ngày 10-12-2004, Đại hội đồng Liên hợp quốc đã công bố Chương trình thế giới về giáo dục quyền con người nhằm thúc đẩy việc thực hiện các chương trình giáo dục quyền con người trong tất cả các lĩnh vực. Chương trình được thành lập theo Nghị quyết 59/113 của Đại hội đồng Liên hợp quốc ngày 10-12-2004. OHCHR cung cấp sự điều phối toàn cầu của Chương trình thế giới này.

Dựa trên những thành tựu của Thập kỷ giáo dục quyền con người của Liên hợp quốc (1995-2004), Chương trình thế giới tìm cách thúc đẩy sự hiểu biết chung về các nguyên tắc cơ bản và phương pháp luận của giáo dục quyền con người, để cung cấp một khuôn khổ hành động cụ thể và tăng cường quan hệ đối tác và hợp tác từ cấp độ quốc tế đến cấp độ cơ sở.

Không giống như khung thời gian cụ thể của Thập kỷ giáo dục quyền con người, Chương trình thế giới được cấu trúc theo các giai đoạn liên tiếp, nhằm tập trung hơn nữa các nỗ lực giáo dục quyền con người quốc gia vào các lĩnh vực/vấn đề cụ thể. Giai đoạn 1 (2005-2009) tập trung vào giáo dục quyền con người trong hệ thống trường tiểu học và trung học cơ sở. Giai đoạn 2 (2010-2014) tập trung vào giáo dục

---

<sup>1</sup> Xem Nancy Flowers, Marcia Bernbaum, Kristi Rudelius-Palmer và Joel Tolman: *Số tay giáo dục quyền con người. Những thực tiễn hiệu quả cho việc học tập, hành động và thay đổi*, The Human rights resource center và The stanley foundation, 2000.

quyền con người cho giáo dục đại học và các chương trình đào tạo quyền con người cho giáo viên, nhà giáo, công chức, viên chức thực thi pháp luật và quân nhân. Giai đoạn 3 (2015-2019) tập trung vào việc tăng cường thực hiện hai giai đoạn đầu và thúc đẩy đào tạo quyền con người cho các chuyên gia truyền thông và nhà báo<sup>1</sup>.

Các mục tiêu cụ thể của Chương trình thế giới về giáo dục quyền con người như sau:

- Thúc đẩy sự phát triển của văn hóa quyền con người.
- Thúc đẩy sự hiểu biết chung, dựa trên các công cụ quốc tế, về các nguyên tắc cơ bản và phương pháp luận cho giáo dục quyền con người.
- Đảm bảo tập trung vào giáo dục quyền con người ở cấp quốc gia, khu vực và quốc tế.
- Cung cấp một khuôn khổ chung cho hành động của tất cả các bên liên quan.
- Tăng cường quan hệ đối tác và hợp tác ở tất cả các cấp.
- Tham gia và hỗ trợ các chương trình giáo dục quyền con người hiện có, để làm nổi bật các hoạt động thành công và tạo động lực để tiếp tục và/hoặc mở rộng chúng và phát triển các chương trình mới<sup>2</sup>.

### **Câu 32. Chương trình thế giới về giáo dục quyền con người giai đoạn 1 (2005-2009) là gì?**

Giai đoạn 1 (2005-2009) của Chương trình thế giới về giáo dục quyền con người tập trung vào giáo dục quyền con người trong hệ thống trường tiểu học và trung học cơ sở. Mặc dù giai đoạn đầu tiên được khởi động trong 3 năm (cho đến năm 2007), HRC sau đó đã quyết

---

<sup>1</sup> Xem UN Human Rights Commission: *World Programme for Human Rights Education (2005-ongoing)*, <https://www.ohchr.org/en/issues/education/training/pages/programme.aspx>

<sup>2</sup> Xem <https://documents-dds-ny.un.org/doc/UNDOC/GEN/N05/253/74/PDF/N0525374.pdf?OpenElement>

định, trong Nghị quyết số 6/24 ngày 28-9-2007, kéo dài giai đoạn này cho đến cuối năm 2009. Được xây dựng bởi các chuyên gia giáo dục và quyền con người từ khắp các châu lục, Kế hoạch hành động cho giai đoạn đầu đã đề xuất một chiến lược cụ thể và những ý tưởng thiết thực để thực hiện giáo dục quyền con người trên toàn quốc. Kế hoạch hành động đã được thông qua theo Nghị quyết 59/113 B ngày 14-7-2005 của Đại hội đồng Liên hợp quốc.

Trên cơ sở xem xét các mục tiêu tổng thể của Chương trình thế giới về giáo dục quyền con người, Kế hoạch này nhằm đạt được các mục tiêu cụ thể sau:

- Thúc đẩy việc đưa nội dung và thực hành quyền con người vào các hệ thống trường tiểu học và trung học cơ sở.

- Hỗ trợ việc phát triển, thông qua và thực hiện các chiến lược giáo dục quyền con người quốc gia toàn diện, hiệu quả và bền vững trong các hệ thống trường học và/hoặc xem xét và cải tiến các sáng kiến hiện có.

- Cung cấp các hướng dẫn về các nội dung chính của giáo dục quyền con người trong hệ thống trường học.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho việc cung cấp hỗ trợ cho các quốc gia thành viên bởi các tổ chức quốc tế, khu vực, quốc gia và địa phương.

- Hỗ trợ mạng lưới và hợp tác giữa các tổ chức địa phương, quốc gia, khu vực và quốc tế<sup>1</sup>.

**Câu 33. Chương trình thế giới về giáo dục quyền con người giai đoạn 2 (2010-2014) là gì?**

Trong Nghị quyết 12/4 ngày 1-10-2009, HRC đã quyết định giai đoạn

---

<sup>1</sup> Xem University of Minnesota: *World Programme for Human Rights Education, Plan of Action for the First Phase (2005-2007)*, <http://hrlibrary.umn.edu/instreet/worldprogramme.htm#IIC>

2 của Chương trình thế giới (2010-2014) tập trung vào giáo dục quyền con người cho giáo dục đại học và các chương trình đào tạo quyền con người cho giáo viên, nhà giáo, công chức, các quan chức thực thi pháp luật và quân nhân. Nghị quyết này đã được thông qua sau cuộc tham vấn OHCHR về trọng tâm của giai đoạn 2 của Chương trình thế giới, như được trình bày trong Báo cáo A/HRC/12/36 của OHCHR phù hợp với Nghị quyết 10/3 ngày 25-3-2009 của HRC. OHCHR với sự tham vấn của UNESCO đã xây dựng một dự thảo Kế hoạch hành động cho giai đoạn 2 (2010-2014) của Chương trình thế giới (tài liệu A/HRC/15/28), mà Hội đồng đã thông qua bằng Nghị quyết 15/11 ngày 30-9-2010.

Trên cơ sở các mục tiêu tổng thể của Chương trình thế giới về giáo dục quyền con người, Kế hoạch hành động giai đoạn 2 nhằm đạt được các mục tiêu cụ thể sau:

- Thúc đẩy việc đưa giáo dục quyền con người vào giáo dục đại học và trong các chương trình đào tạo cho công chức, viên chức thực thi pháp luật và quân đội.

- Hỗ trợ việc phát triển, thông qua và thực hiện các chiến lược quốc gia bền vững có liên quan.

- Cung cấp hướng dẫn về các nội dung chính của giáo dục quyền con người trong giáo dục đại học và trong các chương trình đào tạo cho công chức, viên chức thực thi pháp luật và quân đội.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho việc cung cấp hỗ trợ cho các cơ sở giáo dục đại học và các quốc gia thành viên bởi các tổ chức quốc tế, khu vực, quốc gia và địa phương.

- Hỗ trợ mạng lưới và hợp tác giữa các cơ quan và tổ chức chính phủ và phi chính phủ địa phương, quốc gia, khu vực và quốc tế<sup>1</sup>.

---

<sup>1</sup> Xem UN: *World programme for human rights education, 2<sup>nd</sup> phase*, [https://www.ohchr.org/Documents/Publications/WPHRE\\_Phase\\_2\\_en.pdf](https://www.ohchr.org/Documents/Publications/WPHRE_Phase_2_en.pdf)

**Câu 34. Chương trình thế giới về giáo dục quyền con người giai đoạn 3 (2015-2019) là gì?**

Trong Nghị quyết 24/15 ngày 8-10-2013, HRC đã quyết định tập trung giai đoạn 3 của Chương trình thế giới về giáo dục quyền con người (2015-2019) vào việc tăng cường thực hiện hai giai đoạn đầu tiên và thúc đẩy đào tạo quyền con người cho các chuyên gia truyền thông và nhà báo. Nghị quyết này đã được thông qua sau cuộc tham vấn OHCHR về trọng tâm của giai đoạn 3 như được trình bày trong Báo cáo A/HRC/24/24. OHCHR với sự tham vấn của các quốc gia, các tổ chức liên chính phủ, các tổ chức quyền con người quốc gia và xã hội dân sự, đã xây dựng Kế hoạch hành động cho giai đoạn 3 (2015-2019) của Chương trình thế giới.

Trên cơ sở các mục tiêu tổng thể của Chương trình thế giới, Kế hoạch hành động của giai đoạn 3 nhằm đạt được các mục tiêu cụ thể sau:

- Tăng cường thực hiện giáo dục quyền con người trong hệ thống trường tiểu học, trung học cơ sở, giáo dục đại học và đào tạo quyền con người cho giáo viên, nhà giáo, công chức, viên chức thực thi pháp luật và quân đội.

- Đối với các chuyên gia truyền thông và nhà báo:

+ Làm nổi bật vai trò của họ trong việc thúc đẩy và bảo vệ các quyền con người;

+ Cung cấp hướng dẫn về chương trình đào tạo quyền con người hiệu quả cho các chuyên gia truyền thông và nhà báo;

+ Hỗ trợ việc phát triển, thông qua và thực hiện các chiến lược đào tạo bền vững có liên quan;

+ Làm nổi bật tầm quan trọng của việc tạo điều kiện cho các môi trường đảm bảo sự bảo vệ và an toàn của các chuyên gia truyền thông và nhà báo;

+ Tạo điều kiện hỗ trợ đào tạo quyền con người cho các chuyên gia truyền thông và nhà báo của các tổ chức địa phương, quốc gia, khu vực và quốc tế.

+ Hỗ trợ mạng lưới và hợp tác giữa các cơ quan và tổ chức chính phủ và phi chính phủ địa phương, quốc gia, khu vực và quốc tế<sup>1</sup>.

**Câu 35. Chương trình thế giới về giáo dục quyền con người giai đoạn 4 (2020-2024) là gì?**

Trong Nghị quyết 39/3 ngày 27-9-2018, HRC quyết định đưa thanh niên trở thành nhóm trọng tâm trong giai đoạn 4 của Chương trình thế giới về giáo dục quyền con người, đặc biệt chú trọng đến giáo dục và đào tạo về bình đẳng, quyền con người và không phân biệt đối xử, hòa nhập và tôn trọng sự đa dạng với mục tiêu xây dựng các xã hội hòa bình và hòa nhập, đồng thời để gắn giai đoạn 4 với Chương trình nghị sự 2030 về phát triển bền vững và đặc biệt với Mục tiêu 4.7 của Các mục tiêu phát triển bền vững. OHCHR với sự tham vấn của các quốc gia, các tổ chức liên chính phủ, các tổ chức quyền con người quốc gia và xã hội dân sự, bao gồm các nhóm thanh niên và mạng lưới do thanh niên lãnh đạo, đã xây dựng Kế hoạch hành động cho giai đoạn 4 của Chương trình thế giới (A/HRC/42/23), mà sau đó đã được HRC thông qua với Nghị quyết 42/7 ngày 26-9-2019.

Trên cơ sở các mục tiêu tổng thể của Chương trình thế giới, Kế hoạch hành động của giai đoạn 4 tập trung nhằm đạt được các mục tiêu cụ thể sau:

- Dựa trên những tiến bộ đã đạt được trong các giai đoạn trước của Chương trình thế giới, khuyến khích việc phát triển, thông qua và thực hiện các chiến lược quốc gia bền vững về giáo dục quyền con người cho

---

<sup>1</sup> Xem UN: *World programme for human rights education, 3rd phase*, <https://www.ohchr.org/Documents/Publications/ThirdPhaseWPHREducation.pdf>

thanh niên, bao gồm tất cả thanh niên mà không bị phân biệt đối xử, với thanh niên trong vai trò lãnh đạo.

- Mở rộng giáo dục quyền con người cho, với và bởi thanh niên trong giáo dục chính quy và không chính quy và trong giáo dục không chính thức, ưu tiên những người trẻ tuổi trong các tình huống bị loại trừ hoặc dễ bị tổn thương.

- Cung cấp hướng dẫn về nội dung và hành động chính để giáo dục quyền con người cho thanh thiếu niên trong các hình thức giáo dục chính quy và không chính quy, dựa vào đó có thể đánh giá được sự tiến bộ của quốc gia.

- Khuyến khích và hỗ trợ sự tham gia và lãnh đạo của thanh niên trong chương trình giáo dục quyền con người cho thanh thiếu niên.

- Thúc đẩy giáo dục quyền con người cho thanh niên bổ sung cho các hoạt động khác nhằm bảo vệ và thúc đẩy quyền con người của thanh niên.

- Làm nổi bật sự đóng góp của giáo dục quyền con người cho thanh niên trong việc đạt được sự phát triển bền vững trong bối cảnh của Chương trình nghị sự 2030 và trong việc ngăn chặn và giải quyết các thách thức toàn cầu hiện nay.

- Khuyến khích mạng lưới và hợp tác giáo dục quyền con người cho thanh thiếu niên giữa các tổ chức chính phủ và xã hội dân sự địa phương, quốc gia, khu vực và quốc tế liên quan đến quyền con người, thanh niên, giáo dục và phát triển bền vững<sup>1</sup>.

### **Câu 36. Làm thế nào để có thực hành tốt về giáo dục quyền con người?**

Giáo dục quyền con người nhằm hướng tới việc tôn trọng quyền và phẩm giá của người học. Cụ thể, để thực hành hiệu quả giáo dục

---

<sup>1</sup> Xem <https://documents-dds-ny.un.org/doc/UNDOC/GEN/G19/227/36/PDF/G1922736.pdf?OpenElement>

quyền con người cần lưu ý đến việc tuân thủ một số nguyên tắc sau:

- Thể hiện được các nguyên tắc quyền con người về sự bình đẳng, nhân phẩm, hòa nhập và không phân biệt đối xử.

- Sử dụng các phương pháp, quy trình giáo dục có sự tham gia.

- Luôn lấy người học làm trung tâm.

- Ưu tiên những thách thức và rào cản cụ thể đang phải đối diện, nhu cầu và mong đợi của những nạn nhân bị vi phạm quyền con người vì những tình huống xảy ra trong cuộc sống hoặc cách họ tự nhận diện bản thân hoặc bị nhận diện.

- Khuyến khích tư duy phê phán và cách giải quyết vấn đề sáng suốt.

### **Câu 37. Những phương pháp giáo dục quyền con người nào có thể áp dụng trong trường học?**

Hệ thống các phương pháp giáo dục có sự tham gia được chứng minh là đặc biệt hiệu quả trong giáo dục quyền con người vì giả định rằng mọi người đều có quyền bày tỏ quan điểm của mình và tôn trọng những khác biệt cá nhân. Không chỉ hướng tới hoàn thiện các kỹ năng, thái độ, giá trị và hành động, giáo dục quyền con người đi theo mô hình quan hệ “chiều ngang” thay vì mô hình “phân cấp theo trật tự thứ bậc”. Tính dân chủ khuyến khích và trao quyền cho mỗi cá nhân được suy nghĩ và bày tỏ quan điểm một cách độc lập. Phương pháp giáo dục quyền con người khuyến khích tư duy phản biện về các tình huống thực tiễn trong cuộc sống để hành động có ý nghĩa và phù hợp nhằm thúc đẩy và bảo vệ quyền con người.

Phương pháp giáo dục quyền con người rất đa dạng. Nhà giáo dục quyền con người có thể lựa chọn một hoặc một số phương pháp nêu dưới đây, tùy thuộc vào đối tượng và nội dung bài học cũng như hoàn cảnh lớp học:

- Phương pháp động não.
- Phương pháp nghiên cứu tình huống.
- Phương pháp kết thúc.
- Phương pháp diễn đạt sáng tạo.
- Phương pháp tranh biện và đàm phán.
- Phương pháp thảo luận.
- Phương pháp đóng kịch.
- Phương pháp người kích hoạt năng lượng.
- Phương pháp xem phim và băng video.
- Phương pháp khảo sát thực địa.
- Phương pháp các trò chơi.
- Phương pháp xét xử và tòa án.
- Phương pháp hoạt não viên và giới thiệu.
- Phương pháp cắt nghĩa hình ảnh
- Phương pháp phỏng vấn.
- Phương pháp các hoạt động ghép hình.
- Phương pháp ghi nhật ký.
- Phương pháp truyền thông.
- Phương pháp tình huống giả định.
- Phương pháp thúc đẩy không giới hạn.
- Phương pháp thuyết trình.
- Phương pháp các dự án nghiên cứu.
- Phương pháp bài tập xếp hạng thứ tự ưu tiên.
- Phương pháp mô phỏng.
- Phương pháp kể chuyện.
- Phương pháp điều tra dư luận và thu thập thông tin.

- Phương pháp sơ đồ tư duy<sup>1</sup>.

**Câu 38. Những yêu cầu cơ bản về nội dung, phương pháp giáo dục quyền con người phù hợp với đặc điểm của người học là gì?**

Đối với tất cả các cấp học đều cần:

- Rà soát, đánh giá khung chương trình giáo dục, đào tạo hiện hành để xem xét việc lồng ghép một cách phù hợp nội dung quyền con người vào khung chương trình này.

- Xây dựng nội dung, phương thức lồng ghép quyền con người một cách phù hợp vào khung chương trình giáo dục, đào tạo hiện hành và các hoạt động ngoại khóa.

- Xây dựng các tài liệu giảng dạy chuyên biệt cho từng cấp giáo dục, đào tạo, bao gồm tài liệu hướng dẫn cho cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên và tài liệu giáo dục cho học sinh, học viên.

Đối với từng nhóm đối tượng giáo dục quyền con người nêu trên, cần có sự nghiên cứu đầy đủ những đặc điểm của người học về tâm lý, giới tính, độ tuổi, tôn giáo, trình độ học vấn, việc làm, điều kiện sống, để xác định yêu cầu về nội dung, phương pháp giáo dục thích hợp:

- *Yêu cầu tối thiểu*: gồm những nội dung cơ bản, phổ thông về quyền con người, phù hợp với đối tượng nhằm giúp họ hình thành những tri thức tối thiểu và những tình cảm, thói quen đơn giản trong việc thực hiện quyền con người.

- *Yêu cầu riêng theo nhu cầu về ngành, nghề, địa vị xã hội, giới, nhóm xã hội theo chức năng, nhiệm vụ của mỗi cơ sở giáo dục, tổ chức chính trị - xã hội*: Nội dung giáo dục quyền con người ở yêu cầu này thường có

---

<sup>1</sup> Cách thực hiện từng phương pháp cụ thể xem Nancy Flowers, Marcia Bernbaum, Kristi Rudelius-Palmer và Joel Tolman: *Sổ tay giáo dục quyền con người. Những thực tiễn hiệu quả cho việc học tập, hành động và thay đổi*, The Human rights resource center và The stanley foundation, 2000.

tính tổng hợp, nền tảng, bao gồm: hệ thống các khái niệm cơ bản của quyền con người; những tri thức về quyền con người được ghi nhận trong pháp luật quốc gia, quốc tế; những tri thức cơ bản về bảo đảm quyền con người; việc xử lý vi phạm quyền con người...

- *Yêu cầu có tính chuyên ngành về quyền con người*: Đây là cấp độ cao nhất của giáo dục quyền con người dành cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục quyền con người, kể cả cho thành viên, hội viên các tổ chức đảng, cơ quan nhà nước (lập pháp, hành pháp, tư pháp), Hội Luật gia, Hội bảo vệ quyền phụ nữ, trẻ em... Yêu cầu này bao gồm: những tri thức mang tính chuyên sâu về quyền con người; những vấn đề mang tính chất kỹ năng, kỹ xảo, thao tác nghề nghiệp về quyền con người. Nội dung giáo dục ở cấp độ này chủ yếu dành cho các đối tượng được đào tạo để trở thành chuyên gia nghiên cứu, giảng dạy, hay hoạt động liên quan đến quyền con người, quyền công dân trong các tổ chức quốc gia, quốc tế về quyền con người.

**Câu 39. Làm thế nào để lồng ghép, tích hợp nội dung quyền con người vào các cấp học, bậc học phù hợp với đặc điểm của từng đối tượng trong giáo dục phổ thông?**

Lồng ghép là sự tích hợp ở mức độ thấp, cụ thể là phối kết hợp kiến thức, phương pháp hai môn hay nhiều môn để mở rộng đúng mức, hợp lý kiến thức, phương pháp phù hợp với môn học nhằm đạt được mục đích, yêu cầu của bài giảng cho học sinh đạt hiệu quả hơn.

Tích hợp là liên kết - tổng hợp kiến thức, phương pháp từ hai môn hay nhiều môn để mở rộng đúng mức, hợp lý kiến thức, phương pháp phù hợp với môn học nhằm đạt được mục đích, yêu cầu của bài giảng cho học sinh đạt hiệu quả hơn.

Lồng ghép và tích hợp nội dung, phương pháp giáo dục quyền con người nhằm thúc đẩy và thực hiện việc lấy người học làm trung tâm nhằm phát hiện, phát triển, phát huy phẩm chất, năng lực của

học sinh trong giáo dục (học, tập luyện, trải nghiệm...). Nhờ đó việc giảng dạy của giáo viên hiệu lực hơn và việc học tập của học sinh cũng đạt hiệu quả hơn.

- *Đối với giáo dục mầm non*: Sẽ được học các yếu tố cơ bản về quyền và trách nhiệm nhằm hình thành kỹ năng sống tôn trọng con người.

Phương thức thực hiện: Lồng ghép nội dung quyền con người vào chương trình đào tạo giáo viên mầm non ở các trường trung cấp, cao đẳng, đại học; tập huấn về nâng cao nhận thức về quyền con người nhằm thay đổi thái độ, hành vi cho các nhà quản lý giáo dục mầm non: hiệu trưởng trường mầm non, cán bộ phụ trách giáo dục mầm non các sở, phòng giáo dục, cán bộ thanh tra giáo dục, chuyên viên trực tiếp tham gia xây dựng chính sách, chương trình giáo dục mầm non; tập huấn thử nghiệm về kiến thức, kỹ năng lồng ghép quyền con người cho giáo viên một số trường mầm non.

- *Đối với giáo dục tiểu học*: Sẽ được dạy một số kiến thức căn bản liên quan các nguyên tắc cũng như giá trị quyền con người nhằm tiếp tục hình thành kỹ năng sống tôn trọng con người.

Phương thức thực hiện: Có thể đưa nguyên tắc bình đẳng không phân biệt đối xử, tôn trọng, có sự tham gia chống bạo lực, lạm dụng tình dục, và bạo lực học đường vào nội quy của các trường tiểu học.

- *Đối với giáo dục cấp trung học cơ sở*: Sẽ được học các chuẩn mực về công bằng, bình đẳng, khoan dung và tôn trọng sự khác biệt nhằm tiếp tục hình thành kỹ năng sống tôn trọng con người và quyền con người.

Phương thức thực hiện: Tập trung vào nội dung cơ bản của quyền trẻ em theo Hiến pháp và pháp luật Việt Nam, với các vấn đề cơ bản, như: các quyền con người của trẻ em; các cách thức chủ yếu bảo vệ quyền trẻ em; thái độ, cách ứng xử phù hợp, tôn trọng quyền trẻ em trong nhà trường, gia đình và xã hội.

- Đối với giáo dục cấp trung học phổ thông: Sẽ học về các định chế bảo vệ quyền con người nhằm tiếp tục hình thành kỹ năng sống tôn trọng con người và quyền con người.

Phương thức thực hiện: Tập trung vào các nội dung cơ bản của pháp luật quốc tế và pháp luật quốc gia về quyền con người; khái niệm quyền con người; các cơ chế chủ yếu bảo vệ quyền con người; ý thức, thái độ ứng xử của học sinh đối với việc tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người.

#### **Câu 40. Thế nào là một nhà giáo dục quyền con người?**

Nhà giáo dục quyền con người (human rights educator) không nên hiểu theo nghĩa một giáo viên truyền thống, mà chính xác hơn là người hướng dẫn (facilitator). Cụm từ này dùng để chỉ tất cả những người có liên quan có vị thế bình đẳng với nhau và cùng nỗ lực hướng tới một mục tiêu chung. Từ những trải nghiệm riêng có, họ cùng nhau hình thành những quan điểm của cá nhân mình. Mục tiêu cuối cùng của họ không phải là tìm ra cái gọi là “câu trả lời đúng đắn” hay thậm chí là sự đồng thuận mà quan trọng là cùng hợp tác khám phá các ý tưởng và các vấn đề. Nhà giáo dục quyền con người sẽ thực hiện các hoạt động sau nhằm đạt mục tiêu giáo dục:

- Thiết lập mối quan hệ hợp tác với các học viên khác, trong đó người hướng dẫn là người “quan trọng nhất giữa những người có vai trò ngang nhau”, nhưng trách nhiệm học tập là trách nhiệm chung của tất cả thành viên trong nhóm.

- Giúp đỡ để tạo ra và duy trì một môi trường tin cậy và cởi mở, nơi mọi người thấy yên tâm để tự do phát biểu và những khác biệt trong quan điểm đều được tôn trọng.

- Đảm bảo rằng mọi người đều cảm thấy mình được quan tâm và có cơ hội được tham gia.

- Xây dựng một chương trình học tập, trong đó có cả thông tin về bối cảnh lớp học, các phiên mở đầu, kết thúc và đảm bảo hoàn thành các nội dung giảng dạy theo kế hoạch.

- Đảm bảo rằng “công tác hậu trường” được chuẩn bị chu đáo, ví dụ như chuẩn bị tài liệu, phòng học, thông báo cho những thành phần tham dự và đảm bảo các công tác chuẩn bị cần thiết khác.

Với cách hiểu như trên về nhà giáo dục quyền con người, các khái niệm sau không phù hợp khi định nghĩa về chủ thể này:

- *Nhà giáo dục quyền con người là người chịu trách nhiệm*: Học tập là trách nhiệm của cả nhóm. Vai trò của người hướng dẫn là giúp cho việc học tập hiệu quả hơn. Người hướng dẫn cũng không phải người duy nhất nắm quyền kiểm soát đối với chương trình học tập. Tất cả học viên đều phải có tiếng nói trong việc xác định các chủ đề cần được quan tâm.

- *Nhà giáo dục quyền con người là một giảng viên*: Người hướng dẫn cũng là một học viên, cùng khám phá các môn học và cũng tham gia chia sẻ kinh nghiệm cá nhân như các học viên khác.

- *Nhà giáo dục quyền con người là một chuyên gia*: Mặc dù phải chuẩn bị cho mỗi buổi lên lớp nhưng người hướng dẫn có thể không am hiểu về một chủ đề bằng một số thành viên khác trong nhóm.

- *Nhà giáo dục quyền con người là trung tâm của sự chú ý*: Một người hướng dẫn tốt thường sẽ nói ít hơn các học viên khác, thay vào đó họ biết cách lôi kéo mọi người tham gia thảo luận.

- *Nhà giáo dục quyền con người là một trọng tài*: Học tập trên tinh thần hợp tác có nghĩa là không một ai, ít nhất là những người hướng dẫn, được nhận định một quan điểm là “đúng” hay “không phù hợp”.

- *Nhà giáo dục quyền con người là người phục vụ*: Mặc dù người hướng dẫn có vai trò khởi xướng và điều phối các buổi học nhưng họ không phải là người duy nhất có trách nhiệm. Hợp tác thực sự có nghĩa

là không một ai luôn bị “kẹt” ở thế tự mình phải xoay sở hoặc quán xuyến tất cả các công việc<sup>1</sup>.

#### **Câu 41. Làm thế nào để trở thành nhà giáo dục quyền con người?**

Để trở thành nhà giáo dục quyền con người cần phải tích lũy, trau dồi những kiến thức, kinh nghiệm và các kỹ năng như sau:

- *Nhạy cảm với cảm xúc của người khác*: Để có được và duy trì sự tin cậy và tôn trọng lẫn nhau đòi hỏi người hướng dẫn phải quan tâm đến suy nghĩ của người khác về những nội dung đang được đưa ra thảo luận cũng như những quan điểm và phản ứng của họ. Hầu hết mọi người sẽ không dễ dàng bày tỏ sự khó chịu hay cảm giác tổn thương của mình hay thậm chí là sự giận dữ; thay vào đó họ sẽ lặng lẽ rút khỏi các cuộc thảo luận và rời nhóm. Nhạy cảm với cảm xúc của người khác và biết cách ứng xử trong từng tình huống cụ thể là một kỹ năng quan trọng trong quá trình hướng dẫn.

- *Nhạy cảm với cảm xúc của nhóm*: Dù với thành phần như thế nào thì tổng thể nhóm luôn quan trọng hơn là phép cộng đơn thuần của từng cá nhân trong nhóm. Một nhóm thường có những cảm xúc chung: háo hức, tức giận, chán nản, nhiệt tình, nghi ngờ hoặc thậm chí là yếu đuối. Nhận thức và hành động phù hợp với cảm xúc chung của nhóm đòi hỏi kỹ năng hướng dẫn khéo léo.

- *Biết lắng nghe*: Một cách giúp người hướng dẫn cảm nhận được cảm xúc của những học viên khác và của cả nhóm đó là chịu khó lắng nghe để cảm nhận được cả ý nghĩa hiện hữu và tiềm ẩn trong lời nói, giọng điệu của học viên. Trên thực tế, người hướng dẫn nhìn chung sẽ là người nói ít nhất trong nhóm. Thông thường người hướng dẫn sẽ

---

<sup>1</sup> Xem Nancy Flowers, Marcia Bernbaum, Kristi Rudelius-Palmer và Joel Tolman: *Sổ tay giáo dục quyền con người. Những thực tiễn hiệu quả cho việc học tập, hành động và thay đổi*, The Human rights resource center and The stanley foundation, 2000.

binh luận, tổng hợp hoặc phản hồi trực tiếp với những ý kiến của những người khác trong nhóm.

- *Khéo xử trí*: Đôi khi người hướng dẫn phải có những hành động gây khó chịu hoặc nói những điều khó nghe vì lợi ích của nhóm. Điều quan trọng là họ phải thực hiện việc này một cách cẩn trọng và có thiện chí. Hơn nữa, những vấn đề có liên quan đến quyền con người có thể khơi gợi những cảm xúc mạnh hoặc những kỷ niệm không vui của học viên. Vì vậy, người hướng dẫn cần khéo léo xử trí với những tình huống nhạy cảm bằng sự tôn trọng và đôi khi là quyết đoán.

- *Cam kết hợp tác*: Học tập trên tinh thần hợp tác đôi khi khiến mọi người bực bội và không hiệu quả. Khi rơi vào tình huống đó, người hướng dẫn có thể muốn quay trở lại vai trò của mình theo cách giảng dạy truyền thống, để chỉ phải giảng bài thay vì hướng dẫn người học. Tuy nhiên, niềm tin vào giá trị của phương pháp học tập trên tinh thần cộng tác có sự trao quyền cho người học sẽ giúp người hướng dẫn từ bỏ vai trò lấn át của mình. Cũng vì thế, người hướng dẫn cũng cần sẵn lòng chia sẻ vai trò hướng dẫn với những thành viên khác trong nhóm.

- *Ý thức về thời điểm thích hợp*: Người hướng dẫn cần có “giác quan thứ sáu” để biết khi nào cần kết thúc một cuộc thảo luận, thay đổi chủ đề, ngắt lời một ai đó đã nói quá lâu, để cuộc thảo luận diễn ra theo thời gian quy định hay để mọi người tiếp tục có thời gian suy nghĩ.

- *Sự linh hoạt*: Người hướng dẫn phải lập kế hoạch nhưng cần linh hoạt điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp với thực tiễn. Nhóm học viên có thể muốn chuyển hướng thảo luận hoặc muốn dành nhiều thời gian hơn cho một chủ đề cụ thể nào đó. Khi đó, người hướng dẫn cần đánh giá nhu cầu của nhóm và quyết định phương án xử lý. Mặc dù mỗi nội dung đều quan trọng nhưng đôi khi người hướng dẫn sẽ phải bỏ qua một chủ đề này và ưu tiên một chủ đề khác.

- *Khiếu hài hước*: Ngay cả đối với những người nghiêm túc nhất thì

khả năng hài hước hóa những trở trêu của cuộc sống, khả năng tự cười chính mình và đồng cảm với tiếng cười của những người khác của người hướng dẫn luôn được đánh giá cao.

- *Khả năng xoay sở và sáng tạo*: Mỗi nhóm đều có sự khác biệt. Một người hướng dẫn tốt cần có một chương trình học tập với các mục tiêu cụ thể nhưng cần linh hoạt để thích ứng với những sự thay đổi. Ví dụ, người hướng dẫn có thể khai thác năng lực và kinh nghiệm của những người trong nhóm và trong cộng đồng hoặc những học viên có thể gợi ý những nguồn lực khác<sup>1</sup>.

#### **Câu 42. Việt Nam đã làm gì để thực hiện cam kết quốc tế về giáo dục quyền con người?**

Là quốc gia thành viên của các cam kết quốc tế cơ bản về quyền con người, Việt Nam luôn nhận thức rõ nghĩa vụ của mình trong việc thực hiện các cam kết quyền con người nói chung và về giáo dục quyền con người nói riêng. Ngay từ rất sớm, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã xác định vai trò quan trọng của giáo dục quyền con người: giáo dục quyền con người là một bộ phận của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, là nhiệm vụ của toàn bộ hệ thống chính trị đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng<sup>3</sup>. Đặc biệt, ngày 05-9-2017, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1309/QĐ-TTg phê duyệt Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân (*Đề án 1309*).

---

<sup>1</sup> Xem Nancy Flowers, Marcia Bernbaum, Kristi Rudelius-Palmer và Joel Tolman: *Số tay giáo dục quyền con người. Những thực tiễn hiệu quả cho việc học tập, hành động và thay đổi*, The Human rights resource center and The stanley foundation, 2000.

<sup>3</sup> Xem *Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 09-12-2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân*, <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi/Chi-thi-32-CT-TW-tang-cuong-su-lanh-dao-dang-cong-tac-pho-bien-giao-duc-phap-luat-nang-cao-y-thuc-chap-hanh-phap-luat-can-bo-nhan-dan-69735.aspx>

Vào đầu năm 2019, Việt Nam tham gia đối thoại theo Cơ chế rà soát định kỳ phổ quát (UPR) chu kỳ III và đã nhận được 14 khuyến nghị về tăng cường giáo dục quyền con người với các nội dung chủ yếu:

- Lồng ghép CRC, CEDAW, CRPD vào sách giáo khoa để phổ cập đến toàn dân.

- Hoàn thành việc đưa nội dung giáo dục về quyền con người trong tất cả các cơ sở giáo dục đến năm 2025.

- Nâng cao nhận thức của người dân về các Công ước quốc tế về quyền con người.

- Thúc đẩy tuyên truyền để góp phần nâng cao kiến thức của cán bộ nhà nước và người dân về quyền con người<sup>1</sup>.

Việt Nam đã chấp nhận 14 khuyến nghị liên quan đến giáo dục quyền con người. Điều đó thể hiện sự cam kết mạnh mẽ của Việt Nam trong việc nỗ lực đẩy mạnh công tác giáo dục về quyền con người vào chương trình đào tạo các cấp, triển khai các hoạt động nghiên cứu về quyền con người, tuyên truyền và phổ biến pháp luật về quyền con người.

**Câu 43. Quyết định số 1309/QĐ-TTg ngày 05-9-2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đưa nội dung quyền con người vào Chương trình giáo dục các cấp học trong hệ thống giáo dục quốc dân gồm những nội dung gì?**

Mục tiêu chung của Đề án 1309 nhằm tuyên truyền, phổ biến, giáo dục quyền con người nhằm tạo sự chuyển biến trong nhận thức của người học, của đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục về tầm quan trọng, ý thức tự bảo vệ các quyền của bản thân, tôn trọng nhân phẩm, các quyền và tự do của người khác; ý thức về trách nhiệm, nghĩa vụ của

---

<sup>1</sup> Xem UN: *Universal Periodic Review - Viet Nam*, <https://www.ohchr.org/EN/HRBodies/UPR/Pages/VNindex.aspx>

công dân đối với Nhà nước và xã hội, góp phần phát triển toàn diện con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển bền vững của đất nước.

Theo Đề án, mục tiêu trong giai đoạn 2017-2020 sẽ đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục phù hợp với từng cấp học, trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân. Giai đoạn 2021-2025 sẽ triển khai đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về quyền con người cho toàn bộ đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, giảng viên, giáo viên các cấp trong hệ thống giáo dục quốc dân. Phấn đấu đến năm 2025, 100% cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên trực tiếp tham gia giảng dạy về quyền con người trong hệ thống giáo dục quốc dân được tập huấn, bồi dưỡng; hoàn thành việc biên soạn và đưa vào sử dụng sách giáo khoa, giáo trình, các tài liệu tham khảo về quyền con người phục vụ giảng dạy, đào tạo phù hợp với từng cấp học và trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân; đến năm 2025, 100% các cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân tổ chức giáo dục quyền con người cho người học.

Để đạt được các mục tiêu như trên, 8 nhóm nhiệm vụ, giải pháp để thực hiện Đề án, bao gồm:

- Quán triệt các văn bản chỉ đạo của Đảng, Chính phủ về công tác tuyên truyền, giáo dục quyền con người.

- Tổ chức nghiên cứu, đánh giá thực trạng công tác giảng dạy quyền con người trong chương trình giáo dục, đào tạo.

- Hoàn thiện chương trình, giáo trình, sách giáo khoa có nội dung về quyền con người.

- Đào tạo và bồi dưỡng kiến thức về quyền con người cho đội ngũ chuyên gia, cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên, giảng viên.

- Bổ sung, hoàn thiện các văn bản quy định về giáo dục quyền con người trong hệ thống giáo dục quốc dân.

- Tăng cường hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, giáo dục quyền con người.

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức về ý nghĩa và tầm quan trọng của giáo dục quyền con người.

- Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ giảng dạy quyền con người trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh là cơ quan chủ trì về nội dung, tiến độ triển khai, theo dõi, giám sát thực hiện Đề án. Thành lập Ban điều hành Đề án để xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện Đề án; tiến hành tổ chức kiểm tra, tổng hợp tình hình, định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện Đề án. Quy định trách nhiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Bộ Tư pháp; Bộ Công an; Bộ Quốc phòng; Bộ Tài chính; Bộ Ngoại giao; Ban Chỉ đạo Quyền con người của Chính phủ; Tòa án nhân dân tối cao và Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và các bộ, ngành khác trong việc chủ trì, phối hợp triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Đề án<sup>1</sup>.

**Câu 44. Đề án 1309 quy định về mục tiêu, nội dung, chương trình giáo dục quyền con người cho đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên như thế nào?**

*Đề án quy định mục tiêu giáo dục quyền con người cho đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên:* Nâng cao nhận thức, hiểu biết về các nguyên tắc, chuẩn mực quyền con người để từ đó thúc đẩy việc tôn trọng và thực hiện quyền con người, góp phần tạo ra môi trường giáo dục hướng tới sự phát triển toàn diện của con người trong hệ thống giáo dục quốc dân.

---

<sup>1</sup> Xem Thủ tướng Chính phủ: *Quyết định số 1309/QĐ-TTg ngày 05-9-2019 phê duyệt Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân*, <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Quyết-dinh-1309-QĐ-TTg-2017-dua-noi-dung-quyen-con-nguoi-va-chuong-trinh-giao-duc-quoc-dan-360750.aspx>

*Nội dung giáo dục quyền con người cho đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên:*

- Các nguyên tắc của quyền con người, đặc biệt là quyền trẻ em trong pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam (bình đẳng, không phân biệt đối xử, tôn trọng nhân phẩm, sự khoan dung v.v..).

- Các quyền con người cơ bản.

- Trách nhiệm, nghĩa vụ của các chủ thể (đặc biệt là các chủ thể nhà nước, tổ chức, cá nhân trong ngành giáo dục) trong việc xây dựng một môi trường giáo dục có sự tôn trọng, bảo vệ quyền con người.

*Chương trình giáo dục quyền con người cho đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên:*

Xây dựng chương trình bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên về quyền con người với thời lượng 32 tiết (8 buổi).

**Câu 45. Đề án 1309 quy định về mục tiêu, nội dung, chương trình giáo dục quyền con người cho trẻ em mẫu giáo như thế nào?**

*Đề án quy định mục tiêu giáo dục quyền con người cho trẻ em mẫu giáo:* Bước đầu hình thành nhận biết được quyền và biết tôn trọng quyền của người khác.

*Nội dung giáo dục quyền con người cho trẻ em mẫu giáo:* Những yếu tố cơ bản về quyền, bốn phạm vi của bản thân và của người khác.

*Chương trình giáo dục quyền con người cho trẻ em mẫu giáo:* Lồng ghép, tích hợp các nguyên tắc, nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục mẫu giáo.

**Câu 46. Đề án 1309 quy định về mục tiêu, nội dung, chương trình giáo dục quyền con người cho học sinh tiểu học như thế nào?**

*Đề án quy định mục tiêu giáo dục quyền con người cho học sinh tiểu học:*

- Bước đầu hiểu được một số kiến thức cơ bản về quyền con người.
- Bước đầu hình thành kỹ năng tự bảo vệ quyền của bản thân và của người khác, hình thành thái độ tôn trọng quyền con người.

*Nội dung giáo dục quyền con người cho học sinh tiểu học:*

- Một số kiến thức cơ bản về các nguyên tắc, giá trị về quyền con người (bình đẳng, không phân biệt đối xử, khoan dung và tôn trọng sự khác biệt...).

- Các quyền con người của trẻ em đã được pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam quy định.

*Chương trình giáo dục quyền con người cho học sinh tiểu học:* Tích hợp vào các môn trong chương trình môn học và hoạt động giáo dục.

**Câu 47. Đề án 1309 quy định về mục tiêu, nội dung, chương trình giáo dục quyền con người cho học sinh trung học cơ sở như thế nào?**

*Đề án quy định mục tiêu giáo dục quyền con người cho học sinh trung học cơ sở:*

- Hiểu được kiến thức cơ bản về quyền con người ở mức cao hơn so với học sinh tiểu học.

- Phát triển kỹ năng tự bảo vệ quyền của bản thân và của người khác, củng cố thái độ tôn trọng quyền con người.

*Nội dung giáo dục quyền con người cho học sinh trung học cơ sở:* Các kiến thức cơ bản về các nguyên tắc, giá trị về quyền con người (bình đẳng, không phân biệt đối xử, khoan dung và tôn trọng sự khác biệt...) ở mức cao hơn so với học sinh tiểu học.

*Chương trình giáo dục quyền con người cho học sinh trung học cơ sở:* Tích hợp vào các môn trong chương trình môn học và hoạt động giáo dục.

**Câu 48. Đề án 1309 quy định về mục tiêu, nội dung, chương trình giáo dục quyền con người cho học sinh trung học phổ thông như thế nào?**

*Đề án quy định mục tiêu giáo dục quyền con người cho học sinh trung học phổ thông:*

- Hiểu được kiến thức cơ bản về quyền con người cao hơn so với học sinh trung học cơ sở, phát triển kỹ năng tự bảo vệ quyền của bản thân và của người khác, tiếp tục củng cố thái độ tôn trọng quyền con người.

- Nâng cao hiểu biết về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc đảm bảo quyền con người, quyền công dân.

- Xây dựng thái độ, ý thức tôn trọng quyền con người, quyền công dân, sự khoan dung, bình đẳng, đoàn kết dân tộc và quốc tế.

*Nội dung giáo dục quyền con người cho học sinh trung học phổ thông:*

- Các kiến thức cơ bản về các nguyên tắc, giá trị về quyền con người, quyền công dân (bình đẳng, không phân biệt đối xử, khoan dung và tôn trọng sự khác biệt...) ở mức cao hơn so với học sinh trung học cơ sở.

- Các cơ chế chủ yếu bảo vệ quyền con người.

*Chương trình giáo dục quyền con người cho học sinh trung học phổ thông:* Tích hợp vào các môn trong chương trình môn học và hoạt động giáo dục.

**Câu 49. Những thách thức chung của nhà giáo dục quyền con người trong trường học hiện nay là gì?**

Để giảng dạy về/vì quyền con người đòi hỏi nhiều hơn kiến thức về quyền con người và kinh nghiệm trong thực tiễn. Nhà giáo dục quyền con người phải có cam kết sâu sắc đối với quyền con người và tin tưởng

vào sự cần thiết của họ đối với việc xây dựng một xã hội công bằng và dân chủ. Nhà giáo dục quyền con người cũng phải chấp nhận những thách thức cá nhân đáng kể:

*Thứ nhất, thách thức để học hỏi.*

Nhà giáo dục quyền con người phải có sự khiêm tốn để từ bỏ mô hình cũ của trường học, nơi họ là các “chuyên gia” truyền đạt thông tin cho học sinh. Thay vào đó, nhà giáo dục phải trở thành một người học trong cộng đồng với những người học khác, tất cả đều đóng vai trò là nguồn lực cho nhau. Thay vì “có tất cả các câu trả lời”, nhà giáo dục quyền con người có kỹ năng định hình môi trường học tập để mọi người có thể nêu rõ các câu hỏi của chính họ, phản biện kinh nghiệm của chính họ, tìm kiếm câu trả lời của riêng họ và học hỏi lẫn nhau. Một nhà giáo dục quyền con người mà không học hỏi thì không dạy được quyền con người.

*Thứ hai, thách thức về tình cảm.*

Quyền con người không chỉ là môn học. Quyền con người liên quan đến cảm xúc, giá trị và quan điểm. Các nhà giáo dục quyền con người cần can đảm để chống lại cách tiếp cận an toàn, thuần túy về nhận thức, tôn vinh và thu hút các phản ứng cảm tính ở chính họ và những người khác. Thừa nhận sự phi lý trí và tình cảm cũng có nghĩa là chấp nhận rằng những cảm giác không thể đoán trước và đôi khi tiêu cực, khó chịu có thể được khơi dậy.

*Thứ ba, thách thức của việc tự kiểm tra bản thân.*

Mọi người đều mang một số suy nghĩ, cảm xúc và thái độ phân biệt đối xử, cho dù dựa trên chủng tộc, giai cấp, giới tính, khả năng, khuynh hướng tình dục, hoặc một số khác biệt như niềm tin chính trị hoặc ý thức hệ. Một nhà giáo dục quyền con người chấp nhận trách nhiệm tự kiểm tra bản thân một cách trung thực và phê bình, không phủ nhận rằng họ có những định kiến, nhưng cố gắng nhận ra chúng và do đó để

thay đổi chúng. Nếu không, một cộng đồng học tập chân chính nơi những người tham gia vào cuộc đối thoại giữa những người bình đẳng là không thể. Hơn nữa, việc phủ nhận những thành kiến cá nhân có thể dẫn đến sự phân đôi sai lầm, “chúng ta chống lại họ”, điều này sẽ tạo ra các mối quan hệ đối nghịch.

*Thứ tư, thách thức của việc nêu gương.*

Quyền con người thể hiện một hệ thống giá trị. Nếu hành vi của chính nhà giáo dục không phản ánh những giá trị này, thì không điều gì người đó nói sẽ đáng tin cậy.

Không có cá nhân nào có thể đáp ứng những tiêu chuẩn khắt khe này mọi lúc. Tuy nhiên, giống như tất cả các nguyên tắc, chúng đại diện cho những lý tưởng mà các nhà giáo dục quyền con người cam kết phấn đấu<sup>1</sup>.

#### **Câu 50. Thuận lợi và thách thức trong việc đưa nội dung quyền con người vào hệ thống giáo dục quốc dân ở Việt Nam hiện nay là gì?**

Việc đưa nội dung quyền con người vào hệ thống giáo dục quốc dân ở Việt Nam hiện nay có những *thuận lợi* như sau:

*Thứ nhất*, nội dung về quyền con người đã được đưa vào chương trình giáo dục của một số cấp học, ngành học trong hệ thống giáo dục quốc dân. Trong một số chương trình chính khóa ở cấp tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông đã có sự lồng ghép quyền công dân, quyền trẻ em vào môn học đạo đức, giáo dục công dân, ngữ văn. Trong các chương trình đào tạo đại học, quyền con người đã được tích hợp, lồng ghép vào một số môn học như Luật Hiến pháp, Luật Hành chính, Luật Hình sự, Luật Tố tụng hình sự, Luật Công pháp quốc tế...

*Thứ hai*, chương trình đào tạo thạc sĩ quyền con người/pháp luật về

---

<sup>1</sup> Xem University of Minnesota: <http://hrlibrary.umn.edu/edumat/hreduseries/hrhandbook/part2a.html>

quyền con người đã và đang được triển khai tại ba cơ sở đào tạo là Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội, Viện Hàn lâm Khoa học và xã hội Việt Nam và Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Bên cạnh việc đào tạo thạc sĩ chuyên ngành pháp luật về quyền con người, nội dung môn học về quyền con người, quyền công dân đã được đưa vào chương trình đào tạo thạc sĩ ở một số chuyên ngành khác, như Chính trị học, Lý luận và Lịch sử nhà nước và pháp luật, Luật Hình sự và Tố tụng hình sự, Luật Hiến pháp, Luật Hành chính, Xã hội học, Chính sách công...

*Thứ ba*, giảng dạy về quyền con người cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị đã được tiến hành từ năm 1998, dành cho hệ đại học lý luận chính trị tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Từ năm 2015, môn học “Lý luận và pháp luật về quyền con người” đã được đưa vào chương trình giảng dạy hệ Cao cấp lý luận chính trị.

*Thứ tư*, nhận thức của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, học sinh, sinh viên và người dân về quyền con người đã có những chuyển biến nhất định. Tri thức về quyền con người và các quan điểm của Đảng, Nhà nước về quyền con người nhìn chung được vận dụng tốt trong các hoạt động đối nội và đối ngoại, bảo vệ, bảo đảm quyền con người cho mọi người dân, hợp tác và đấu tranh có hiệu quả trên trường quốc tế, góp phần đẩy lùi một bước những nhận thức lệch lạc, sai trái về quyền con người ở Việt Nam.

Tuy nhiên, một số *khó khăn* đặt ra khi triển khai việc đưa nội dung giáo dục quyền con người vào hệ thống giáo dục quốc dân gồm:

*Thứ nhất*, nội dung giáo dục quyền con người trong hệ thống giáo dục quốc dân hiện tại chưa đáp ứng được yêu cầu. Các môn học như Đạo đức, Giáo dục công dân, Pháp luật đại cương có lồng ghép các nội dung về quyền con người nhưng chưa hệ thống. Đi liền với vấn đề này là đội ngũ giảng viên cũng chưa được đào tạo chuyên sâu các kiến thức về

quyền con người. Ở cấp bậc đại học, quyền con người chưa được giảng dạy là một môn học chuyên ngành hoặc chưa đưa nội dung quyền con người lồng ghép vào các môn học chuyên ngành luật, trong khi đó các môn học này liên quan rất mật thiết với các vấn đề quyền con người.

*Thứ hai*, những năm qua, nhận thức của người dân nói chung, của học sinh nói riêng về quyền con người đã được nâng lên, tuy nhiên vẫn còn nhiều hạn chế. Điều đó dẫn tới họ không hiểu đầy đủ về quyền của mình để tự bảo vệ. Trong khi đó, phạm vi giáo dục quyền con người cũng mới tập trung vào một số công ước quốc tế cơ bản mà thiếu vắng sự đánh giá, nhận xét tính tương thích cũng như những cam kết của Việt Nam trong việc thực hiện các văn bản này. Phương tiện truyền tải việc giáo dục quyền con người cũng còn thụ động.

*Thứ ba*, giáo viên phụ trách bộ môn chưa có kiến thức nền tảng hệ thống về quyền con người. Điều đó dẫn đến giáo viên không thể tự tin truyền tải hay lồng ghép kiến thức quyền con người vào bài giảng, càng không sáng tạo được trong phương pháp giảng dạy, trong đó “phương pháp giáo dục cùng tham gia” đóng vai trò nền tảng. Việc sử dụng phương pháp giáo dục truyền thống làm giảm một cách đáng kể hiệu quả của hoạt động giáo dục nói chung, hoạt động giáo dục quyền con người nói riêng, vì phương pháp giảng dạy này thường biến các tiết học thành các buổi thuyết giảng một chiều, khô cứng. Hệ quả là vừa khó đưa thêm nội dung kiến thức vừa hạn chế triển khai, thực hiện một cách đa dạng các phương pháp giảng dạy - học tập, nhất là trong điều kiện nghèo nàn về tài liệu và phương tiện học tập (sách, tranh, ảnh, băng đĩa, phim hoạt hình...) để tìm hiểu, hướng dẫn.

Như vậy, có thể thấy, trở ngại chính trong giáo dục quyền con người ở Việt Nam hiện nay liên quan đến các vấn đề như trình độ hạn chế và thiếu hụt giáo viên, giảng viên; phương pháp giảng dạy lạc hậu, sự thiếu hụt các nguồn tài liệu tham khảo.

### Phần 3

## TIẾP CẬN DỰA TRÊN QUYỀN TRONG GIÁO DỤC

### Câu 51. Tiếp cận dựa trên quyền là gì?

Tiếp cận dựa trên quyền là khung khái niệm lấy các nguyên tắc, chuẩn mực, giá trị về quyền con người làm điều kiện, khuôn khổ cho quá trình phát triển để đạt được kết quả mong đợi nhằm bảo đảm công bằng, không phân biệt đối xử cho các nhóm đối tượng khác nhau trong xã hội<sup>1</sup>.

Tiếp cận dựa trên quyền lần đầu tiên được Liên hợp quốc giới thiệu và sử dụng như một công cụ nhằm tạo sự kết nối giữa các sáng kiến, chương trình phát triển của tổ chức này với các quyền được ghi nhận trong pháp luật. Cách tiếp cận này đặc biệt nhấn mạnh yếu tố quyền theo hướng cân bằng ở hai yếu tố: *nội dung quyền* và *cách thức thực thi quyền*<sup>2</sup>. Đây là cách tiếp cận để thay thế và khắc phục hạn chế của các cách tiếp cận khác như: *tiếp cận từ thiện* và *tiếp cận dựa trên nhu cầu* trong quá trình xây dựng và thực hiện các chính sách, chương trình, dự án phát triển.

Cách tiếp cận dựa trên quyền được áp dụng phổ biến trong cộng đồng phát triển quốc tế từ khoảng đầu những năm 2000. Tiếp cận dựa trên quyền có thể áp dụng trong nhiều lĩnh vực khác nhau. Liên hợp quốc, các tổ chức và nhiều quốc gia sử dụng cách tiếp cận dựa trên quyền trong quá trình xây dựng, thực hiện các chính sách, chương trình phát triển.

---

<sup>1</sup> Xem United Nations: *A Human Rights-based Toolkit*, [http://www.un.org.vn/en/publications/doc\\_details/115-a-human-rights-based-approach-toolkit.html](http://www.un.org.vn/en/publications/doc_details/115-a-human-rights-based-approach-toolkit.html).

<sup>2</sup> Xem Văn phòng Điều phối thường trú Liên hợp quốc tại Việt Nam: *Tài liệu dành cho cán bộ Liên hợp quốc tại Việt Nam*.

Trong lĩnh vực giáo dục, tiếp cận dựa trên quyền được ghi nhận là cách thức hiệu quả để xây dựng nền giáo dục sẵn có, dễ tiếp cận, có thể chấp nhận được và có khả năng thích ứng trong bối cảnh phát triển mạnh mẽ hiện nay<sup>1</sup>. Hiện nay, cách tiếp cận này được Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc (UNICEF), UNESCO, nhiều tổ chức quốc tế và các quốc gia coi là khung phân tích trong xây dựng và phát triển chính sách, chương trình giáo dục<sup>2</sup>.

### **Câu 52. Tiếp cận dựa trên quyền hướng tới mục tiêu gì?**

Mục đích của tiếp cận dựa trên quyền là nhằm áp dụng các nguyên tắc, chuẩn mực quyền con người vào quá trình xây dựng, thực thi, đánh giá chính sách, chương trình, dự án ở các lĩnh vực khác nhau.

Tiếp cận dựa trên quyền nhằm điều chỉnh mối quan hệ giữa một bên là *chủ thể có nghĩa vụ* (duty bearer) và một bên là *chủ thể quyền* (right holder) nhằm tăng cường năng lực, sự tham gia, tiếng nói của chủ thể quyền và trách nhiệm của bên nghĩa vụ.

Ưu điểm của tiếp cận dựa trên quyền là coi người học là chủ thể được hưởng quyền thay vì coi họ là khách hàng nên đặt ra nghĩa vụ bảo đảm nhiều hơn từ phía Nhà nước và các bên liên quan. Tiếp cận dựa trên quyền cũng đặc biệt chú ý đến các cá nhân và cộng đồng dễ bị tổn thương, thông qua đó, tạo điều kiện để các nhóm này được có cơ hội tiếp cận với giáo dục đại học.

### **Câu 53. Ai sẽ chịu trách nhiệm thực hiện khung tiếp cận dựa trên quyền trong giáo dục?**

Tiếp cận dựa trên quyền trong giáo dục là quá trình chủ thể có nghĩa vụ đưa các nguyên tắc cơ bản của tiếp cận dựa trên quyền vào

---

<sup>1</sup> Xem Tomasevski, Katarina: *Manual on rights-based education: global human rights requirements made simple*. Bangkok: UNESCO Bangkok, 2004.

<sup>2</sup> Xem UNICEF, UNESCO: *Human rights-based approach to Education for All: a framework for the realization of children's right to education and rights within education*, 2007.

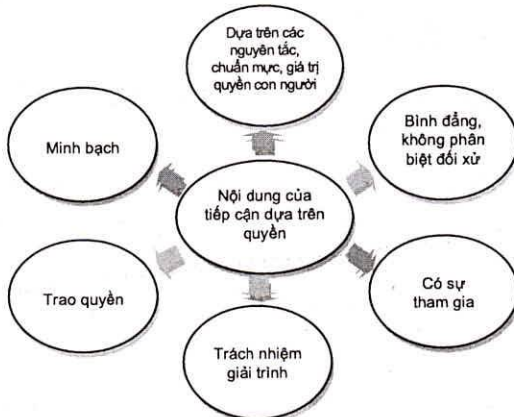
mọi hoạt động giáo dục nhằm bảo đảm quyền cho chủ thể quyền.

Ở cấp độ quốc gia, chủ thể có nghĩa vụ bảo đảm quyền quan trọng nhất, đó chính là Nhà nước. Nhà nước có nghĩa vụ tôn trọng, bảo vệ, thực hiện quyền con người thông qua các biện pháp lập pháp (xây dựng, thông qua chính sách, pháp luật, quy định về giáo dục), hành pháp (thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục), tư pháp (xét xử, khắc phục hậu quả khi xảy ra vi phạm quyền con người trong môi trường giáo dục). Theo đó, trong ngành giáo dục, chủ thể có nghĩa vụ thực hiện quyền cho học sinh bao gồm cả nhóm các cơ quan có chức năng quản lý nhà nước trực tiếp về giáo dục từ trung ương đến địa phương như Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo, chính quyền địa phương và các bộ, ban, ngành liên quan.

Trong khuôn khổ trường học, chủ thể có trách nhiệm tôn trọng, bảo vệ quyền trực tiếp cho học sinh là ban giám hiệu nhà trường, giáo viên chủ nhiệm và các thầy, cô giáo và cán bộ, nhân viên của nhà trường nhưng không trực tiếp giảng dạy tham gia.

**Câu 54. Tiếp cận dựa trên quyền gồm những nội dung gì?**

Khung tiếp cận dựa trên quyền được thực hiện dựa trên 6 nguyên tắc có tính nội dung cơ bản. Các nguyên tắc này được thể hiện như hình vẽ dưới đây:



**Câu 55. Các nguyên tắc, giá trị, chuẩn mực về quyền con người cần được ghi nhận và thực hiện trong môi trường giáo dục là gì?**

Tiếp cận dựa trên quyền đòi hỏi việc ghi nhận các quyền con người và coi đây là những nguyên tắc, giá trị và chuẩn mực pháp lý mà tất cả mọi cá nhân và các bên cần phải tuân thủ. Có thể kể đến những giá trị có tính xuyên suốt, cốt lõi trong môi trường giáo dục như: bình đẳng, nhân phẩm, sự tôn trọng, khoan dung, đa dạng v.v.. hay các chuẩn mực quyền mà Nhà nước, các cơ quan quản lý giáo dục, nhà trường có nghĩa vụ thực hiện như: quyền giáo dục; quyền được tiếp cận thông tin; quyền được lắng nghe; quyền được bảo vệ không bị xâm hại, bạo lực, buôn bán; quyền được vui chơi, giải trí v.v.. Nội dung đầy đủ các nguyên tắc, giá trị, quyền của trẻ em được ghi nhận trong hệ thống pháp luật quốc tế và pháp luật của quốc gia<sup>1</sup>. Tiếp cận dựa trên quyền chính là quá trình đưa các nguyên tắc, chuẩn mực quốc tế về quyền con người vào hệ thống chính sách, pháp luật, thủ tục, chương trình của mỗi quốc gia. Việt Nam là thành viên của 7/9 công ước quốc tế cơ bản về quyền con người, do vậy Việt Nam có nghĩa vụ phải thực hiện các biện pháp về mặt lập pháp, hành pháp, tư pháp để bảo vệ quyền con người nói chung, quyền trẻ em nói riêng. Nhà nước có nghĩa vụ tuân thủ các nguyên tắc, giá trị, chuẩn mực về quyền cả ở trong gia đình, trường học và ngoài xã hội.

Một số câu hỏi mà nhà quản lý giáo dục, giáo viên cần cân nhắc khi thực hiện nguyên tắc dựa trên các quy định pháp luật về quyền con người:

- Quyền con người có được luật pháp quốc gia bảo vệ không?
- Quyền trẻ em có được luật pháp quốc gia bảo vệ không?

---

<sup>1</sup> Xem *Các nguyên tắc chuẩn mực về quyền con người, quyền trẻ em* ở Phần 1 và Phần 4 của cuốn sổ tay này.

- Quyền về giáo dục đã được quy định và bảo vệ trong pháp luật quốc gia không?

- Quyền về giáo dục quyền con người đã được quy định trong pháp luật quốc gia không?

- Cán bộ quản lý giáo dục, ban giám hiệu nhà trường, giáo viên đã được cung cấp kiến thức về quyền con người chưa?

- Quyền con người đã được đưa vào giảng dạy trong chương trình giáo dục quốc dân chưa?

- Khung chương trình, nội dung kiến thức hiện hành về quyền con người có đề cập đầy đủ và cập nhật những nguyên tắc, giá trị cốt lõi, chuẩn mực quốc tế về quyền con người không?

- Các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, nhà trường có các chương trình, hoạt động ngoại khóa để thúc đẩy, phổ biến các nguyên tắc, giá trị, chuẩn mực quyền con người không?

- Ngành giáo dục, nhà trường có xây dựng chính sách, chương trình về bảo vệ quyền con người cho học sinh, giáo viên và cán bộ trong nhà trường không?

- Nhà trường có chính sách bảo vệ học sinh khỏi việc bị xâm hại, bạo lực, bắt nạt và quấy rối khi ở trường không?

- Có chính sách để đảm bảo rằng tất cả người học được đối xử bình đẳng, không phân biệt đối xử không?

- Có cơ chế nào để giám sát việc tôn trọng, bảo vệ các nguyên tắc, giá trị, chuẩn mực quyền con người trong trường học không?

**Câu 56. Nguyên tắc bình đẳng, không phân biệt đối xử bảo đảm tiếp cận dựa trên quyền trong môi trường giáo dục được thể hiện như thế nào?**

Bình đẳng và không phân biệt đối xử là nguyên tắc có tính nghĩa

vụ đã được ghi nhận trong nhiều điều ước quốc tế về quyền con người, chẳng hạn như: Công ước về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa; Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ. Do đó, các quốc gia thành viên trong đó có Việt Nam có nghĩa vụ pháp lý để thực hiện nguyên tắc này.

Đối với hoạt động giáo dục, nguyên tắc này yêu cầu cơ quan quản lý giáo dục, cơ sở giáo dục cần ban hành các quy định rõ ràng việc nghiêm cấm, ngăn ngừa và loại bỏ bất kỳ hình thức phân biệt, loại trừ hay hạn chế nào gây trở ngại đối với việc tiếp cận giáo dục của học sinh, sinh viên. Nguyên tắc này cũng cho phép các cơ sở giáo dục có chính sách ưu tiên trong tuyển sinh cho các nhóm dễ bị tổn thương hay nhóm bị gạt ra bên lề nhằm giúp các em vượt qua các rào cản kinh tế, văn hóa, xã hội... đang tồn tại để các em có cơ hội học tập ở các bậc học cao hơn. Cụ thể, các chủ thể chịu trách nhiệm cần bảo đảm các quy định pháp luật, chính sách, nguồn lực cho giáo dục chủ động thúc đẩy công bằng, không gây nên (trực tiếp và gián tiếp) phân biệt đối xử, hướng tới nền giáo dục hòa nhập cho tất cả mọi người.

Một số câu hỏi mà nhà quản lý giáo dục, giáo viên cần cân nhắc khi thực hiện nguyên tắc bình đẳng, không phân biệt đối xử:

- Các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, nhà trường đã có chính sách hỗ trợ thúc đẩy bình đẳng và không phân biệt đối xử chưa?

- Các cơ quan quản lý giáo dục liên quan đã có các thủ tục, cơ chế để giải quyết tình trạng phân biệt đối xử khi xảy ra sự việc chưa?

- Người học (nam và nữ) có được đối xử bình đẳng ở trường học không?

- Mỗi giáo viên, ban giám hiệu nhà trường có đối xử bình đẳng với tất cả học sinh trong trường không? Có nhóm hoặc cá nhân học sinh nào đang bị rơi vào tình trạng kỳ thị, phân biệt đối xử không?

- Nhà trường, giáo viên đã có các biện pháp cụ thể để bảo vệ những nhóm học sinh có nguy cơ bị phân biệt đối xử không (ví dụ như học sinh nữ, học sinh thuộc một nhóm dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật v.v..)?

- Khi có sự phân biệt đối xử xảy ra tại nhà trường, ban giám hiệu và giáo viên có hành động ngay lập tức để giải quyết?

**Câu 57. Sự tham gia của học sinh nhằm bảo đảm tiếp cận dựa trên quyền trong môi trường giáo dục được thể hiện như thế nào?**

Tiếp cận dựa trên quyền yêu cầu mọi hoạt động giáo dục cần bảo đảm có sự tham gia tích cực, đầy đủ của các bên liên quan. Theo đó, các chủ thể chịu trách nhiệm liên quan (cơ quan quản lý giáo dục, các cơ sở đào tạo, trường đại học) cần bảo đảm để những người liên quan (học sinh, sinh viên, giảng viên...) được tham gia về các vấn đề có ảnh hưởng đến quyền của họ.

Giáo dục quyền con người khuyến khích thực hiện nguyên tắc lấy người học làm trung tâm và coi người học là những chủ thể tích cực trong hoạt động giáo dục. Cách tiếp cận này không chỉ khuyến khích quan điểm và đóng góp của người học mà còn tích hợp điều đó vào suốt quá trình học tập một cách có ý nghĩa.

Một số câu hỏi mà nhà quản lý giáo dục, giáo viên cần cân nhắc khi thực hiện nguyên tắc bảo đảm sự tham gia của người học là:

- Liệu tất cả học sinh đã có cơ hội tham gia một cách chủ động và có ý nghĩa vào các hoạt động giáo dục hay chưa?

- Các cơ quan quản lý giáo dục, nhà trường, ban giám hiệu, giáo viên, cần điều chỉnh hoạt động giáo dục như thế nào để đảm bảo cho mọi học sinh có thể tham gia đầy đủ?

- Làm thế nào để học sinh có thể tham gia vào quá trình xây dựng kế hoạch và đánh giá hoạt động giáo dục?

- Học sinh có cơ hội tham gia vào quá trình thiết kế, xây dựng hoạt động trải nghiệm không?

- Làm thế nào để có thể phối hợp hiệu quả giữa người học/học sinh với nhà trường và những bên liên quan khác khi thực hiện hoạt động giáo dục?

**Câu 58. Trách nhiệm giải trình bảo đảm tiếp cận dựa trên quyền trong môi trường giáo dục được thể hiện như thế nào?**

Trách nhiệm giải trình liên quan đến hai nội dung: *Nội dung thứ nhất* là yêu cầu có cơ chế giám sát việc thực hiện các chuẩn mực về quyền con người. Để bảo đảm công bằng trong giáo dục, ngành giáo dục và cơ sở đào tạo cần có cơ chế giám sát hoạt động tuyển sinh dựa trên những tiêu chuẩn đã được đặt ra. *Nội dung thứ hai* của trách nhiệm giải trình là trong trường hợp vi phạm xảy ra, cần phải có các biện pháp khắc phục hậu quả thông qua các hình thức đền bù, bồi thường thông qua một cơ chế khiếu nại hiệu quả... Các bên chịu trách nhiệm như chính quyền, cơ quan quản lý giáo dục, ban giám hiệu nhà trường, giảng viên, phụ huynh... cần nhận thức được trách nhiệm của mình và có đủ năng lực để thực hiện nghĩa vụ của mình.

Một số câu hỏi cần cân nhắc:

- Nhà trường có chính sách tôn trọng và bảo vệ quyền cho học sinh, cán bộ, giảng viên không?

- Học sinh, cán bộ, giảng viên có được biết sẽ phải gặp ai nếu thấy quyền của mình bị vi phạm?

**Câu 59. Tính minh bạch nhằm bảo đảm tiếp cận dựa trên quyền trong môi trường giáo dục được thể hiện như thế nào?**

Để người học có thể là những chủ thể chủ động trong quá trình (tham gia) học tập, họ phải được là một phần hoặc có thể được giám sát các quyết định có ảnh hưởng đến họ. Đảm bảo có các quá trình minh

bạch và dân chủ dẫn dắt việc ra quyết định liên quan đến người học có thể tăng cường mối quan hệ giữa người dạy và người học, dẫn đến kết hợp nhịp nhàng và hiểu nhau hơn.

Tính minh bạch đề cập đến độ mở về thông tin để ngăn ngừa tình trạng tham nhũng cũng như bất bình đẳng trong hoạt động giáo dục. Cơ chế thanh tra, giám sát cần được thành lập ở các cấp từ trung ương đến địa phương để phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong giáo dục.

Một số câu hỏi cần cân nhắc:

- Quá trình ra các quyết định có bảo đảm tính minh bạch và mở với người tham gia không?

- Nhà trường có coi trọng và cân nhắc những đóng góp của người học, đặc biệt là những người chịu ảnh hưởng của các quyết định không?

- Nhà trường có tạo cơ hội cho người học đóng góp vào việc ra các quyết định ảnh hưởng đến họ không?

### **Câu 60. Nguyên tắc trao quyền nhằm bảo đảm tiếp cận dựa trên quyền trong môi trường giáo dục có nghĩa là gì?**

Để chủ thể quyền nhận thức và biết cách đòi hỏi quyền, tiếp cận dựa trên quyền cũng yêu cầu về phát triển nâng cao năng lực về quyền cho mỗi cá nhân, cộng đồng. Cụ thể, mỗi người cần nhận biết được quyền của mình, được tạo điều kiện để thực thi quyền và đòi hỏi quyền khi có vi phạm. Để có thể làm được những điều đó, nhà giáo dục cần có đủ trải nghiệm và kiến thức của người học về quyền con người. Những hoạt động này cần được thực hiện thông qua giáo dục với các hoạt động cần được thực hiện trong môi trường thân thiện về quyền và hướng tới mục tiêu vì quyền con người.

Một số câu hỏi cần cân nhắc:

- Ban giám hiệu, giáo viên có chủ động phổ biến thông tin, kiến thức về quyền con người cho học sinh và giáo viên không?

- Học sinh có hiểu và được nhà trường tạo điều kiện thực hành quyền của mình ở trường học không?

- Nhà trường có khuyến khích và tạo điều kiện để học sinh chủ động lên tiếng khi có sự vi phạm quyền con người không?

- Các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, nhà trường có các chương trình, hoạt động ngoại khóa để thúc đẩy, phổ biến các nguyên tắc, giá trị, chuẩn mực quyền con người không?

### **Câu 61. Tại sao cần áp dụng phương pháp tiếp cận dựa trên quyền trong trường học?**

Thực hiện tiếp cận dựa trên quyền trong trường học có ý nghĩa hết sức quan trọng vì những lý do sau:

- Trường học là môi trường có sự tham gia của một nhóm chủ thể quyền rất lớn trong xã hội, đó là học sinh. Đây là nhóm đối tượng cần được trang bị kiến thức và hình thành thái độ, kỹ năng về quyền con người để trở thành những công dân có khả năng bảo vệ quyền của mình và tôn trọng quyền của người khác.

- Trong môi trường học đường, học sinh là nhóm trẻ em dễ bị tổn thương, trong nhiều trường hợp, các em chưa có đủ năng lực để tự bảo vệ quyền nên có nhiều nguy cơ bị vi phạm quyền. Trong khi đó, trường học là nơi mà nhóm chủ thể chịu trách nhiệm quyền (giáo viên, ban giám hiệu...) được “trao” khá nhiều quyền lực nên nguy cơ “lạm quyền” giữa giáo viên với học sinh có thể xảy ra. Mặt khác, các hình thức bạo lực học đường khác như bạo lực, bắt nạt học đường cũng diễn ra khá phổ biến, đòi hỏi các chủ thể chịu trách nhiệm là nhà trường, giáo viên và các bên liên quan cần có sự bảo vệ đối với các em.

- Việc áp dụng khung tiếp cận dựa trên quyền sẽ giúp thực hiện hiệu quả mục tiêu của giáo dục quyền con người, đưa các nguyên tắc, giá trị, chuẩn mực quyền con người vào tất cả các hoạt động giáo dục,

không chỉ ở trong phạm vi của lớp học mà ở tất cả các hoạt động giáo dục của nhà trường, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, hình thành nên văn hóa tôn trọng, bảo vệ quyền tại trường học.

**Câu 62. Làm thế nào để áp dụng nội dung của tiếp cận dựa trên quyền trong trường học?**

Hiện nay không có một mô hình hay cách thức duy nhất để áp dụng khung tiếp cận dựa trên quyền. Mỗi cơ sở giáo dục có thể áp dụng các hình thức tiếp cận linh hoạt trên cơ sở nguồn lực sẵn có của mình. Tuy nhiên, dù thực hiện theo cách nào thì vẫn cần dựa trên 6 nội dung có tính nguyên tắc của khung tiếp cận dựa trên quyền. Cụ thể, các nguyên tắc của tiếp cận dựa trên quyền cần được áp dụng ở tất cả các bước sau:

- Khi xác định nhu cầu học tập và kết quả học tập mong đợi của người học.
- Trong suốt quá trình lên kế hoạch và thiết kế các hoạt động giáo dục.
- Trong toàn bộ quá trình triển khai thực hiện hoạt động dạy học.
- Trong quá trình đánh giá, giám sát hoạt động giáo dục.

Trên thế giới, một số mô hình tiếp cận dựa trên quyền đã được triển khai thực hiện như: mô hình “Tiếp cận toàn trường”, “Trường học thân thiện với trẻ em”, “Trường học tôn trọng quyền” do UNICEF khởi xướng<sup>1</sup>.

**Câu 63. Thế nào là “Tiếp cận toàn trường”?**

“Tiếp cận toàn trường” (Whole school approach) là một mô hình nhằm đưa tiếp cận dựa trên quyền vào các trường học. Mô hình này

---

<sup>1</sup> Xem UNICEF: *Child Rights Education Tool: Rooting Child Rights in Early Childhood Education, Primary and Secondary Schools*, Geneva 2012.

ghi nhận vai trò và sự tác động của các yếu tố xảy ra trong toàn bộ hệ sinh thái liên quan đến trường học nhằm giúp cho học sinh được tiếp cận giáo dục, được học tập trong môi trường giáo dục có chất lượng và có sự tôn trọng. Theo đó, cách tiếp cận này nhấn mạnh đến việc tăng cường sự kết nối giữa nhà trường với cộng đồng xung quanh và hướng tới đến sự phát triển bền vững. Để tạo ra một môi trường học tập hài hòa, thân thiện, tất cả các hoạt động giáo dục trong nhà trường đều cần có sự tham gia của ban giám hiệu, cán bộ viên chức trong nhà trường, giáo viên, học sinh, chính quyền, cộng đồng địa phương, phụ huynh v.v..

“Tiếp cận toàn trường” không chỉ áp dụng trong không gian của lớp học mà còn được đưa vào tất cả các hoạt động ngoài lớp học, và trong cộng đồng bao gồm: khung chương trình, hoạt động dạy học trên lớp, hoạt động quản lý, lãnh đạo ở trường học, xây dựng năng lực chuyên môn cho đội ngũ giáo viên, môi trường học đường, kiểm tra, giám sát...

“Tiếp cận toàn trường” là mô hình được nhiều tổ chức quốc tế như Tổ chức Y tế thế giới (WHO), UNICEF, UNESCO và nhiều trường học áp dụng<sup>1</sup>.

#### **Câu 64. Thế nào là “Trường học tôn trọng quyền”?**

“Trường học tôn trọng quyền” (Rights respecting school) là mô hình do UNICEF khởi xướng để thực hiện hướng tiếp cận dựa trên quyền. Mô hình này lấy quyền trẻ em làm trung tâm cho mọi hoạt động của nhà trường từ việc xây dựng chính sách, nội quy, lên kế hoạch và thực hiện hoạt động dạy - học, ngoại khóa. Khi xây dựng mô hình “Trường học tôn trọng quyền”, nhà trường có thể linh hoạt lựa chọn các hình thức, hoạt động khác nhau nhưng đều dựa trên mục tiêu có tính

---

<sup>1</sup> Xem UNICEF: *Child Rights Education Tool: Rooting Child Rights in Early Childhood Education, Primary and Secondary Schools*, Geneva 2012.

xuyên suốt của giáo dục là “về quyền con người, vì quyền con người và thông qua quyền con người”. Cụ thể, trường học tôn trọng quyền cần thúc đẩy sự tôn trọng, bảo vệ nhân phẩm, không kỳ thị, phân biệt đối xử với tất cả nhóm học sinh, giáo viên, phụ huynh, cộng đồng nhằm tạo nên một môi trường văn hóa quyền con người.

Mô hình “Trường học tôn trọng quyền” đã được nhiều quốc gia áp dụng và thực hiện như: Anh, Canada, Tây Ban Nha, Đức và Thụy Điển... Tính đến năm 2011, quy mô là 2.500 trường học ở Vương quốc Anh, 82 trường ở Slovakia, 72 trường ở Tây Ban Nha, 10 trường ở Đức, 15 trường ở Canada và 2 trường học ở Thụy Điển<sup>1</sup>. Một số quốc gia có chương trình “cấp chứng chỉ” cho các trường học đáp ứng được mục tiêu, yêu cầu của “Trường học tôn trọng quyền”<sup>2</sup>. Trong khu vực ASEAN, tại Thái Lan, UNICEF đã phối hợp với Bộ Giáo dục Thái Lan thực hiện chương trình “Trường học tôn trọng quyền” cho học sinh, giáo viên và ban giám hiệu<sup>3</sup>.

### **Câu 65. Thế nào là “Trường học thân thiện với trẻ em”?**

“Trường học thân thiện với trẻ em” là một mô hình tiếp cận dựa trên quyền lấy trẻ em thân thiện với trẻ em do UNICEF khởi xướng và thúc đẩy.

Mục đích chính của mô hình “Trường học thân thiện với trẻ em” là nhằm từng bước xây dựng trường học và hệ thống giáo dục có chất lượng, trên cơ sở quyền và lợi ích tốt nhất trẻ, giúp trẻ có cơ hội trải nghiệm học tập phong phú và phát huy được đầy đủ tiềm năng của mình<sup>4</sup>.

---

<sup>1, 2, 4</sup> Xem UNICEF: *Child Rights Education Tool: Rooting Child Rights in Early Childhood Education, Primary and Secondary Schools*, Geneva 2012.

<sup>3</sup> Xem UNICEF Thái Lan: *Rights respecting schools for students, teachers and school directors*, <https://www.unicef.org/thailand/stories/rights-respecting-schools-students-teachers-and-school-directors>.

“Trường học thân thiện với trẻ em” được vận hành dựa trên các nguyên tắc, giá trị, chuẩn mực cốt lõi của quyền con người như: bình đẳng, không phân biệt đối xử, tôn trọng, nhân phẩm, có sự tham gia... Cụ thể hơn, tương tự như mô hình “Trường học tôn trọng quyền”, mô hình “Trường học thân thiện với trẻ em” yêu cầu nhà trường luôn lấy quyền con người làm trọng tâm trong tất cả các mọi hoạt động giáo dục: từ quản trị, quản lý, ra các quyết định liên quan đến giáo dục, đến từ cách thức mọi người (ban giám hiệu, giáo viên, học sinh...) đối xử với nhau, từ nội dung chương trình, phương pháp giảng dạy và các hoạt động ngoại khóa trong và ngoài trường học.

Việc xây dựng và thực hiện mô hình “Trường học thân thiện với trẻ” có thể mang lại một số lợi ích như: giúp tạo nên một môi trường học tập tích cực để học sinh phát huy được tối đa năng lực của các em; tạo điều kiện để tất cả các nhóm trẻ em bao gồm cả các nhóm dễ bị tổn thương như trẻ em gái, trẻ em khuyết tật, trẻ em nghèo, trẻ em người dân tộc thiểu số... đều được có cơ hội tiếp cận giáo dục và tham gia các hoạt động ở trường học; góp phần xóa bỏ các định kiến, khuôn mẫu có tính kỳ thị, phân biệt đối xử, xây dựng môi trường học đường dựa trên các giá trị quyền con người cốt lõi như: tôn trọng, khoan dung, nhân văn, đa dạng, thông qua đó góp phần hình thành nhân cách đạo đức cho học sinh.

Mô hình “trường học thân thiện” với trẻ được UNICEF giới thiệu từ năm 1999, sau đó đã được giới thiệu ở 95 quốc gia trên thế giới<sup>1</sup>.

---

<sup>1</sup> Xem UNICEF: *Improving education quality in South Asia* (a review of UNICEF's efforts, 2018, [https://www.unicef.org/rosa/media/6991/file/Improving%20Education%20Quality%20in%20South%20Asia%20\(I\)\\_30Aug019Web.pdf.pdf](https://www.unicef.org/rosa/media/6991/file/Improving%20Education%20Quality%20in%20South%20Asia%20(I)_30Aug019Web.pdf.pdf)

## **Phần 4**

### **CÁC NỘI DUNG CƠ BẢN VỀ QUYỀN TRẺ EM**

#### **Câu 66. Trẻ em là ai?**

CRC đưa ra định nghĩa về trẻ em theo tiêu chí đơn giản nhất là dựa trên lứa tuổi. Điều 1 quy định: “Trẻ em là mọi người dưới 18 tuổi, trừ trường hợp luật pháp áp dụng với trẻ em đó quy định tuổi thành niên sớm hơn”. Định nghĩa này, một mặt đã đưa ra được giới hạn tối đa về lứa tuổi được hưởng thụ các quyền ghi nhận trong Công ước, mặt khác cũng thể hiện sự linh hoạt đối với các quốc gia có quy định khác với Công ước.

Ở Việt Nam, Điều 1 Luật Trẻ em năm 2016 quy định: “Trẻ em là người dưới 16 tuổi”. Như vậy, hiện nay đang có sự khác biệt về độ tuổi để xác định trẻ em giữa pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam.

#### **Câu 67. Quyền trẻ em là gì?**

Quyền trẻ em là quyền con người được áp dụng cho trẻ em. Mọi trẻ em, dù ở bất kỳ độ tuổi, giới tính, chủng tộc, tôn giáo, địa vị, nguồn gốc hay bất cứ tình trạng nào đều được đối xử bình đẳng dựa trên sự tôn trọng và phẩm giá. Ngày nay, quyền trẻ em được ghi nhận trong pháp luật quốc tế, với một công ước chuyên biệt là CRC và trong hệ thống pháp luật của các quốc gia.

Ở Việt Nam, quyền trẻ em được ghi nhận trong Điều 37 Hiến pháp năm 2013 và nhiều văn bản khác, trong đó có bộ luật chuyên trách về quyền trẻ em là Luật Trẻ em năm 2016.

#### **Câu 68. Vì sao cần phải tôn trọng, bảo vệ quyền của trẻ em?**

Mọi trẻ em đều được hưởng các quyền và tự do như mọi người.

Điều này có nghĩa là mọi quy định pháp luật về quyền con người đều được áp dụng bình đẳng cho trẻ em. Tuy nhiên, trẻ em là nhóm đối tượng dễ bị tổn thương về quyền vì nhiều lý do khác nhau: trẻ em còn non nớt chưa có sự phát triển đầy đủ về thể chất và tinh thần; trẻ em có địa vị thấp trong xã hội (chẳng hạn, trẻ em dưới 18 tuổi đều chưa được tham gia bầu cử); trẻ em bị ảnh hưởng của các định kiến, khuôn mẫu về văn hóa (một số khuôn mẫu văn hóa buộc trẻ em phải phục tùng người lớn và không được phép bày tỏ ý kiến, nguyện vọng của mình, bố mẹ được phép đánh con). Tính dễ bị tổn thương dẫn tới việc trẻ em có nhiều nguy cơ bị phân biệt đối xử, thậm chí là nạn nhân của tình trạng bạo lực, xâm hại. Chính vì vậy, trẻ em cần được cộng đồng quốc tế, Nhà nước và các chủ thể liên quan tôn trọng và bảo vệ và thực hiện quyền.

#### **Câu 69. Quyền trẻ em được quy định trong pháp luật quốc tế như thế nào?**

Quá trình xác lập các chuẩn mực pháp lý quốc tế về bảo vệ trẻ em được bắt đầu từ thế kỷ XVIII khi một số quốc gia châu Âu thông qua các bộ luật lao động về bảo vệ trẻ em<sup>1</sup> và luật về giáo dục bắt buộc cho trẻ em<sup>2</sup>.

Ngay từ đầu thế kỷ XX, Hội Quốc liên (tổ chức tiền thân của Liên hợp quốc hiện nay) đã thành lập một Ủy ban đặc biệt để giải quyết những vấn đề liên quan đến bảo vệ trẻ em. Nhờ hoạt động của Ủy ban này, Đại hội đồng của Hội Quốc liên đã nhất trí thông qua *Tuyên ngôn về quyền trẻ em năm 1924* (hay còn gọi là Tuyên ngôn Giơnevơ). Tuyên ngôn là sự ghi nhận đầu tiên về các quyền của trẻ em trong pháp luật

---

<sup>1</sup> Ví dụ: Anh thông qua Luật Lao động bảo vệ trẻ em năm 1833, Pháp thông qua Quy định về bảo vệ trẻ em năm 1941.

<sup>2</sup> Ví dụ: Prussia thông qua Luật về giáo dục bắt buộc với trẻ em năm 1764, Vương quốc Anh thông qua năm 1870.

quốc tế. Đây cũng là văn kiện nền tảng để Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua *Tuyên ngôn về quyền trẻ em năm 1959* với sự mở rộng hơn các nguyên tắc và quyền trẻ em.

Năm 1979, nhân Năm quốc tế về trẻ em, Ủy ban Quyền con người của Liên hợp quốc đã quyết định thành lập *Nhóm công tác mở* nhằm chịu trách nhiệm chính trong việc tiến hành mọi hoạt động liên quan đến quy trình soạn thảo công ước. Sau 10 năm nỗ lực chuẩn bị, CRC được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua ngày 20-11-1989, có hiệu lực ngày 02-9-1990. Ngay sau đó, CRC nhanh chóng nhận được sự ủng hộ rộng rãi của cộng đồng quốc tế và trở thành điều ước quốc tế về quyền con người có số lượng quốc gia phê chuẩn nhiều nhất. Tính đến tháng 8-2021, CRC có 196 quốc gia thành viên, trừ quốc gia duy nhất là Hoa Kỳ mới chỉ ký mà chưa gia nhập<sup>1</sup>. Việt Nam là nước đầu tiên ở châu Á và là nước thứ hai trên thế giới phê chuẩn CRC vào ngày 20-02-1990.

Ngoài ra, các quyền được ghi nhận trong CRC cũng được mở rộng ở ba Nghị định thư là:

- Nghị định thư không bắt buộc của CRC về việc lôi cuốn trẻ em tham gia xung đột vũ trang (2000).

- Nghị định thư không bắt buộc của CRC về việc buôn bán trẻ em, mại dâm trẻ em và văn hóa phẩm khiêu dâm trẻ em (2000).

- Nghị định thư không bắt buộc về quy định về thủ tục khiếu nại đối với các vi phạm quyền trẻ em có hiệu lực (2014).

Quyền trẻ em cũng được bảo vệ trong nhiều công ước quốc tế khác như các Công ước về bảo vệ trẻ em trong lao động của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO). Nhà nước Việt Nam đã phê chuẩn 25 Công ước

---

<sup>1</sup> Xem Office of Human rights Commissioner: *Status of ratification interactive dashboard*, <http://indicators.ohchr.org>

về quyền lao động, trong đó có nhiều công ước trực tiếp liên quan đến bảo vệ trẻ em trong lĩnh vực lao động, việc làm như: Công ước 138 về tuổi lao động tối thiểu, Công ước 182 về xóa bỏ các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất, Công ước số 105 của ILO về xóa bỏ lao động cưỡng bức...

**Câu 70. Công ước quốc tế về quyền trẻ em quy định về những nội dung gì?**

CRC gồm Lời nói đầu, 51 điều và được chia làm 3 phần (phần I là các điều khoản nội dung; phần II là các điều khoản về thủ tục thực hiện; phần III là các điều khoản liên quan đến thủ tục ký kết, phê chuẩn, gia nhập, sửa đổi và bảo lưu).

CRC được ghi nhận là công cụ pháp lý toàn diện và đầy đủ nhất về bảo vệ các quyền con người của trẻ em. CRC là điều ước quốc tế đầu tiên đề cập đến tính không thể phân chia của các nhóm quyền kinh tế, xã hội, văn hóa và dân sự, chính trị<sup>1</sup>. Đặc biệt, CRC là công ước đầu tiên coi sự tham gia của trẻ em như là một quyền con người. So với các công ước về quyền con người khác, CRC đã có sự chuyển đổi từ các tiếp cận mang tính tuân thủ pháp luật đối với các quyền và vi phạm quyền sang cách tiếp cận dựa trên quyền<sup>2</sup>.

CRC xác lập được một tập hợp các quyền trẻ em trong đó có một số quyền chưa từng được pháp điển hóa trong luật quốc tế. Các quyền này được đề cập từ Điều 6 đến Điều 41. Đây là những quy định cụ thể về các quyền mà trẻ em được hưởng. Về cơ bản, các quyền này có thể được phân loại các quyền này theo 4 nhóm dựa trên 4 nguyên tắc chủ đạo của CRC như đã đề cập ở trên, đó là nhóm quyền được sống còn,

---

<sup>1</sup> Xem Javaid Rehman: *International human rights law - a practical approach*, Pearson Education Limited, 2003, p.379.

<sup>2</sup> Xem SHAPE-SEA: *Human Rights in Southeast Asia*, Vol 2, p.61.

nhóm quyền được phát triển, nhóm quyền được bảo vệ và nhóm quyền được tham gia.

**Câu 71. Việt Nam có nghĩa vụ gì trong việc thực hiện Công ước về quyền trẻ em?**

CRC kêu gọi các quốc gia thành viên phải thi hành tất cả các biện pháp thích hợp trên cơ sở nguồn lực sẵn có ở mức tối đa để đảm bảo việc thực thi các quyền trong Công ước. Điểm khác biệt của CRC so với các điều ước quốc tế khác về quyền con người là ở chỗ, Công ước không chỉ nhấn mạnh đến trách nhiệm của Nhà nước mà còn mở rộng nghĩa vụ này đối với cả cha mẹ, các thành viên trong gia đình và cộng đồng.

Sau khi phê chuẩn CRC, Việt Nam cũng như các quốc gia thành viên khác có nghĩa vụ định kỳ phải báo cáo tình hình thực hiện Công ước cho cơ quan giám sát là Ủy ban Quyền trẻ em. Với tư cách là quốc gia thành viên của CRC, Việt Nam cần thực hiện các biện pháp lập pháp, hành pháp, tư pháp để thúc đẩy và bảo vệ quyền trẻ em thông qua các biện pháp cụ thể sau:

- rà soát lại các văn bản luật đã có, ban hành văn bản pháp luật mới sao cho phù hợp với tinh thần và nội dung của Công ước.

- Đưa vấn đề quyền trẻ em vào trong chương trình giảng dạy của các cấp học một cách phù hợp nhất.

- Các cơ quan thông tin đại chúng tập trung phản ánh, tố cáo những trường hợp vi phạm quyền trẻ em, đồng thời đề cao những tấm gương tốt trong việc bảo vệ chăm sóc và giáo dục trẻ em cả trong nước và quốc tế.

- Các cơ quan nhà nước, các tổ chức phi chính phủ vận dụng Công ước vào chương trình hành động của cơ quan đơn vị.

- Có cơ quan chịu trách nhiệm chỉ đạo, trực tiếp giám sát việc thực hiện quyền trẻ em ở các cấp.

**Câu 72. Quyền trẻ em được quy định trong pháp luật Việt Nam như thế nào?**

Kể từ khi phê chuẩn CRC, Việt Nam đã không ngừng hoàn thiện hệ thống pháp luật về quyền trẻ em. Hiến pháp năm 2013 quy định: “Trẻ em được Nhà nước, gia đình và xã hội bảo vệ, chăm sóc và giáo dục; được tham gia vào các vấn đề về trẻ em. Nghiêm cấm xâm hại, hành hạ, ngược đãi, bỏ mặc, lạm dụng, bóc lột sức lao động và những hành vi khác vi phạm quyền trẻ em” (Điều 37).

Trên cơ sở sự ghi nhận của Hiến pháp, nhiều bộ luật ở các lĩnh vực khác nhau như hình sự, giáo dục, y tế, lao động, bảo hiểm, hôn nhân và gia đình... đều chứa đựng những quy định trực tiếp hoặc gián tiếp về quyền trẻ em. Việt Nam cũng đã xây dựng Luật Trẻ em năm 2016. Bộ luật này cơ bản đã nội luật hóa các chuẩn mực quốc tế về quyền trẻ em.

**Câu 73. Luật Trẻ em năm 2016 của Việt Nam đề cập đến những nội dung gì?**

Luật Trẻ em năm 2016 đưa ra quy định về quyền, bổn phận của trẻ em, nguyên tắc, biện pháp thực hiện quyền trẻ em, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục, gia đình, cá nhân trong việc thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em.

Luật Trẻ em năm 2016 được Quốc hội khóa XIII thông qua ngày 05-4-2016 và có hiệu lực pháp luật từ ngày 01-6-2017 với 7 chương, 106 điều bao gồm: Chương I: “Những quy định chung” (Điều 1-11); Chương 2: “Quyền và bổn phận của trẻ em” (Điều 12-41); Chương III: “Chăm sóc và giáo dục trẻ em” (Điều 42-46); Chương IV: “Bảo vệ trẻ em” (Điều 47-73); Chương V: “Trẻ em tham gia vào các vấn đề về trẻ em” (Điều 74-78); Chương VI: “Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục, gia đình, cá nhân trong việc thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em” (Điều 79-102); Chương VII: “Điều khoản thi hành” (Điều 103-106).

Cụ thể, Luật Trẻ em năm 2016 bao gồm những nội dung cơ bản sau:

- Đưa ra giải thích về các khái niệm cơ bản liên quan đến quyền trẻ em, những nguyên tắc cơ bản và hành vi bị nghiêm cấm. Luật xác định 14 nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trong đó có bổ sung các nhóm mới như: trẻ em bị tổn hại nghiêm trọng về thể chất và tinh thần do bị bạo lực; trẻ em bị bóc lột; trẻ em bị mua bán; trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh phải điều trị dài ngày thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo; trẻ em di cư, trẻ em lánh nạn, tị nạn chưa xác định được cha mẹ hoặc không có người chăm sóc. Luật cũng quy định rõ việc ưu tiên nguồn lực để thực hiện quyền trẻ em và bảo vệ trẻ em, bao gồm cả nguồn tài chính và nguồn nhân lực.

- Quy định về quyền và bổn phận của trẻ em với 25 nhóm quyền cụ thể.

- Quy định về các bảo đảm thực hiện chăm sóc, giáo dục trẻ em và bảo vệ trẻ em bao gồm: chính sách của Nhà nước để bảo đảm về chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em, chăm sóc sức khỏe, giáo dục, bảo đảm điều kiện vui chơi, giải trí, hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể thao, du lịch và thông tin, truyền thông cho trẻ em. Đây là căn cứ quan trọng để xây dựng, thực hiện các chính sách về quyền trẻ em trong thực tế.

- Quy định về quyền tham gia của trẻ em bao gồm nội dung, phạm vi, hình thức trẻ em tham gia vào các vấn đề về trẻ em và biện pháp bảo đảm trong gia đình, nhà trường, cơ sở giáo dục khác và trong cộng đồng.

- Quy định về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục, gia đình, cá nhân trong việc thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em bao gồm bao gồm Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, Chính phủ, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan

thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế và đặc biệt quy định trách nhiệm của gia đình, cá nhân và cơ sở giáo dục.

**Câu 74. Việt Nam có những chính sách, chương trình, kế hoạch nào về thúc đẩy và bảo vệ quyền trẻ em?**

Để triển khai việc thực hiện các quy định pháp luật về quyền trẻ em, Chính phủ đã ban hành nhiều chương trình, kế hoạch hành động về thúc đẩy và bảo vệ quyền trẻ em. Có thể kể đến một số chương trình, kế hoạch trực tiếp liên quan đến thúc đẩy và bảo vệ quyền trẻ em như sau:

- Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09-5-2017 quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người.

- Nghị định số 80/2017/NĐ-CP ngày 17-7-2017 về môi trường giáo dục an toàn.

- Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27-8-2021 về cơ chế thu, quản lý và chính sách miễn, giảm học phí.

- Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 16-5-2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường giải pháp phòng, chống bạo lực xâm hại trẻ em.

- Thông tư số 09/2017/TT-BTTTT ngày 23-6-2017 của Bộ Thông tin - Truyền thông quy định về tỷ lệ, nội dung, thời điểm, thời lượng dành cho trẻ em và cảnh báo nội dung không phù hợp với trẻ em trên báo nói, báo hình, báo in, báo điện tử và xuất bản phẩm.

- Thông tư số 36/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26-12-2018 hướng dẫn lấy ý kiến trẻ em trong xây dựng chính sách về trẻ em.

- Thông tư số 29/2019/TT-BLĐTBXH ngày 26-12-2019 hướng dẫn tổ chức diễn đàn trẻ em.

- Quyết định số 23/QĐ-TTg ngày 07-01-2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021-2030.

- Quyết định số 830/QĐ-TTg ngày 01-6-2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình bảo vệ và hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng giai đoạn 2021-2025.

- Quyết định số 1248/QĐ-TTg ngày 19-7-2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em giai đoạn 2021-2030.

- Quyết định số 1929/QĐ-TTg ngày 25-11-2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, trẻ em tự kỷ và người rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng giai đoạn 2021-2030.

#### **Câu 75. Quyền trẻ em được bảo vệ dựa trên những nguyên tắc nào?**

Bốn nguyên tắc chính của quyền trẻ em được Ủy ban CRC xác định bao gồm: (1) bảo đảm quyền sống, tồn tại và phát triển của trẻ em; (2) không bị phân biệt đối xử; (3) lợi ích tốt nhất dành cho trẻ em; (4) tôn trọng quan điểm và sự tham gia của trẻ em<sup>1</sup>. Bản thân các nguyên tắc này không hoàn toàn mới nhưng các nguyên tắc này có tính xuyên suốt giúp tăng cường hiểu biết về các quyền của trẻ cũng như cách thức Nhà nước, gia đình và xã hội bảo vệ các em.

#### ***\* Nguyên tắc bảo đảm quyền sống, tồn tại và phát triển của trẻ em***

Nguyên tắc này liên quan đến nhận thức cho rằng trẻ em là nhóm đối tượng chưa được phát triển đầy đủ cả về thể chất và tinh thần nên rất dễ bị tổn thương với mọi tác động của môi trường bên ngoài. Việc

---

<sup>1</sup> Ủy ban Quyền trẻ em: Bình luận chung số 7: *Thực hiện quyền trẻ em trong thời kỳ thơ ấu*, 2005.

bảo vệ sự sống còn của trẻ, do vậy, luôn phải được ưu tiên hàng đầu. Để đảm bảo các quyền này, Nhà nước và các thể chế khác phải tạo điều kiện cho mọi trẻ em được hưởng thụ quyền được sống và phát triển ở mức cao nhất (Điều 6), được đáp ứng các nhu cầu thiết yếu về chế độ dinh dưỡng, chăm sóc sức khỏe (Điều 24 và Điều 25), được có điều kiện sống thích đáng (Điều 27)<sup>1</sup>. Đối với những trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, quyền sống bị đe dọa nhiều hơn như trẻ tật tật, mồ côi, trẻ em trong xung đột vũ trang thì càng phải được quan tâm hơn.

*\* Nguyên tắc không bị phân biệt đối xử*

Nguyên tắc này hàm ý rằng tất cả trẻ em trên thế giới đều được hưởng các quyền quy định trong CRC, bất kể dân tộc, chủng tộc, giới tính, tôn giáo, dòng dõi gia đình, tài sản. Quyền không bị phân biệt đối xử vì bất kỳ lý do gì như phân biệt đối xử liên quan đến nguồn gốc dân tộc, chủng tộc, địa vị, hoàn cảnh và lối sống, quan điểm chính trị hay tôn giáo của trẻ hay bố mẹ trẻ. Theo Ủy ban CRC, việc phân biệt đối xử có thể diễn ra dưới hình thức cắt giảm chế độ dinh dưỡng, thiếu sự chăm sóc và quan tâm, hạn chế cơ hội vui chơi, học tập và được giáo dục, hay chăm sóc sức khỏe, hay hạn chế sự tự do thể hiện tình cảm hay quan điểm của trẻ, hoặc hạn chế sự kết giao của trẻ. Ủy ban CRC cũng định nghĩa việc phân biệt đối xử cũng có nghĩa là cần bảo vệ các nhóm trẻ nhỏ đặc thù như trẻ em khuyết tật, trẻ em gái, trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS, trẻ em di cư v.v..<sup>2</sup>

*\* Nguyên tắc lợi ích tốt nhất dành cho trẻ em*

Nguyên tắc này đòi hỏi trong mọi hoạt động có liên quan đến trẻ em. Nhà nước, các bậc cha mẹ và các chủ thể khác phải lấy lợi ích của

---

<sup>1</sup> Vũ Ngọc Bình: *Những điều cần biết về quyền trẻ em*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.1997, tr.27.

<sup>2</sup> Ủy ban Quyền trẻ em: *Bình luận chung số 7: Thực hiện quyền trẻ em trong thời kỳ thơ ấu*, 2005.

trẻ em là mục tiêu hàng đầu. Nguyên tắc này được áp dụng cho mọi hành động liên quan tới trẻ em và đòi hỏi phải có biện pháp để hỗ trợ và giúp đỡ cha mẹ, người chăm sóc trẻ, những người hàng ngày có nghĩa vụ thực hiện quyền trẻ em. Đây là nguyên tắc áp dụng với trẻ em như là từng cá nhân, trong đó mọi quyết định đưa ra liên quan tới chăm sóc, giáo dục và y tế... cho một đứa trẻ đều phải tính đến lợi ích tốt nhất của trẻ - bao gồm việc được lắng nghe trong tất cả các trường hợp trẻ có khả năng bày tỏ ý kiến và quan điểm. Nguyên tắc này cũng áp dụng với trẻ em như là một nhóm, trong đó các chính sách và pháp luật, các dịch vụ công và các quyết định của xã hội phải tính đến tác động trực tiếp và gián tiếp lên trẻ em căn cứ vào lợi ích tốt nhất của trẻ em.

*\* Nguyên tắc tôn trọng quan điểm và sự tham gia của trẻ em*

Nguyên tắc này khẳng định trẻ em như là chủ thể của quyền và do đó được phép tham gia vào quá trình đưa ra quyết định về những vấn đề liên quan đến cuộc sống của mình. Theo Ủy ban CRC “những quan điểm này cần được coi trọng đúng mức, phù hợp với độ tuổi và sự trưởng thành của trẻ”. Ủy ban CRC khuyến nghị các biện pháp đảm bảo trẻ em có quyền tự do bày tỏ quan điểm và có quyền được tham khảo ý kiến về tất cả mọi vấn đề ảnh hưởng đến các em đều phải được thực hiện từ giai đoạn phát triển đầu tiên, bằng những phương pháp thích hợp với khả năng của trẻ, những lợi ích tốt nhất của trẻ và quyền được bảo vệ trước những tình huống nguy hiểm<sup>1</sup>.

**Câu 76. Trẻ em có những quyền cơ bản gì?**

Các quyền trẻ em được ghi nhận trong CRC và Luật Trẻ em năm 2016.

---

<sup>1</sup> Ủy ban Quyền trẻ em: Bình luận chung số 7: *Thực hiện quyền trẻ em trong thời kỳ thơ ấu*, 2005.

Theo CRC có thể chia làm 4 nhóm: (1) nhóm quyền sống; (2) nhóm quyền được bảo vệ; (3) nhóm quyền được phát triển; (4) nhóm quyền được tham gia.

Theo Luật Trẻ em năm 2016, trẻ em có những quyền sau:

STT	Quyền	Nội dung
1	Quyền sống	Trẻ em có quyền được bảo vệ tính mạng, được bảo đảm tốt nhất các điều kiện sống và phát triển
2	Quyền được khai sinh và có quốc tịch	Trẻ em có quyền được khai sinh, khai tử, có họ, tên, có quốc tịch; được xác định cha, mẹ, dân tộc, giới tính theo quy định của pháp luật
3	Quyền được chăm sóc sức khỏe	Trẻ em có quyền được chăm sóc tốt nhất về sức khỏe, được ưu tiên tiếp cận, sử dụng dịch vụ phòng bệnh và khám bệnh, chữa bệnh
4	Quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng	Trẻ em có quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng để phát triển toàn diện
5	Quyền được giáo dục, học tập và phát triển năng khiếu	- Trẻ em có quyền được giáo dục, học tập để phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng của bản thân - Trẻ em được bình đẳng về cơ hội học tập và giáo dục; được phát triển tài năng, năng khiếu, sáng tạo, phát minh
6	Quyền vui chơi, giải trí	Trẻ em có quyền vui chơi, giải trí; được bình đẳng về cơ hội tham gia các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao, du lịch phù hợp với độ tuổi
7	Quyền giữ gìn, phát huy bản sắc	- Trẻ em có quyền được tôn trọng đặc điểm và giá trị riêng của bản thân phù hợp với độ tuổi và văn hóa dân tộc; được thừa nhận các quan hệ gia đình - Trẻ em có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, giữ gìn bản sắc, phát huy truyền thống văn hóa, phong tục, tập quán tốt đẹp của dân tộc mình
8	Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo	Trẻ em có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào và phải được bảo đảm an toàn, vì lợi ích tốt nhất của trẻ em

STT	Quyền	Nội dung
9	Quyền về tài sản	Trẻ em có quyền sở hữu, thừa kế và các quyền khác đối với tài sản theo quy định của pháp luật
10	Quyền bí mật đời sống riêng tư	- Trẻ em có quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình vì lợi ích tốt nhất của trẻ em - Trẻ em được pháp luật bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín, bí mật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác; được bảo vệ và chống lại sự can thiệp trái pháp luật đối với thông tin riêng tư
11	Quyền được sống chung với cha, mẹ	- Trẻ em có quyền được sống chung với cha, mẹ; được cả cha và mẹ bảo vệ, chăm sóc và giáo dục, trừ trường hợp cách ly cha, mẹ theo quy định của pháp luật hoặc vì lợi ích tốt nhất của trẻ em - Khi phải cách ly cha, mẹ, trẻ em được trợ giúp để duy trì mối liên hệ và tiếp xúc với cha, mẹ, gia đình, trừ trường hợp không vì lợi ích tốt nhất của trẻ em
12	Quyền được đoàn tụ, liên hệ và tiếp xúc với cha, mẹ	Trẻ em có quyền được biết cha đẻ, mẹ đẻ, trừ trường hợp ảnh hưởng đến lợi ích tốt nhất của trẻ em; được duy trì mối liên hệ hoặc tiếp xúc với cả cha và mẹ khi trẻ em, cha, mẹ cư trú ở các quốc gia khác nhau hoặc khi bị giam giữ, trục xuất; được tạo điều kiện thuận lợi cho việc xuất cảnh, nhập cảnh để đoàn tụ với cha, mẹ; được bảo vệ không bị đưa ra nước ngoài trái quy định của pháp luật; được cung cấp thông tin khi cha, mẹ bị mất tích
13	Quyền được chăm sóc thay thế và nhận làm con nuôi	- Trẻ em được chăm sóc thay thế khi không còn cha mẹ; không được hoặc không thể sống cùng cha đẻ, mẹ đẻ; bị ảnh hưởng bởi thiên tai, thảm họa, xung đột vũ trang vì sự an toàn và lợi ích tốt nhất của trẻ em - Trẻ em được nhận làm con nuôi theo quy định của pháp luật về nuôi con nuôi
14	Quyền được bảo vệ để không bị xâm hại tình dục	Trẻ em có quyền được bảo vệ dưới mọi hình thức để không bị xâm hại tình dục

STT	Quyền	Nội dung
15	Quyền được bảo vệ để không bị bóc lột sức lao động.	Trẻ em có quyền được bảo vệ dưới mọi hình thức để không bị bóc lột sức lao động; không phải lao động trước tuổi, quá thời gian hoặc làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo quy định của pháp luật; không bị bố trí công việc hoặc nơi làm việc có ảnh hưởng xấu đến nhân cách và sự phát triển toàn diện của trẻ em
16	Quyền được bảo vệ để không bị bạo lực, bỏ rơi, bỏ mặc	Trẻ em có quyền được bảo vệ dưới mọi hình thức để không bị bạo lực, bỏ rơi, bỏ mặc làm tổn hại đến sự phát triển toàn diện của trẻ em
17	Quyền được bảo vệ để không bị mua bán, bắt cóc, đánh tráo, chiếm đoạt	Trẻ em có quyền được bảo vệ dưới mọi hình thức để không bị mua bán, bắt cóc, đánh tráo, chiếm đoạt
18	Quyền được bảo vệ khỏi chất ma túy	Trẻ em có quyền được bảo vệ khỏi mọi hình thức sử dụng, sản xuất, vận chuyển, mua, bán, tàng trữ trái phép chất ma túy
19	Quyền được bảo vệ trong tố tụng và xử lý vi phạm hành chính	Trẻ em có quyền được bảo vệ trong quá trình tố tụng và xử lý vi phạm hành chính; bảo đảm quyền được bào chữa và tự bào chữa, được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp; được trợ giúp pháp lý, được trình bày ý kiến, không bị tước quyền tự do trái pháp luật; không bị tra tấn, truy bức, nhục hình, xúc phạm danh dự, nhân phẩm, xâm phạm thân thể, gây áp lực về tâm lý và các hình thức xâm hại khác
20	Quyền được bảo vệ khi gặp thiên tai, thảm họa, ô nhiễm môi trường, xung đột vũ trang	Trẻ em có quyền được ưu tiên bảo vệ, trợ giúp dưới mọi hình thức để thoát khỏi tác động của thiên tai, thảm họa, ô nhiễm môi trường, xung đột vũ trang
21	Quyền được bảo đảm an sinh xã hội	Trẻ em là công dân Việt Nam được bảo đảm an sinh xã hội theo quy định của pháp luật phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội nơi trẻ em sinh sống và điều kiện của cha, mẹ hoặc người chăm sóc trẻ em

STT	Quyền	Nội dung
22	Quyền được tiếp cận thông tin và tham gia hoạt động xã hội	Trẻ em có quyền được tiếp cận thông tin đầy đủ, kịp thời, phù hợp; có quyền tìm kiếm, thu nhận các thông tin dưới mọi hình thức theo quy định của pháp luật và được tham gia hoạt động xã hội phù hợp với độ tuổi, mức độ trưởng thành, nhu cầu, năng lực của trẻ em
23	Quyền được bày tỏ ý kiến và hội họp	Trẻ em có quyền được bày tỏ ý kiến, nguyện vọng về các vấn đề liên quan đến trẻ em; được tự do hội họp theo quy định của pháp luật phù hợp với độ tuổi, mức độ trưởng thành và sự phát triển của trẻ em; được cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục, gia đình, cá nhân lắng nghe, tiếp thu, phản hồi ý kiến, nguyện vọng chính đáng
24	Quyền của trẻ em khuyết tật	Trẻ em khuyết tật được hưởng đầy đủ các quyền của trẻ em và quyền của người khuyết tật theo quy định của pháp luật; được hỗ trợ, chăm sóc, giáo dục đặc biệt để phục hồi chức năng, phát triển khả năng tự lực và hòa nhập xã hội
25	Quyền của trẻ em không quốc tịch, trẻ em lánh nạn, tị nạn	Trẻ em không quốc tịch cư trú tại Việt Nam, trẻ em lánh nạn, tị nạn được bảo vệ và hỗ trợ nhân đạo, được tìm kiếm cha, mẹ, gia đình theo quy định của pháp luật Việt Nam và Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên

**Câu 77. Quyền sống là gì? Nhà trường có nghĩa vụ gì trong việc thực hiện quyền sống của trẻ em?**

Quyền sống (the right to life) là một quyền tự nhiên, cơ bản của con người được ghi nhận trong các văn kiện cốt lõi của luật quyền con người quốc tế. Ngay từ khi sinh ra, cá nhân đã được coi là một sinh vật sống phải được bảo vệ. Đối với trẻ em, quyền sống là cơ hội được sống, phát triển và trở thành người lớn. Quyền này bao gồm hai khía cạnh thiết yếu: quyền được bảo vệ tính mạng của một người ngay từ khi sinh ra và quyền được tồn tại và phát triển một cách thích hợp.

Điều 3 của UDHR năm 1948 nêu rằng: “Mọi người đều có quyền sống, quyền tự do và an toàn cá nhân”.

Khoản 1, Điều 6 của ICCPR cụ thể hóa Điều 3 UDHR, trong đó nêu rằng: “Mọi người đều có quyền vốn có là được sống. Quyền này phải được pháp luật bảo vệ. Không ai có thể bị tước mạng sống một cách tùy tiện”.

Trong pháp luật Việt Nam, quyền sống lần đầu tiên được quy định trực tiếp trong Điều 19 Hiến pháp năm 2013 và được gắn với sự bảo hộ pháp lý về tính mạng: “Mọi người có quyền sống. Tính mạng con người được pháp luật bảo hộ. Không ai bị tước đoạt tính mạng trái luật”. Ngoài quy định nêu trên của Hiến pháp năm 2013, quyền sống hiện còn được ghi nhận trong một số điều khoản khác của Hiến pháp năm 2013 và trong một số đạo luật chuyên ngành, ví dụ như Bộ luật Hình sự, Bộ luật Dân sự, Luật Trẻ em... Điều 12 Luật Trẻ em năm 2016 quy định: “Trẻ em có quyền được bảo vệ tính mạng, được bảo đảm tốt nhất các điều kiện sống và phát triển”.

Quyền sống của trẻ em cũng tiến hành thông qua việc đảm bảo rằng trẻ em có khả năng lớn lên và phát triển trong những điều kiện thuận lợi.

Nhà trường với tư cách là một chủ thể chịu trách nhiệm quyền có vai trò rất quan trọng trong việc thực hiện quyền sống cho trẻ em. Nhà trường cần tạo điều kiện để trẻ em được phát triển trong môi trường học tập thuận lợi, có chất lượng. Cụ thể, nhà trường có nghĩa vụ:

- Tổ chức phổ biến, giáo dục kiến thức về quyền và bổn phận của trẻ em cho học sinh, giáo dục kỹ năng sống cho học sinh.

- Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường.

- Xây dựng chế độ dinh dưỡng hợp lý, bảo đảm an toàn thực phẩm

trong các bữa ăn; chế độ theo dõi, chăm sóc sức khỏe cho học sinh.

- Thông tin, thông báo, tố giác hành vi xâm hại học sinh, trường hợp học sinh bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi đến cơ quan có thẩm quyền.

### **Câu 78. Quyền được giáo dục của trẻ em là gì?**

Quyền được giáo dục là một quyền con người quan trọng, là loại quyền trong lĩnh vực văn hóa và có liên quan đến tất cả các quyền kinh tế, xã hội. Xét theo khía cạnh nào đó, đây cũng là quyền dân sự, chính trị bởi quyền được giáo dục được xem là trung tâm để thực thi một cách có hiệu quả tất cả những quyền trên. Có thể hiểu, quyền được giáo dục là quyền được bình đẳng tiếp cận một nền giáo dục cơ bản, có chất lượng để trở thành công dân có đức, có tài, nắm chắc khoa học kỹ thuật và công nghệ mới phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Quyền được giáo dục (học tập) được ghi nhận từ rất sớm trong các công ước quốc tế về quyền con người. Đầu tiên được đề cập trong khoản 1, Điều 26 của UDHR năm 1984, trong đó nêu rõ: “Mọi người đều có quyền được học tập. Giáo dục phải được miễn phí, ít nhất là ở các bậc tiểu học và trung học cơ sở. Giáo dục tiểu học phải là bắt buộc”. Tiếp đó, Điều 11 của ICESCR năm 1966 quy định: “Các quốc gia hội viên ký kết Công ước này thừa nhận cho mọi người quyền được hưởng giáo dục. Giáo dục phải nhằm phát huy đầy đủ nhân cách và nhân phẩm, tăng cường sự tôn trọng quyền con người và những quyền tự do căn bản...”. Cụ thể hóa quyền giáo dục của trẻ em, Điều 28 và Điều 29 của CRC quy định: “Các quốc gia thành viên thừa nhận quyền của trẻ em được học hành và để từng bước thực hiện quyền này trên cơ sở bình đẳng về cơ hội, phải: a. Thực hiện chính sách giáo dục tiểu học bắt buộc, sẵn có và miễn phí cho tất cả mọi người...”.

Việt Nam là một thành viên tích cực tham gia và thực hiện CRC với phương châm “coi giáo dục, đào tạo là quốc sách hàng đầu”, từ đó Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách, văn bản pháp luật trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến quyền được giáo dục của trẻ em. Những nguyên tắc hiến định về quyền được giáo dục, học tập của trẻ em được ghi nhận trong các bản Hiến pháp từ trước đến nay (năm 1946, 1959, 1980, 1992, 2013). Hiện nay, các quy định điều chỉnh quyền được giáo dục của trẻ em được quy định cụ thể tại Hiến pháp năm 2013, Luật Trẻ em năm 2016, Luật Giáo dục năm 2019.

Theo Điều 39 Hiến pháp năm 2013: “Công dân có quyền và nghĩa vụ học tập”. Công dân có quyền học văn hóa và học nghề bằng nhiều hình thức khác nhau: học tập trung, học không tập trung, học chính quy, học không chính quy tại chức, chuyên tu, bổ túc, học ban ngày hoặc học buổi tối. Nhà nước có các chủ trương, biện pháp thích hợp để thực hiện nguyên tắc ai cũng được học hành. Vì vậy, ở Việt Nam, mọi công dân đều có quyền học tập từ thấp đến cao, từ bậc tiểu học đến trung học, đại học và sau đại học, có thể học bất kỳ ngành nghề nào, bằng nhiều hình thức và có thể học suốt đời...

Theo Điều 13 Luật Giáo dục năm 2019: “Học tập là quyền và nghĩa vụ của công dân. Mọi công dân không phân biệt dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, giới tính, đặc điểm cá nhân, nguồn gốc gia đình, địa vị xã hội, hoàn cảnh kinh tế đều bình đẳng về cơ hội học tập”.

Quyền được giáo dục cũng được ghi nhận tại Điều 16 Luật Trẻ em năm 2016: “1. Trẻ em có quyền được giáo dục, học tập để phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng của bản thân. 2. Trẻ em được bình đẳng về cơ hội học tập và giáo dục; được phát triển tài năng, năng khiếu, sáng tạo, phát minh”.

Ngoài ra, quyền được giáo dục, học tập của trẻ em cũng được ghi

nhận trong nhiều văn bản pháp luật, chương trình hành động của Đảng và Chính phủ Việt Nam.

Trường học là thiết chế chịu trách nhiệm trực tiếp thực hiện quyền giáo dục cho trẻ em. Mục tiêu của giáo dục chính là để tất cả mọi trẻ em đều được đến trường. Đây là nơi trẻ em có cơ hội được học tập kiến thức, kỹ năng nhằm giúp cho trẻ em được phát triển toàn diện cả về đạo đức, trí tuệ, thể chất, xã hội và thẩm mỹ.

Để thực hiện hiệu quả quyền giáo dục, với tư cách là một chủ thể chịu trách nhiệm quyền, nhà trường cần xây dựng mục tiêu, giá trị giáo dục và tạo lập một môi trường học tập phù hợp. Điều 89 Luật Giáo dục năm 2019 quy định trách nhiệm cụ thể của nhà trường trong hệ thống giáo dục quốc gia là: “có trách nhiệm thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục, quy tắc ứng xử; chủ động phối hợp với gia đình và xã hội để tổ chức hoặc tham gia các hoạt động giáo dục theo kế hoạch của nhà trường, bảo đảm an toàn cho người dạy và người học; thông báo về kết quả học tập, rèn luyện của học sinh cho cha mẹ hoặc người giám hộ”.

**Câu 79. Quyền được bảo vệ nhân phẩm, danh dự của trẻ em là gì? Nhà trường cần làm gì để bảo vệ quyền được bảo vệ nhân phẩm, danh dự của học sinh?**

Quyền được bảo vệ nhân phẩm, danh dự là quyền cơ bản của con người nói chung và trẻ em nói riêng. Danh dự là sự đánh giá của xã hội đối với một cá nhân về các mặt đạo đức, phẩm chất chính trị và năng lực của người đó. Nhân phẩm là phẩm giá con người, là giá trị tinh thần của một cá nhân với tính cách là một con người. Danh dự và nhân phẩm của con người là bất khả xâm phạm và được pháp luật tôn trọng bảo vệ, do đó mọi hành vi gây tổn hại đến danh dự, nhân phẩm con người đều bị xử lý theo luật.

Điều 1 của UDHR tuyên bố: “Tất cả mọi người sinh ra đều được tự do và bình đẳng về nhân phẩm và quyền. Mọi con người đều được tạo hóa ban cho lý trí và lương tâm và cần phải đối xử với nhau trong tình bằng hữu”. Tiếp đó, Điều 5 UDHR khẳng định: “Không ai bị tra tấn hay bị đối xử, xử phạt một cách tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ thấp nhân phẩm”. Tinh thần này tiếp tục được khẳng định tại Điều 7 và Điều 17 của ICCPR, theo đó, không ai bị xâm phạm bất hợp pháp đến danh dự và uy tín.

Điều 16 của CRC quy định: “Không trẻ em nào phải chịu sự can thiệp tùy tiện hay bất hợp pháp vào việc riêng tư, gia đình, nhà cửa hoặc thư tín cũng như những sự công kích bất hợp pháp vào danh dự và thanh danh của các em”.

Trong pháp luật Việt Nam, Điều 20 Hiến pháp năm 2013 quy định: “Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm; không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm”.

Điều 34 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “Danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ”.

Khoản 2, Điều 21 Luật Trẻ em năm 2016 quy định: “Trẻ em được pháp luật bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín, bí mật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác; được bảo vệ và chống lại sự can thiệp trái pháp luật đối với thông tin riêng tư”.

Bảo vệ trẻ em khỏi các hành vi xâm phạm danh dự, nhân phẩm là trách nhiệm chung của cả cộng đồng, của các cơ quan nhà nước, nhà trường và gia đình. Trong đó, nhà trường cần làm những việc sau để bảo vệ quyền được bảo vệ danh dự, nhân phẩm của học sinh:

- rà soát các quy định và thực hành kỷ luật của nhà trường để đảm

bảo các hình thức kỷ luật đó không gây nên sự xâm phạm về danh dự và nhân phẩm cho học sinh.

- Tích hợp nội dung quyền được bảo vệ danh dự, nhân phẩm vào hoạt động giảng dạy và sinh hoạt tập thể của nhà trường.

- Giáo dục cho học sinh về các dấu hiệu, nguy cơ và hậu quả của hành vi xâm phạm danh dự, nhân phẩm.

- Khuyến khích học sinh chia sẻ và lên án các hành vi xâm phạm danh dự, nhân phẩm.

- Can thiệp, ngăn chặn, xử lý các hành vi xâm phạm danh dự, nhân phẩm của học sinh.

- Động viên tinh thần, chia sẻ với học sinh sau khi tâm lý bị ảnh hưởng, danh dự, nhân phẩm bị xúc phạm.

### **Câu 80. Quyền tự do bày tỏ ý kiến là gì? Nhà trường cần làm gì để giúp học sinh thực hiện tự do bày tỏ ý kiến?**

Tự do bày tỏ ý kiến là một quyền vừa là một nguyên tắc nhằm bảo đảm để trẻ em thực sự là chủ thể của quyền. Để thực hiện quyền này, trẻ em cần được tham gia hoạt động phù hợp với nhu cầu và năng lực của mình, được tiếp cận thông tin phù hợp, được lắng nghe ý kiến và nguyện vọng của mình. Cụ thể, quyền này cho phép trẻ được chủ động, tích cực thể hiện diễn đạt, bày tỏ quan điểm và ý kiến cá nhân (nhưng không trái luật); được trực tiếp hoặc thông qua người đại diện, tổ chức, cơ quan có trách nhiệm nuôi dưỡng và chăm sóc phát biểu về các vấn đề có liên quan đến cuộc sống của chính mình.

Quyền tự do bày tỏ ý kiến là một trong những quyền cơ bản nhất của con người, được ghi nhận trong pháp luật quốc tế. Điều 19 của UDHR nêu rõ: “Mọi người đều có quyền tự do ngôn luận và biểu đạt; bao gồm tự do giữ ý kiến mà không bị can thiệp, cũng như tự do tìm kiếm, nhu nhận và truyền bá thông tin và tư tưởng bằng bất cứ phương

tiện truyền thông nào và không có giới hạn về biên giới”. Trong ICCPR, quyền tự do ngôn luận được chi tiết hóa thêm một bước, theo đó “mọi người có quyền tự do ngôn luận; quyền này bao gồm tự do tìm kiếm, tiếp nhận và truyền đạt mọi thông tin, ý kiến, không phân biệt lĩnh vực, hình thức tuyên truyền bằng miệng, bằng bản viết, in, hoặc dưới hình thức nghệ thuật, hay thông qua bất kỳ phương tiện thông tin đại chúng nào tùy theo sự lựa chọn của họ”.

Điều 13 của CRC quy định: “Trẻ em có quyền tự do bày tỏ ý kiến; quyền này bao gồm quyền tự do tìm kiếm, tiếp nhận và phổ biến tất cả các loại thông tin và tư tưởng ở mọi lĩnh vực, bằng lời nói, văn bản viết tay hoặc bản in, hay dưới hình thức nghệ thuật hoặc bất kỳ phương tiện truyền thông nào khác mà trẻ em lựa chọn”. Tuy nhiên, CRC cũng lưu ý, quyền tự do bày tỏ ý kiến không phải là quyền tuyệt đối mà có thể có những giới hạn nhất định, theo quy định của luật.

Quyền tự do ngôn luận, tự do bày tỏ ý kiến là một quyền hiến định được quy định trong các bản Hiến pháp Việt Nam từ trước tới nay. Điều 25 Hiến pháp năm 2013 ghi nhận: “Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, hội họp, lập hội, biểu tình. Việc thực hiện các quyền này do pháp luật quy định”.

Điều 34 Luật Trẻ em năm 2016 tiếp tục khẳng định quyền này: “Trẻ em có quyền được bày tỏ ý kiến, nguyện vọng về các vấn đề liên quan đến trẻ em; được tự do hội họp theo quy định của pháp luật phù hợp với độ tuổi, mức độ trưởng thành và sự phát triển của trẻ em; được cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục, gia đình, cá nhân lắng nghe, tiếp thu, phản hồi ý kiến, nguyện vọng chính đáng”.

Nhà trường đóng vai trò quan trọng trong việc bảo đảm quyền tự do bày tỏ ý kiến của học sinh. Để giúp học sinh thực hiện tự do bày tỏ ý kiến, nhà trường cần:

- Tăng cường giáo dục quyền của trẻ em, trong đó quyền tự do bày tỏ ý kiến cho học sinh trong nhà trường.

- Khuyến khích, tạo động lực, xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh và thân thiện cho các em tự tin, cởi mở, mạnh dạn bày tỏ ý kiến, nguyện vọng... Xây dựng mô hình làm việc nhóm, làm việc tập thể, tạo điều kiện để học sinh và giáo viên cởi mở trong suy nghĩ, cảm xúc cũng như trong hành động.

- Giáo viên cần tạo bầu không khí tôn trọng và khuyến khích sự khác biệt; cần lắng nghe, ghi nhận các ý kiến đóng góp của học sinh.

- Đổi mới phương pháp giảng dạy, theo hướng tăng cường tương tác giữa giáo viên và học sinh.

### **Câu 81. Quyền riêng tư của trẻ em là gì? Nhà trường cần làm gì để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh?**

Quyền riêng tư là một trong những quyền cơ bản, liên quan mật thiết đến sự tự tôn và phẩm giá con người. Điều 12 của UDHR chỉ rõ: “Không ai phải chịu sự can thiệp một cách tùy tiện vào cuộc sống riêng tư, gia đình, nơi ở hoặc thư tín, cũng như bị xúc phạm danh dự hoặc uy tín cá nhân. Mọi người đều có quyền được pháp luật bảo vệ chống lại sự can thiệp và xâm phạm như vậy” và được tái khẳng định trong Điều 17 của ICCPR. Từ quy định cụ thể trong các điều ước quốc tế có thể hiểu quyền riêng tư là quyền của một người không bị can thiệp một cách tùy tiện vào cuộc sống riêng tư, gia đình, nơi ở thư tín, danh dự, uy tín cá nhân.

Quyền riêng tư của trẻ em được khẳng định tại Điều 16 của CRC: “Không trẻ em nào chịu sự can thiệp tùy tiện hay bất hợp pháp vào việc riêng tư, gia đình, nhà cửa hoặc thư tín cũng như sự công kích bất hợp pháp vào danh dự và thanh danh của các em. Trẻ em có quyền được pháp luật bảo vệ chống lại sự can thiệp hay công kích như vậy”.

Ở Việt Nam, hệ thống văn bản pháp luật về các khía cạnh của quyền riêng tư trong tất cả mọi lĩnh vực của đời sống xã hội từ hình sự, dân sự, kinh tế, giáo dục, y tế, thông tin... đang ngày càng được hoàn thiện. Bên cạnh Hiến pháp, quyền riêng tư được quy định trong nhiều bộ luật cụ thể như Bộ luật Dân sự; Bộ luật Hình sự; Bộ luật Lao động; Luật Hiến, lấy, ghép mô, bộ phận cơ thể người và hiến, lấy xác; Luật Trẻ em; Luật về người Khuyết tật; Luật Bình đẳng giới; Luật Giáo dục, Luật Khám chữa bệnh; Luật Phòng, chống HIV/AIDS; Luật Giao dịch điện tử; Luật Công nghệ thông tin; Luật Viễn thông, Luật An toàn thông tin mạng...

Điều 21 Luật Trẻ em năm 2016 đã có quy định cụ thể về quyền này: “Trẻ em có quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình vì lợi ích tốt nhất của trẻ em. Trẻ em được pháp luật bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín, bí mật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác; được bảo vệ và chống lại sự can thiệp trái pháp luật đối với thông tin riêng tư”.

Nội dung cụ thể của quyền riêng tư được làm rõ tại Điều 33 của Nghị định số 56/2017/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Trẻ em, ghi nhận: “Thông tin bí mật đời sống riêng tư, bí mật cá nhân của trẻ em là các thông tin về: tên, tuổi; đặc điểm nhận dạng cá nhân; thông tin về tình trạng sức khỏe và đời tư được ghi trong bệnh án; hình ảnh cá nhân; thông tin về các thành viên trong gia đình, người chăm sóc trẻ em; tài sản cá nhân; số điện thoại; địa chỉ thư tín cá nhân; địa chỉ, thông tin về nơi ở, quê quán; địa chỉ, thông tin về trường, lớp, kết quả học tập và các mối quan hệ bạn bè của trẻ em; thông tin về dịch vụ cung cấp cho cá nhân trẻ em”.

Bảo vệ quyền riêng tư của trẻ em là trách nhiệm của nhiều chủ thể, trong đó đóng vai trò trung tâm, chủ đạo là Nhà nước. Theo đó, bảo vệ quyền riêng tư của trẻ em là việc Nhà nước chủ động ngăn chặn sự vi

phạm đến quyền này từ phía các bên thứ ba, thể hiện ở việc Nhà nước chủ động xây dựng các biện pháp và thực hiện cơ chế phòng ngừa, xử lý những hành vi vi phạm quyền riêng tư của trẻ em.

Về bảo vệ quyền riêng tư của trẻ em, khoản 2, Điều 54 Luật Trẻ em năm 2016 xác định: “Cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý, cung cấp sản phẩm, dịch vụ thông tin, truyền thông và tổ chức các hoạt động trên môi trường mạng phải thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn và bí mật đời sống riêng tư cho trẻ em theo quy định của pháp luật”. Đồng thời, hành vi công bố, tiết lộ thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân của trẻ em mà không được sự đồng ý của trẻ em từ đủ 7 tuổi trở lên và của cha, mẹ, người giám hộ của trẻ em là hành vi bị nghiêm cấm (Điều 6).

Cùng với sự phát triển của công nghệ, việc bảo vệ quyền riêng tư đặt ra những nội dung và thách thức mới liên quan đến không gian mạng. Luật An ninh mạng năm 2018 quy định: “Trẻ em có quyền được bảo vệ, quyền được tiếp cận thông tin và tham gia hoạt động xã hội, quyền vui chơi, giải trí, quyền bí mật đời sống riêng tư và các quyền trẻ em khác khi tham gia trên môi trường mạng”.

Trong môi trường học đường, nhà trường, giáo viên, người chăm sóc trẻ em và cá nhân khác liên quan đều trách nhiệm bảo đảm quyền riêng tư của trẻ em. Trường học là nơi lưu giữ nhiều thông tin riêng tư của học sinh gồm: ảnh, video, thông tin sức khỏe, kết quả học tập, thông tin về cha mẹ, địa chỉ nhà riêng v.v.. Đáng lưu ý hiện nay các trường học đều sử dụng Internet trong hoạt động dạy học nên có nhiều nguy cơ xảy ra xâm hại quyền riêng tư, đặc biệt là dữ liệu cá nhân của học sinh trên môi trường mạng.

Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh ở trường học theo quy định của pháp luật, nhà trường cần:

- Nắm rõ giới hạn các thông tin cá nhân có thể công khai của học sinh ở trường học.

- Nhà trường chỉ nên và được phép thu thập thông tin về đời tư của học sinh khi những thông tin đó là thực sự cần thiết.

- Luôn bảo đảm có sự đồng thuận của học sinh và phụ huynh khi thu thập, công khai thông tin của các em, đặc biệt là đối với thông tin nhạy cảm cao như thông tin về khuyết tật, sức khỏe và kỷ luật của học sinh.

- Hiện nay các trường học đều sử dụng Internet trong hoạt động dạy học. Với sự phát triển của nhiều ứng dụng công nghệ trong quản lý học tập và dạy học nhà trường cần luôn bảo đảm tính minh bạch phụ huynh, học sinh khi cung cấp thông tin cá nhân của học sinh cho các cá nhân, công ty, tổ chức ngoài trường học đặc biệt là với bên thứ ba cung cấp giải pháp về công nghệ dạy học. Nhà trường cần có điều khoản về bảo vệ quyền riêng tư và dữ liệu cá nhân khi ký hợp đồng với các bên thứ ba cung cấp các dịch vụ có sử dụng thông tin của học sinh, phụ huynh.

- Cần bảo đảm tính bảo mật cho các dữ liệu dữ liệu của học sinh, phụ huynh để không bị tiết lộ ra ngoài sử dụng cho các mục đích thương mại, quảng cáo.

**Câu 82. Quyền được tham gia của trẻ em là gì? Nhà trường, cơ sở giáo dục có trách nhiệm gì trong việc bảo đảm sự tham gia các hoạt động chung của học sinh?**

Đảm bảo quyền tham gia của trẻ em trong mọi hoạt động của đời sống chính trị, xã hội, kinh tế, giáo dục và văn hóa là một bước tiến quan trọng của quá trình ghi nhận quyền trẻ em. Khác với các nhóm quyền khác, quyền tham gia là nhóm quyền mới được ghi nhận và phát triển gần đây. Đó là kết quả của nỗ lực nhằm thay đổi cách tiếp cận

truyền thống coi trẻ em là đối tượng thụ động sang việc khẳng định trẻ em là những chủ thể tích cực, chủ động trong việc hưởng thụ quyền.

Quyền tham gia của trẻ bao gồm các hình thức khác nhau như được tìm kiếm, tiếp cận thông tin, được thể hiện mong muốn, hình thành và trình bày quan điểm của mình, được bàn bạc, tham khảo ý kiến trong quá trình ra quyết định trong mọi vấn đề có liên quan đến bản thân trẻ, được tổ chức, thành lập và tham gia vào các hội. Theo đó, quyền tham gia của trẻ em không phải là một quyền mà là một nhóm quyền bao gồm các quyền cụ thể như: quyền được bày tỏ ý kiến, quyền thông tin, quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo, quyền tự do lập hội, hội họp một cách hòa bình, quyền được tham gia vào các hoạt động của đời sống văn hóa v.v..

Sự tham gia của trẻ được ghi nhận trong CRC ở 2 khía cạnh: (1) do sự tham gia của trẻ em là một vấn đề mang tính xuyên suốt có liên quan đến rất nhiều quyền và lĩnh vực khác nhau của quyền trẻ em nên Ủy ban CRC đã coi sự tham gia và bày tỏ ý kiến của trẻ là một trong bốn nguyên tắc nền tảng xuyên suốt toàn bộ Công ước; (2) quyền tham gia là một trong 4 nhóm quyền được ghi nhận trong CRC (3 nhóm quyền còn lại là: quyền sống, quyền được phát triển, quyền được bảo vệ). Các quyền được coi là nằm trong nhóm quyền tham gia này bao gồm: quyền được tôn trọng ý kiến của trẻ (Điều 12); quyền tìm kiếm thông tin và tự do bày tỏ ý kiến (Điều 13); quyền được tự do kết giao và hội họp (Điều 15); quyền tự do tín ngưỡng và tôn giáo (Điều 14); quyền tự do lập hội và hội họp hòa bình (Điều 16)<sup>1</sup>.

Hiến pháp năm 2013 của Việt Nam khẳng định: Trẻ em được Nhà nước, gia đình, xã hội bảo vệ, chăm sóc, giáo dục và được tham gia vào

---

<sup>1</sup> Xem UNICEF: *Factsheet: The right to participation*, <http://www.unicef.org/crc/files/Right-to-Participation.pdf>

các vấn đề của trẻ em. Nghiêm cấm xâm hại, hành hạ, ngược đãi, bỏ mặc, lạm dụng, bóc lột sức lao động và những hành vi khác vi phạm quyền trẻ em.

Luật Trẻ em năm 2016 dành toàn bộ Chương V (từ Điều 74 đến Điều 78) để đưa ra các quy định về việc đảm bảo quyền tham gia của trẻ em trong mọi lĩnh vực bao gồm cả hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, trong gia đình, ở trường học... Theo quy định tại khoản 1, Điều 74 Luật Trẻ em, các vấn đề sau đây về trẻ em hoặc liên quan đến trẻ em phải có sự tham gia của trẻ hoặc tổ chức đại diện tiếng nói, nguyện vọng của trẻ em tùy theo độ tuổi của trẻ em: (1) xây dựng và triển khai chương trình, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; (2) xây dựng và thực hiện quyết định, chương trình, hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; (3) quyết định, hoạt động của nhà trường, cơ sở giáo dục, cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em. Áp dụng biện pháp, cách thức chăm sóc, Chính phủ Việt Nam cũng đã thông qua nhiều chương trình thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em.

Nhà trường đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em. Nhà trường cần có trách nhiệm tạo điều kiện cho học sinh được phát triển, tăng mức độ tự tin, lòng tự trọng, có động cơ và hứng thú thực hiện công việc của mình để các em phát triển toàn diện, đủ năng lực trở thành thế hệ chủ nhân tương lai của đất nước. Cụ thể, mọi hoạt động của nhà trường cần tạo điều kiện để tiếng nói của học sinh được lắng nghe, từ đó tránh đối xử bất công, hiểu và tôn trọng học sinh, xây dựng lòng tin cho các em, tạo cơ chế để các em có cơ hội ra các quyết định liên quan đến mình, được phát triển tích cực, toàn diện hơn và tăng khả năng hợp tác của học sinh.

Việc được tham gia và bày tỏ quan điểm còn mang lại lợi ích cho chính nhà trường, vì nó góp phần làm thay đổi mối quan hệ quyền lực

giữa giáo viên và học sinh, tránh được các nguy cơ lạm dụng quyền lực để xâm hại quyền trẻ em. Thông qua sự tham gia của học sinh mà nhà trường hiểu được những mong muốn và nhu cầu của học sinh. Ngược lại, các em cũng kính trọng và cũng sẽ đối xử với thầy cô giáo với thái độ tôn trọng. Nhờ đó, nhà trường sẽ triển khai các hoạt động dạy học phù hợp và đáp ứng được nhu cầu của học sinh.

Trong môi trường giáo dục, khi quyền tham gia được đảm bảo, trẻ em sẽ có cơ hội được hưởng những lợi ích cụ thể như: trẻ hiểu và thể hiện được hoàn cảnh, nhu cầu của mình; trẻ được tiếp cận thông tin, từ đó nhận thức được quyền và biết cách đòi hỏi quyền của mình. Sự tham gia cũng giúp trẻ phát triển được các kỹ năng học tập như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tranh luận, kỹ năng thương lượng, kỹ năng ra quyết định, kỹ năng tổ chức các hoạt động..., từ đó làm tăng tính tự tin, lòng tự trọng và sự độc lập của trẻ, tăng khả năng bảo vệ mình, có trách nhiệm hơn với sự phát triển của cộng đồng; sự tham gia cũng giúp trẻ biết cân bằng giữa nhu cầu của bản thân với nhu cầu của người khác, cùng thúc đẩy tình đoàn kết và hỗ trợ lẫn nhau giữa trẻ với bạn bè; thay đổi thái độ và nâng cao nhận thức của trẻ sẽ giúp trẻ học được cách giao tiếp có hiệu quả hơn với những trẻ em khác, nhờ đó có thể trở thành công dân tốt và có trách nhiệm trong tương lai.

Nhà trường thực hiện nghĩa vụ bảo đảm quyền tham gia học sinh bằng việc bảo đảm có sự tham vấn, lấy ý kiến của học sinh đối với những vấn đề liên quan đến các em; tạo điều kiện để các em được bày tỏ ý kiến, nguyện vọng trực tiếp hoặc qua kênh truyền thông đại chúng, truyền thông xã hội và các hình thức thông tin khác<sup>1</sup>. Các hoạt động cụ thể để thúc đẩy sự tham gia của học sinh gồm: tổ chức các diễn đàn, cuộc thi, sự kiện để nói lên tiếng nói, nguyện vọng của các em; hoạt động

---

<sup>1</sup> Khoản 2, Điều 74 Luật Trẻ em năm 2016.

của Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, hoạt động của câu lạc bộ, đội, nhóm của học sinh.

**Câu 83. Quyền được chăm sóc sức khỏe của trẻ em là gì? Nhà trường có nghĩa vụ gì trong việc bảo đảm quyền được chăm sóc sức khỏe của học sinh?**

Quyền được chăm sóc sức khỏe là quyền được hưởng một mức sống phù hợp với sức khỏe của người đó và gia đình người đó, bao gồm thực phẩm, quần áo, nhà cửa, chăm sóc y tế và các dịch vụ xã hội cần thiết khác (Điều 25 UDHR).

Quyền được chăm sóc sức khỏe là quyền có phạm vi rộng. Quyền này không chỉ là quyền được tiếp cận thuốc men hay dịch vụ chăm sóc y tế mà còn bao gồm một loạt các yếu tố có thể giúp mỗi người có một cuộc sống lành mạnh. Những yếu tố này bao gồm: nước uống an toàn và vệ sinh đầy đủ; thực phẩm an toàn; dinh dưỡng và nhà ở đầy đủ; điều kiện làm việc và môi trường lành mạnh; giáo dục và thông tin liên quan đến sức khỏe; bình đẳng giới<sup>1</sup>.

Quyền được chăm sóc sức khỏe được quy định tại Điều 12 của ICESCR và Điều 24 của CRC: “Các quốc gia thành viên thừa nhận quyền của trẻ em được hưởng mức độ cao nhất có thể đạt được về sức khỏe và các phương tiện chữa bệnh và phục hồi sức khỏe” và “đảm bảo không có trẻ em nào bị tước đoạt quyền được hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe”.

Quyền được chăm sóc sức khỏe trẻ em được thể chế hóa trong Hiến pháp 2013. Điều 37 Hiến pháp 2013 quy định: “Trẻ em được Nhà nước, gia đình và xã hội bảo vệ, chăm sóc và giáo dục; được tham gia vào các

---

<sup>1</sup> Xem Office of the United Nations High Commissioner for Human Rights: *The Right to Health*, Fact Sheet No.31, 2008, <https://www.ohchr.org/docume-nts/publications/factsheet31.pdf>

vấn đề về trẻ em. Nghiêm cấm xâm hại, hành hạ, ngược đãi, bỏ mặc, lạm dụng, bóc lột sức lao động và những hành vi khác vi phạm quyền trẻ em”. Khoản 2 Điều 58 Hiến pháp 2013 quy định: “Nhà nước, xã hội và gia đình có trách nhiệm bảo vệ, chăm sóc sức khỏe trẻ em”. Điều 14 Luật Trẻ em năm 2016 quy định về quyền được chăm sóc sức khỏe: “Trẻ em có quyền được chăm sóc tốt nhất về sức khỏe, được ưu tiên tiếp cận, sử dụng dịch vụ phòng, khám, chữa bệnh”.

Bảo vệ quyền được chăm sóc sức khỏe của trẻ em khi ở trường học là một nhiệm vụ hết sức quan trọng. Nhà trường có thể thực hiện các biện pháp sau để bảo đảm sức khỏe và an toàn cho học sinh:

- Đưa giáo dục về sức khỏe vào chương trình chính thức và các hoạt động ngoại khóa của nhà trường, đặc biệt là các hoạt động giáo dục về sức khỏe phù hợp với độ tuổi.

- Xây dựng chế độ dinh dưỡng đủ chất, hợp lý, khoa học, vệ sinh trong các bữa ăn tại nhà trường.

- Tổ chức thăm khám sức khỏe định kỳ cho học sinh.

- Bảo đảm để học sinh được tiếp cận với nguồn nước sạch ở trường học.

- Thực hiện các biện pháp phòng chống sử dụng rượu bia, thuốc lá và các chất kích thích có hại cho sức khỏe trong trường học.

- Quan tâm, đầu tư phát triển hệ thống y tế trường học, đặc biệt là hệ thống tham vấn tâm lý học đường để chăm sóc sức khỏe tinh thần cho học sinh.

- Phối hợp và hỗ trợ các bên liên quan khác (bệnh viện, trạm y tế, cán bộ cấp xã...) trong việc chăm sóc sức khỏe cho học sinh và phát hiện kịp thời các biểu hiện xâm phạm sức khỏe của học sinh.

- Thực hiện tốt các biện pháp phòng, chống dịch bệnh Covid-19 tại trường học.

## Phần 5

# PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ VÀ VI PHẠM QUYỀN TRẺ EM TRONG MÔI TRƯỜNG GIÁO DỤC - CÁC HÌNH THỨC PHỔ BIẾN VÀ BIỆN PHÁP XỬ LÝ

### Câu 84. Phân biệt đối xử với trẻ em trong trường học là gì?

Khái niệm “phân biệt đối xử với trẻ em” được giải thích theo nhiều góc độ khác nhau. Theo nghĩa chung nhất, “phân biệt đối xử” là một thuật ngữ xã hội học nhằm chỉ một sự đối xử đối với một cá nhân hay một nhóm người nhất định dựa vào sự phân loại tầng lớp hay đẳng cấp. “Phân biệt đối xử” thực tế là một hành vi, định kiến đối với một cá nhân hoặc một nhóm khác, bao gồm việc loại trừ hoặc hạn chế những cá nhân khác hoặc các thành viên trong một nhóm khỏi những cơ hội mà những cá nhân khác hoặc các nhóm khác được tiếp cận<sup>1</sup>.

Theo Công ước chống phân biệt đối xử trong giáo dục được UNESCO thông qua năm 1960, thuật ngữ “phân biệt đối xử” bao gồm bất kỳ sự phân biệt, bài trừ, hạn chế hoặc ưu đãi nào dựa trên chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, quan điểm chính trị hoặc quan điểm khác, nguồn gốc dân tộc hoặc xã hội, điều kiện kinh tế hoặc dòng dõi, có mục đích hoặc tác động làm vô hiệu hóa hay gây tổn hại đến việc đối xử bình đẳng trong giáo dục, đặc biệt là:

- Tước đoạt của một người hoặc nhóm người quyền được tiếp cận giáo dục dưới bất kỳ hình thức hay ở bất kỳ cấp độ nào.

---

<sup>1</sup> Xem T.K: *Nâng cao nhận thức về hành vi phân biệt đối xử với trẻ em*, <https://cand.com.vn/doi-song/Nang-cao-nhan-thuc-ve-hanh-vi-phan-biet-doi-xu-voi-tre-em-i498805/>

- Hạn chế chuẩn mực giáo dục thấp kém đối với một người hoặc một nhóm người.

- Thành lập hoặc duy trì các hệ thống hoặc cơ sở giáo dục riêng rẽ, khác nhau cho các cá nhân, hoặc nhóm người, trừ trường hợp áp dụng các quy định tại Điều 2 Công ước này.

- Áp đặt với một người hoặc nhóm người những điều kiện trái với nhân phẩm con người.

Như vậy, có thể hiểu phân biệt đối xử trong trường học là sự đối xử không công bằng, không bình đẳng và có sự thiên vị đối với một số em học sinh trong việc thụ hưởng đầy đủ quyền học tập. Sự phân biệt đối xử trong trường học có thể dựa trên cơ sở dân tộc, quốc tịch, tuổi tác, giới tính, chủng tộc, điều kiện kinh tế, khuyết tật và tôn giáo. Hành động phân biệt đối xử có thể do chính ban giám hiệu, giáo viên, cán bộ trong trường hoặc các học sinh khác gây nên<sup>1</sup>.

### **Câu 85. Hành vi phân biệt đối xử với trẻ em được xác định dựa trên các yếu tố nào?**

Hành vi phân biệt đối xử có nhiều hình thức, nhưng tất cả đều liên quan đến một số hình thức loại trừ và từ chối. Trên thực tế, trẻ em có thể bị phân biệt đối xử vì các lý do như: giới tính, chủng tộc/tôn giáo, hoàn cảnh gia đình (giàu, nghèo, khuyết thiếu, mồ côi), vùng miền, năng lực học tập, khuyết tật, bệnh tật... Khoản 8, Điều 6 Luật Trẻ em năm 2016 xác định các hành vi bị nghiêm cấm, bao gồm: Kỳ thị, phân biệt đối xử với trẻ em vì đặc điểm cá nhân, hoàn cảnh gia đình, giới tính, dân tộc, quốc tịch, tín ngưỡng, tôn giáo hay các trình trạng khác của trẻ em.

Những phân biệt dựa trên đặc điểm cá nhân chủ yếu dựa trên các

---

<sup>1</sup> Xem Findlaw: *Discrimination in Education - Federal Laws*, <https://www.findlaw.com/civilrights/discrimination/discrimination-in-education-federal-laws.html>

yếu tố liên quan tới tình trạng sức khỏe, khuyết tật, bệnh lý hoặc có thể sở thích, cá tính của trẻ em.

Những phân biệt dựa trên hoàn cảnh gia đình bao gồm sự phân biệt bởi hoàn cảnh kinh tế, hoàn cảnh xã hội... của trẻ em (ví dụ như những trẻ em thuộc hộ nghèo, có bố mẹ thất nghiệp, đã hoặc đang chấp hành hình phạt tù, hoặc có người thân nhiễm HIV/AIDS...).

Phân biệt đối xử giới tính bao gồm sự phân biệt dựa trên đặc điểm sinh học và các chức năng phân biệt nam giới và nữ giới; xu hướng tính dục và dựa trên sự khác biệt trong xã hội giữa nam và nữ. Sự phân biệt đối xử về thể chất bao gồm những mô tả đặc điểm công việc không cần thiết đối với việc hiện các chức năng nhiệm vụ đã được quy định (ví dụ yêu cầu về chiều cao hoặc trọng lượng tối thiểu không ảnh hưởng đến hiệu quả học tập). Trẻ em nữ thường xuyên bị ảnh hưởng bởi sự phân biệt đối xử dựa trên giới tính, đặc biệt là trong trường hợp phân biệt đối xử gián tiếp.

Sự phân biệt đối xử về dân tộc, quốc tịch dựa trên nơi sinh, tổ tiên hoặc nguồn gốc nước ngoài của một người (ví dụ người dân tộc thiểu số, người nói tiếng dân tộc, người có quốc tịch nhờ nhập tịch và/hoặc con cháu của những người nhập cư nước ngoài).

Phân biệt đối xử vì lý do tôn giáo bao gồm sự phân biệt vì có những biểu hiện niềm tin tôn giáo hoặc là thành viên của một nhóm tôn giáo. Sự phân biệt đối xử này cũng bao gồm cả sự phân biệt đối với những trẻ em không gắn với một tôn giáo cụ thể nào hoặc là trẻ em không theo tôn giáo nào.

Một số câu hỏi cần đặt ra khi xác định tình trạng phân biệt đối xử:

- Tại sao một học sinh bị phân biệt đối xử - đối xử bất công?
- Ai đang đối xử bất công với học sinh?
- Sự phân biệt đối xử mà học sinh đã trải qua là gì?

- Học sinh bị phân biệt đối xử như thế nào?<sup>1</sup>

**Câu 86. Phân biệt đối xử gián tiếp với trẻ em trong trường học là gì?**

Sự phân biệt đối xử gián tiếp xảy ra khi trường học áp dụng một điều khoản, tiêu chí hoặc thực hành theo cách giống nhau cho tất cả học sinh, nhưng điều này có thể khiến một/một số học sinh khác lâm vào một tình thế bất lợi cụ thể. Ví dụ, một trường học yêu cầu tất cả học sinh nam phải đội mũ lưỡi trai như một phần của đồng phục học sinh. Mặc dù yêu cầu này được áp dụng như nhau cho tất cả học sinh, nhưng các nam sinh theo đạo Sikh thì lại không phù hợp do tôn giáo họ theo yêu cầu họ phải đội khăn xếp. Một ví dụ khác, đó là nhà trường tổ chức các cuộc thi vào cuối ngày, sau giờ học tập của học sinh. Điều đó sẽ vô tình tước mất cơ hội tham dự của những học sinh có quan tâm nhưng không thể tham gia vì vướng việc của gia đình. Học sinh không tham gia cuộc thi sẽ bị thiệt thòi hơn trong những cuộc thi sau đó cũng như trong cơ hội, triển vọng học tập.

Như vậy, có thể hiểu phân biệt đối xử gián tiếp (liên quan đến hậu quả) với trẻ em ở trường học, tức là khi có một quy định trung tính hay biện pháp thực tế gây bất lợi đối với một học sinh hoặc nhóm học sinh so với những học sinh hoặc nhóm học sinh khác. Về bản chất, phân biệt đối xử gián tiếp rất khó nhận biết do tính chất ẩn giấu của nó, vì thế giải quyết vấn đề này là một nhiệm vụ khó khăn.

Để phân biệt đối xử gián tiếp có thực sự diễn ra hay không, tất cả 4 yêu cầu sau phải được đáp ứng:

- Nhà cung cấp dịch vụ giáo dục áp dụng (hoặc sẽ áp dụng) điều khoản, tiêu chí hoặc thực hành như nhau cho tất cả mọi người trong nhóm có liên quan.

---

<sup>1</sup> Xem Citizens Advise: *Overview of discrimination in education*, <https://www.citizensadvise.org.uk/family/education/overview-of-discrimination-in-education/>

- Việc áp dụng tiêu chí hoặc thực hành đặt hoặc sẽ đặt những học sinh có chung đặc điểm được bảo vệ vào một bất lợi cụ thể khi so sánh với những học sinh không có đặc điểm đó.

- Việc áp dụng tiêu chí hoặc thực hành không chứng minh được là một phương tiện tương xứng để đạt được mục đích hợp pháp.

- Việc áp dụng tiêu chí hoặc thực hành đặt (hoặc sẽ đặt) vào một bất lợi cụ thể là phải có ảnh hưởng (hoặc có khả năng gây ra) đối với cá nhân học sinh có liên quan. Họ cũng phải cho thấy rằng cá nhân họ đã phải chịu đựng (hoặc có thể phải gánh chịu) những thiệt thòi cụ thể với tư cách là một cá nhân<sup>1</sup>.

### **Câu 87. Phân biệt đối xử trực tiếp với trẻ em trong trường học là gì?**

Các hoạt động chung ở môi trường học đường được tổ chức dành cho tất cả các học sinh. Mọi học sinh đều có cơ hội tham gia như nhau và dựa trên tính tự nguyện, sở thích, nhu cầu của từng cá nhân. Do đó, những hoạt động hoặc hành vi thể hiện sự phân biệt, loại trừ hoặc ưu đãi đối với một/một nhóm học sinh đều được hiểu là phân biệt trực tiếp.

Phân biệt đối xử trực tiếp xảy ra khi một người được đối xử tốt hơn người khác được đối xử vì một đặc điểm được bảo vệ. Ví dụ, nếu một nữ sinh không được khuyến khích tham gia một khóa học kỹ thuật khi một giáo viên nói rằng đây là môn học không phù hợp với nữ sinh, thì đây sẽ là sự phân biệt đối xử trực tiếp vì lý do giới tính; hoặc những quy định “chỉ dành cho học sinh nam”, “chỉ dành cho học sinh nữ”; quy định “không tuyển sinh đối với các trẻ em bị khuyết tật”... sẽ bị coi là phân biệt đối xử trực tiếp. Không thể biện minh cho sự phân biệt đối xử trực tiếp, vì vậy nó sẽ luôn luôn là trái pháp luật.

---

<sup>1</sup> Xem *Types of Discrimination*, <https://www.st-andrews.ac.uk/hr/edi/inclusivecurriculum/discrimination/>

Sự phân biệt đối xử trực tiếp cũng xảy ra khi một người bị đối xử kém thuận lợi hơn vì họ có mối quan hệ với một người khác có đặc điểm được bảo vệ. Ví dụ, anh chị em, cha mẹ, người chăm sóc hoặc bạn bè của họ; trẻ em có thể bị phân biệt đối xử vì cha mẹ chúng là một cặp vợ chồng cùng giới tính.

Như vậy, có thể hiểu, phân biệt đối xử trực tiếp với trẻ em ở trường học xảy ra là việc khi chủ thể có ý định phân biệt, loại trừ hoặc ưu đãi rõ ràng dựa trên một hoặc nhiều nguyên nhân như giới tính, tôn giáo, tình trạng gia đình, tình trạng sức khỏe... đối với một học sinh hoặc một nhóm học sinh cụ thể.

**Câu 88. Phân biệt đối xử với trẻ em trong trường học có thể xảy ra như thế nào?**

Phân biệt đối xử trong trường học có thể xảy ra trước khi tuyển sinh, trong quá trình học tập và ngay cả khi trẻ em đã hoàn thành quá trình học tập. Ở trường học, phân biệt đối xử có thể xảy ra trong các hoạt động sau:

- Tuyển sinh.
- Học phí.
- Quyền lợi.
- Thời gian học tập và nghỉ ngơi.
- Tham gia vào các hoạt động của trường, lớp.
- Đánh giá thành tích học tập.
- Các cơ hội đào tạo.
- Tổ chức các câu lạc bộ, hoạt động ngoại khóa.
- Tổ chức các hoạt động thi.
- Nội dung học tập.
- Phương pháp giảng dạy.

Tình trạng phân biệt đối xử ở trường học với học sinh của nhà trường có thể xảy ra ở các hình thức như:

- Từ chối không nhận học sinh vào trường.

- Từ chối học sinh/nhóm học sinh được hưởng một số quyền, dịch vụ nhưng trong khi vẫn cung cấp cho học sinh/nhóm học sinh khác.

- Kỷ luật, xử phạt học sinh vì lý do liên quan đến tình trạng ngôn ngữ, dân tộc, giới tính tôn giáo, xu hướng tính dục hay các tình trạng khác.

Tuy nhiên, cần lưu ý rằng không phải tất cả các hình thức phân biệt đối xử đều vi phạm pháp luật. Đôi khi trường học có thể đưa ra các quy tắc hoặc quyết định phân biệt đối xử với học sinh. Ví dụ, một trường học có thể từ chối ghi danh cho bạn nếu đó là một trường học dành cho một giới tính và bạn là người khác giới; trường dành cho học sinh trên một độ tuổi nhất định và bạn không trên độ tuổi đó; nhà trường chỉ hỗ trợ học sinh bị khuyết tật nhất định và bạn không bị khuyết tật đó<sup>1</sup>.

### **Câu 89. Chủ thể của hành vi phân biệt đối xử với trẻ em trong trường học là ai?**

Chủ thể của hành vi phân biệt đối xử với trẻ em trong trường học bao gồm các cá nhân, tổ chức có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp tới các hoạt động diễn ra trong trường học. Chủ thể cá nhân như cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên, nhân viên nhà trường, bạn học... Chủ thể là tổ chức như Ban giám hiệu, Hội đồng trường, Đoàn, Đội...

Mỗi loại chủ thể có quyền và nghĩa vụ trong lĩnh vực giáo dục khác nhau, sẽ có thể có những hành vi phân biệt đối xử khác nhau và tác động ở những mức độ khác nhau đối với trẻ em trong trường học. Vì

---

<sup>1</sup> Xem <https://yla.org.au/vic/topics/school/discrimination/>

dụ, giáo viên chủ nhiệm chỉ yêu cầu các học sinh nữ phải giặt giũ lau bảng, lau chùi bàn ghế, trực nhật lớp; trong khi học sinh nam không bị yêu cầu làm những việc này.

**Câu 90. Pháp luật quốc tế quy định như thế nào về cấm phân biệt đối xử với trẻ em trong trường học?**

Giáo dục là một quyền cơ bản của con người, các quốc gia cần phải đảm bảo thực hiện, đặc biệt có các biện pháp xử lý với hành vi phân biệt đối xử trong môi trường học đường. Hành vi phân biệt đối xử trẻ em được quy định trong nhiều văn bản quốc tế và quốc gia. Ở cấp độ quốc tế, có thể kể đến 2 văn bản quan trọng sau:

*- Công ước về quyền trẻ em (CRC)*

Ngay trong Lời mở đầu CRC đã ghi nhận: “Thừa nhận rằng, trong UDHR và các công ước quốc tế về quyền con người, Liên hợp quốc đã thỏa thuận và công bố rằng, mọi người đều có quyền được hưởng mọi quyền và tự do đã được nêu ra trong các văn kiện đó, mà không có bất cứ sự phân biệt đối xử nào về chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, quan điểm chính trị hoặc quan điểm khác, nguồn gốc dân tộc hay xã hội, tài sản, thành phần xuất thân hoặc địa vị khác”.

**Điều 2 Công ước quy định:**

“1. Các quốc gia thành viên phải tôn trọng và bảo đảm những quyền được nêu ra trong Công ước này đối với mọi trẻ em thuộc quyền tài phán của họ mà không có bất cứ sự phân biệt đối xử nào về chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, quan điểm chính trị hoặc quan điểm khác, nguồn gốc dân tộc, sắc tộc hay xã hội, tài sản, khuyết tật, thành phần xuất thân hay địa vị khác của trẻ em hoặc cha mẹ hay người giám hộ hợp pháp của trẻ em đó.

2. Các quốc gia thành viên phải thi hành mọi biện pháp thích hợp để bảo đảm cho trẻ em được bảo vệ trước mọi hình thức phân biệt đối

xử hoặc trừng phạt vì các lý do địa vị, hoạt động, những ý kiến phát biểu hoặc tín ngưỡng của cha mẹ, người giám hộ pháp lý hoặc những thành viên khác trong gia đình của trẻ em”.

- Công ước về chống phân biệt đối xử trong giáo dục (1960)

Công ước là một công cụ pháp lý toàn cầu quan trọng để bảo vệ quyền được giáo dục và tiến tới bình đẳng cơ hội không phân biệt chủng tộc, giới tính hoặc bất kỳ lý do nào. Công ước quy định trực tiếp về việc phân biệt đối xử trong lĩnh vực giáo dục nói chung, không chỉ có đối tượng là trẻ em, mà bao gồm cả những người hoạt động trong lĩnh vực giáo dục (cán bộ quản lý giáo dục, nhà giáo...).

Công ước tái khẳng định rằng giáo dục là một quyền cơ bản của con người, đồng thời nêu bật nghĩa vụ của các quốc gia trong việc đảm bảo giáo dục miễn phí và bắt buộc, cấm mọi hình thức phân biệt đối xử và thúc đẩy bình đẳng về cơ hội giáo dục. Điều 3 của Công ước yêu cầu các quốc gia có các biện pháp nhằm xóa bỏ và ngăn chặn sự phân biệt đối xử theo định nghĩa tại Công ước này, theo đó:

- Xóa bỏ mọi quy định pháp luật và hành chính, chấm dứt mọi hoạt động mang tính chất hành chính thể hiện phân biệt đối xử trong giáo dục.

- Bảo đảm bằng pháp luật trong trường hợp cần thiết, rằng không có sự phân biệt đối xử nào trong việc nhận học sinh vào các cơ sở giáo dục.

- Không cho phép các cơ quan chính quyền có bất kỳ sự phân biệt đối xử nào giữa các công dân thuộc các dân tộc khác, trừ trường hợp dựa trên thành tích hoặc nhu cầu, trong vấn đề học phí và cấp học bổng hoặc các hình thức hỗ trợ khác cho học sinh; những giấy phép và điều kiện cần thiết cho việc đi học ở nước ngoài.

- Không cho phép sự trợ giúp dưới mọi hình thức của chính quyền

dành cho các cơ sở giáo dục, hay bất kỳ sự hạn chế hay ưu đãi nào chỉ dựa trên lý do học sinh thuộc một nhóm đặc biệt.

- Cho phép các công dân nước ngoài cư trú trên lãnh thổ của một quốc gia khác quyền được tiếp cận giáo dục ngang bằng với các công dân của họ.

Công ước cũng đảm bảo giáo dục phải hướng đến sự phát triển đầy đủ của nhân cách con người và tăng cường sự tôn trọng các quyền con người và các quyền tự do cơ bản; quyền tự do của cha mẹ trong việc lựa chọn giáo dục cho con cái của họ phù hợp với đức tin tôn giáo và đạo đức của họ; quyền của thành viên các dân tộc thiểu số tự thực hiện các hoạt động giáo dục của họ.

#### **Câu 91. Pháp luật Việt Nam quy định như thế nào về cấm phân biệt đối xử với trẻ em trong trường học?**

Việt Nam không có một văn bản pháp luật riêng biệt nào quy định về việc cấm phân biệt đối xử với trẻ em nói chung và trẻ em trong trường học nói riêng. Tuy nhiên, nhiều điều khoản trong các văn bản pháp luật đã đề cập đến vấn đề này.

Với tư cách là đạo luật gốc, có giá trị pháp lý cao nhất trong hệ thống pháp luật của quốc gia, Hiến pháp năm 2013 đã quy định về quyền bình đẳng của mọi người, trong đó có trẻ em. Cụ thể, Điều 16 quy định: “1. Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật. 2. Không ai bị phân biệt đối xử trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội”. Theo đó, mọi cá nhân (trong đó có trẻ em) thuộc các dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, thành phần, địa vị xã hội khác nhau trong một quốc gia đều không bị phân biệt đối xử trong việc hưởng quyền, nghĩa vụ và chịu trách nhiệm pháp lý theo quy định của pháp luật.

Luật Trẻ em năm 2016 quy định trực tiếp hơn về hành vi phân biệt đối xử với trẻ em. Cụ thể khoản 2, Điều 5 ghi nhận nguyên tắc bảo đảm

thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em: “Không phân biệt đối xử với trẻ em”; khoản 8, Điều 6 quy định các hành vi bị nghiêm cấm, bao gồm: “Kỳ thị, phân biệt đối xử với trẻ em vì đặc điểm cá nhân, hoàn cảnh gia đình, giới tính, dân tộc, quốc tịch, tín ngưỡng, tôn giáo của trẻ em”. Tiếp đó, khoản 2 Điều 16 khẳng định: “Trẻ em được bình đẳng về cơ hội học tập và giáo dục; được phát triển tài năng, năng khiếu, sáng tạo, phát minh”.

Văn bản pháp luật quy định cụ thể về nguyên tắc không phân biệt đối xử trong lĩnh vực giáo dục là Luật Giáo dục năm 2019. Khoản 1, Điều 13 Luật Giáo dục quy định về quyền và nghĩa vụ học tập của công dân: “Học tập là quyền và nghĩa vụ của công dân. Mọi công dân không phân biệt dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, giới tính, đặc điểm cá nhân, nguồn gốc gia đình, địa vị xã hội, hoàn cảnh kinh tế đều bình đẳng về cơ hội học tập”.

Điều khoản liên quan trực tiếp đến sự không phân biệt đối xử ở trường học được ghi nhận ở khoản 1, Điều 15 của Luật Giáo dục: “Giáo dục hòa nhập là phương thức giáo dục nhằm đáp ứng nhu cầu và khả năng khác nhau của người học; bảo đảm quyền học tập bình đẳng, chất lượng giáo dục, phù hợp với nhu cầu, đặc điểm và khả năng của người học; tôn trọng sự đa dạng, khác biệt của người học và không phân biệt đối xử”.

Luật Phòng, chống HIV/AIDS năm 2006 đưa ra những quy định nghiêm cấm sự kỳ thị và phân biệt đối xử với người bị nhiễm HIV, trong đó có trẻ em sống chung với HIV/AIDS. Theo đó, Điều 7 và Điều 8 của Luật Phòng, chống HIV/AIDS nghiêm cấm công khai tên, địa chỉ, hình ảnh của người nhiễm HIV hoặc tiết lộ cho những người khác mà không được người nhiễm đồng ý. Điều 15 của Luật Phòng, chống HIV/AIDS cũng quy định cơ sở giáo dục không được: “a) Từ chối tiếp nhận học sinh, sinh viên, học viên vì lý do người đó nhiễm HIV; b) Kỳ

luật, đuổi học học sinh, sinh viên, học viên vì lý do người đó nhiễm HIV; c) Tách biệt, hạn chế, cấm đoán học sinh, sinh viên, học viên tham gia các hoạt động, dịch vụ của cơ sở vì lý do người đó nhiễm HIV; d) Yêu cầu xét nghiệm HIV hoặc yêu cầu xuất trình kết quả xét nghiệm HIV đối với học sinh, sinh viên, học viên hoặc người đến xin học”.

Điều 39 Thông tư 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28-3-2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học đã quy định khá cụ thể về yêu cầu bình đẳng và không phân biệt đối xử trong trường học, cụ thể:

- Được bình đẳng trong việc hưởng thụ giáo dục toàn diện, được bảo đảm những điều kiện về thời gian, cơ sở vật chất, vệ sinh, an toàn để học tập ở lớp và tự học ở nhà, được cung cấp thông tin về việc học tập của mình, được sử dụng trang thiết bị, phương tiện phục vụ các hoạt động học tập, văn hóa, thể thao của nhà trường theo quy định.

- Được tôn trọng và bảo vệ, được đối xử bình đẳng, dân chủ, được quyền khiếu nại với nhà trường và các cấp quản lý giáo dục về những quyết định đối với bản thân mình; được quyền học chuyển trường khi có lý do chính đáng theo quy định hiện hành; được học trước tuổi, học vượt lớp, học ở tuổi cao hơn tuổi quy định theo Điều 37 của Điều lệ này.

Như vậy, pháp luật Việt Nam đã ghi nhận khá cụ thể việc nghiêm cấm phân biệt đối xử ở trường học cả dưới hình thức trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua việc nội luật hóa các nguyên tắc và chuẩn mực quốc tế về quyền trẻ em trong các văn bản pháp luật của quốc gia.

**Câu 92. Bao lực học đường là gì? Nhà trường có trách nhiệm gì để phòng, chống bạo lực học đường?**

Mặc dù chưa có định nghĩa thống nhất về bạo lực học đường,

nhưng một số khái niệm đã đề cập thuật ngữ này với một số nội hàm thống nhất. Theo định nghĩa của UNESCO, bạo lực học đường đề cập đến tất cả các hình thức bạo lực diễn ra trong và xung quanh trường học, do các học sinh, giáo viên và nhân viên khác của trường gây ra<sup>1</sup>. Hành vi bạo lực được hiểu là cố ý sử dụng vũ lực hoặc quyền hạn để đe dọa hoặc thực hiện một hành vi chống lại bản thân, người khác hoặc nhóm người, cộng đồng gây ra bạo lực<sup>2</sup>.

Theo khoản 5, Điều 2 Nghị định 80/2017/NĐ-CP quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường: “Bạo lực học đường là hành vi hành hạ, ngược đãi, đánh đập; xâm hại thân thể, sức khỏe; lăng mạ, xúc phạm danh dự, nhân phẩm; cô lập, xua đuổi và các hành vi cố ý khác gây tổn hại về thể chất, tinh thần của người học xảy ra trong cơ sở giáo dục hoặc lớp học lập”.

Bạo lực học đường bao gồm các hành vi bạo lực về thể chất, gồm đánh nhau giữa các học sinh hoặc các hình phạt thể chất của nhà trường; bạo lực tinh thần, bao gồm cả việc tấn công bằng lời nói; bạo lực tình dục, bao gồm hiếp dâm và quấy rối tình dục; các dạng bắt nạt bạn học; và mang vũ khí đến trường. Bạo lực học đường trước hết gây tổn hại về thể chất nghiêm trọng cho những người chịu những trận đòn đó, bên cạnh đó là nỗi ám ảnh về tinh thần. Khi trường học không còn là nơi giáo dục nhân cách con người mà là nơi chỉ có những trận đòn roi đáng sợ thì ai cũng sợ phải đến trường. Như vậy, biểu hiện của bạo lực học đường khá đa dạng, với các mức độ khác nhau, từ không lời, từ hành động đơn giản đến hành động thù địch, gây hấn, phá hoại

---

<sup>1</sup> Xem UNESCO: *What you need to know about school violence and bullying*, <https://en.unesco.org/news/what-you-need-know-about-school-violence-and-bullying>

<sup>2</sup> Xem HENRY, Stuart: *What is school violence? An integrated definition*, *The annals of the American academy of political and social science*, 2000, 567.1: pp.16-29.

và gây thương tích, thậm chí làm hại người khác<sup>1</sup>.

Từ các cách tiếp cận trên, có thể hiểu rằng bạo lực học đường là những hành vi có chủ đích, sử dụng vũ lực hoặc sức mạnh của học sinh hoặc giáo viên đối với học sinh, giáo viên hoặc người khác và ngược lại. Đây có thể là bạo lực thể chất, bạo lực tình cảm, bạo lực tình dục, bạo lực ngôn ngữ, cưỡng bức tài chính hoặc các hành vi khác có thể gây tổn hại về tinh thần hoặc thể chất đối với nạn nhân.

Để hạn chế tình trạng bạo lực học đường, nhà trường cần xác định trách nhiệm và có những giải pháp thiết thực, hợp lý. Nhà trường cần quan tâm, dành nhiều thời gian giảng dạy về kỹ năng sống, kỹ năng làm người thông qua giáo dục truyền thống đạo đức, lịch sử, pháp luật và giao tiếp trong gia đình và xã hội. Cần có sự gắn kết chặt chẽ giữa nhà trường và gia đình, thông báo thường xuyên, kịp thời kết quả học tập, thời gian học tập về những thay đổi về đạo đức, những biểu hiện lệch lạc trong lối sống của các em và gia đình để có biện pháp kết hợp giáo dục với nhà trường và gia đình<sup>2</sup>. Trong xử lý các vụ việc bạo lực học đường, nhà trường cần có cái nhìn bao dung với sai phạm trong lứa tuổi học trò để có phương án xử lý thích hợp, mang tính răn đe và phòng ngừa chung, nhưng cũng luôn tạo cơ hội để các em vi phạm hiểu và sửa đổi.

### **Câu 93. Bắt nạt học đường là gì? Nhà trường có trách nhiệm gì để phòng, chống bắt nạt học đường?**

Bắt nạt là một hành vi hung hăng lặp đi lặp lại trong đó một

---

<sup>1</sup> Xem Leary, Mark R., et al: *Teasing, rejection, and violence: Case studies of the school shootings*. Aggressive Behavior: Official Journal of the International Society for Research on Aggression, 2003, 29.3: pp.202-214.

<sup>2</sup> Xem Nguyen Thi Ngoc, Nguyen Thi Thanh, Le Thuy Linh: *School Violence in Vietnamese School today and some solutions*, Journal of Critical Reviews, ISSN- 2394-5125, Vol 7, Issue 14, 2020.

người (hoặc một nhóm người) ở vị trí quyền lực cao hơn cố tình đe dọa, lạm dụng hoặc ép buộc một cá nhân với ý định làm tổn thương người đó về thể chất hoặc tình cảm. Hành vi bắt nạt có thể là hành động hoặc bằng lời nói. Có 3 đặc điểm có thể xác định một hành vi là bắt nạt học đường, đó là: (1) người thực hiện hành vi bắt nạt cố ý gây hại cho người bị bắt nạt; (2) tính lặp lại của hành vi bắt nạt khiến nạn nhân sợ sệt, bất an; (3) sự bất cân bằng quyền lực giữa người bắt nạt và người bị bắt nạt.

Các hành động cấu thành bắt nạt được thể hiện khác nhau nhưng đều dẫn đến hệ quả gây tổn hại về mặt tinh thần cho đứa trẻ bị bắt nạt. Có 4 loại bắt nạt, có thể xảy ra riêng biệt hoặc đồng thời: (1) bắt nạt thể chất như đá hoặc xô đẩy; (2) bắt nạt bằng lời nói như gọi tên hoặc la mắng; (3) bắt nạt quan hệ như loại trừ hoặc lan truyền tin đồn; (4) đe dọa trực tuyến bao gồm gửi tin nhắn gây tổn thương qua các thiết bị kỹ thuật số như máy tính và điện thoại di động<sup>1</sup>.

Ngăn chặn và xóa bỏ nạn bắt nạt ở trường học là trách nhiệm quan trọng của người giáo viên, trong đó hướng đến hai nhóm chủ thể:

#### *Thứ nhất, giúp đỡ học sinh bị bắt nạt.*

Với học sinh bị bắt nạt, giáo viên nên nói chuyện, chia sẻ với các em về việc bị bắt nạt như thế nào và cho nạn nhân cơ hội để nói về những gì đã xảy ra và chúng cảm thấy thế nào về điều đó. Bên cạnh đó, giáo viên thể hiện sự thông cảm, ủng hộ và chia sẻ cách thức để có thể giữ an toàn (suy nghĩ về việc làm thế nào để có thể tránh tình huống tương tự trong tương lai; xác định xem học sinh sẽ cư xử như thế nào nếu tình trạng bắt nạt vẫn tiếp diễn và có thể đến gặp ai nếu việc bắt nạt vẫn xảy ra). Đồng thời, cố gắng củng cố mạng lưới hỗ trợ của trẻ bằng cách nhờ bạn bè và những người thân yêu của trẻ giúp đỡ.

---

<sup>1</sup> Xem EDC: *What is bullying?* <http://preventingbullying.promoteprevent.org/what-bullying>

*Thứ hai, giúp đỡ người bắt nạt.*

Nếu người bắt nạt là học sinh, nói chuyện cởi mở với trẻ và cố gắng tìm hiểu nguyên nhân khiến trẻ có hành vi bắt nạt. Việc trò chuyện này không nên là để tìm kiếm hình phạt mà thay vào đó là cố gắng thay đổi hành vi gây hấn của trẻ thành hành vi được xã hội chấp nhận.

Lãnh đạo trường học có vai trò quan trọng trong việc định hình văn hóa của trường học và đảm bảo rằng các chính sách, thủ tục và chiến lược hiệu quả được áp dụng để ứng phó với hành vi bắt nạt<sup>1</sup>.

**Câu 94. Quy định về kỷ luật học sinh cần dựa trên những nguyên tắc, chuẩn mực quyền con người như thế nào?**

Kỷ luật học sinh là một trong những biện pháp để kiểm soát hành vi của học sinh. Một trong những mục tiêu chính của kỷ luật là khơi gợi nỗi sợ hãi trong học sinh, để hành vi đó không xảy ra nữa. Trong trường học, giáo viên có thể phạt học sinh vì đi học muộn, không tuân theo nội quy của trường, không làm bài tập trong lớp và không đạt thành tích tốt hơn trong các bài kiểm tra, bài thi và những điều tương tự...

CRC đã công nhận rằng trừng phạt thân thể mà giáo viên áp dụng trong trường học là không thể chấp nhận được và nó mang lại những tác động tiêu cực hơn là tích cực cho người học. Khoản 2, Điều 28 của CRC nêu rõ sự cần thiết phải đảm bảo rằng kỷ luật học đường được thực hiện theo cách phù hợp với phẩm giá con người của trẻ em và phù hợp với Công ước này. Do đó, mọi hình phạt nghiêm khắc được đều bị coi là vi phạm các quyền cơ bản đối với trẻ em vì nó có thể gây đau đớn, thương tích, sỉ nhục, lo lắng và tức giận có thể ảnh hưởng tâm lý lâu dài. Ủy ban CRC cũng đã nhấn mạnh cần phải xóa bỏ mọi hình phạt nhục hình dù nhẹ và những hình phạt tàn nhẫn hoặc hạ nhục con người

---

<sup>1</sup> Xem UN: General Comment No.1, 2001. *The aims to Education*, [https://www.unicef-irc.org/portfolios/general\\_comments/GC1\\_en.doc.html](https://www.unicef-irc.org/portfolios/general_comments/GC1_en.doc.html)

khác. Đồng thời, khẳng định các trường học nên dạy “các kỹ năng sống quan trọng như khả năng đưa ra các quyết định cân bằng; giải quyết xung đột một cách bất bạo động; và phát triển một lối sống lành mạnh, các mối quan hệ xã hội tốt đẹp và có trách nhiệm”<sup>1</sup>. Việc sử dụng các hình phạt thể xác và các phương pháp kỷ luật không khoan nhượng, trừng phạt vi phạm quyền của trẻ em được hưởng một nền giáo dục hướng tới tiềm năng đầy đủ của chúng và không bị trừng phạt về thể xác.

Luật quốc tế về quyền con người thừa nhận rằng trẻ em cần được học tập trong một môi trường an toàn và được nuôi dưỡng để hỗ trợ cho phát triển về mặt xã hội và cảm xúc và học tập. Việc áp dụng các biện pháp kỷ luật phải hướng tới đảm bảo quyền được tôn trọng danh dự, nhân phẩm của trẻ. Khi học sinh mắc lỗi, nếu nhà trường chỉ áp dụng kỷ luật theo kiểu trừng phạt, kể cả những hình thức như đọc bản kiểm điểm trước cả lớp hay bị nêu tên trước toàn trường... thì sẽ dẫn đến sự tổn thương về danh dự, nhân phẩm cá nhân học sinh. Điều này là không phù hợp với chuẩn mực quốc tế về quyền trẻ em. Vì thế, kỷ luật học sinh cần hướng tới việc giáo dục, giúp đỡ để học sinh chủ động, tự tin điều chỉnh hành vi, sửa chữa khuyết điểm, tôn trọng, bao dung, nhất quán, không định kiến. Không sử dụng các hình thức phê bình, xử phạt mang tính bạo lực, xúc phạm, ảnh hưởng xấu đến tinh thần của học sinh.

**Câu 95. Thế nào là xâm hại trẻ em? Các hình thức xâm hại trẻ em thường xảy ra trong trường học là gì?**

Xâm hại trẻ em là bất cứ hành động (hoặc không nhất thiết là hành động) có chủ ý và làm tổn thương hoặc gây nguy hại cho trẻ. Xâm hại trẻ em bao gồm mọi hình thức ngược đãi về thể chất và tinh thần, xâm

---

<sup>1</sup> Xem UN: General Comment No.1, 2001. *The aims to Education*, [https://www.unicef-irc.org/portfolios/general\\_comments/GC1\\_en.doc.html](https://www.unicef-irc.org/portfolios/general_comments/GC1_en.doc.html)

hại tình dục, xao nhãng, bóc lột gây ra những thương tổn về sức khỏe, tính mạng, khả năng phát triển hay phẩm giá bằng cách lợi dụng chức phận, lòng tin hoặc quyền hạn.

Khoản 5, Điều 4 Luật Trẻ em năm 2016 định nghĩa: “*Xâm hại trẻ em* là hành vi gây tổn hại về thể chất, tình cảm, tâm lý, danh dự, nhân phẩm của trẻ em dưới các hình thức bạo lực, bóc lột, xâm hại tình dục, mua bán, bỏ rơi, bỏ mặc trẻ em và các hình thức gây tổn hại khác”.

Có 5 hình thức xâm hại trẻ em thường xảy ra ở trường học:

- Xâm hại thân thể: tất cả các hình thức bạo lực thể chất (đánh học sinh với các lý do khác nhau, bao gồm cả xử phạt).

- Xâm hại tình cảm hoặc tâm lý: Cán bộ/giáo viên mắng học sinh, hành động theo thái độ xa lánh và thù địch đối với học sinh hoặc cố ý làm chúng sợ hãi.

- Bỏ bê thể chất: Học sinh không nhận được sự chăm sóc và nuôi dưỡng mà nó cần được hưởng (hay xảy ra ở các giờ bán trú, bữa ăn tại trường...).

- Bỏ mặc cảm xúc hoặc tâm lý: Liên tục thiếu sự quan tâm tích cực đối với học sinh. Bỏ qua nhu cầu về tình yêu thương, sự ấm áp và sự an toàn của trẻ.

- Lạm dụng tình dục: Quan hệ tình dục mà người lớn trong môi trường học đường ép buộc các em<sup>1</sup>.

**Câu 96. Thế nào là xâm hại trẻ em trên môi trường mạng? Nhà trường có thể làm gì để bảo vệ học sinh khỏi bị xâm hại trên môi trường mạng?**

Việc sử dụng Internet thông qua các thiết bị công nghệ đã trở thành công cụ hữu ích để trẻ em có thể học tập, tiếp cận với thế giới bên ngoài.

---

<sup>1</sup> Xem <https://www.government.nl/topics/child-abuse/what-is-child-abuse>

Trong bối cảnh Covid-19, việc triển khai học tập trực tuyến, thời gian sử dụng Internet của trẻ em tăng lên đáng kể, khiến trẻ em phải đối mặt với nhiều nguy cơ, rủi ro bị xâm hại trên môi trường mạng hơn bao giờ hết.

Xâm hại trẻ em trên môi trường mạng là một hình thức xâm hại trẻ em có tính chất ảo, từ xa và ẩn danh thông qua các kênh như mạng xã hội, game trực tuyến hay điện thoại. Xâm hại trẻ em trên mạng có thể xảy ra dưới nhiều hình thức đa dạng và mức độ khác nhau, có thể kể đến một số hình thức phổ biến như: quấy rối, bắt nạt qua mạng (cyber bullying), dụ dỗ, lừa đảo qua mạng (grooming), tiếp cận với các thông tin sai lệch, lừa đảo qua mạng hay thậm chí là bị tấn công, xâm hại tình dục qua môi trường mạng v.v..

Mọi trẻ em có thể sử dụng Internet thì đều có nguy cơ trở thành nạn nhân của tình trạng xâm hại trên mạng. Chính vì vậy, các chính phủ trên toàn thế giới đã thừa nhận tầm quan trọng của việc công nhận và chống lạm dụng trẻ em trên mạng.

Việt Nam là một trong những quốc gia có số người sử dụng Internet nhiều nhất thế giới, trong đó hiện nay với việc triển khai học tập trực tuyến thì trẻ em trong độ tuổi đến trường từ tiểu học đến phổ thông đều buộc phải sử dụng Internet thường xuyên. Điều này đặt ra những thách thức về bảo vệ trẻ em khỏi những tác động tiêu cực của Internet, trong đó có vấn đề xâm hại.

Để bảo vệ trẻ em khỏi các hình thức xâm hại qua mạng, Điều 54 Luật Trẻ em năm 2016 quy định bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng là trách nhiệm của nhiều bên, đặc biệt là các cơ quan, tổ chức liên quan có trách nhiệm tuyên truyền, giáo dục và bảo vệ trẻ em khi tham gia môi trường mạng dưới mọi hình thức; cha, mẹ, giáo viên và người chăm sóc trẻ em; các cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý, cung cấp sản phẩm, dịch vụ thông tin, truyền thông và tổ chức các hoạt động trên

môi trường mạng. Như vậy, cơ sở giáo dục, trường học là một chủ thể chịu trách nhiệm quan trọng trong việc giáo dục, tuyên truyền và bảo vệ trẻ em.

Cụ thể hóa quy định của Luật Trẻ em năm 2016, nhằm đáp ứng nhu cầu của thực tiễn, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 830/QĐ-TTg ngày 01-6-2021 phê duyệt Chương trình Bảo vệ và hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng giai đoạn 2021-2025.

Chương trình hướng tới thực hiện một số mục tiêu:

- Bảo vệ thông tin bí mật đời sống riêng tư, bí mật cá nhân của trẻ em khi trẻ em tiếp cận thông tin, tham gia các hoạt động trên môi trường mạng và ngăn chặn, xử lý các hành vi lợi dụng môi trường mạng thực hiện các hành vi bị nghiêm cấm đối với trẻ em dưới mọi hình thức theo quy định của pháp luật.

- Trang bị kiến thức, kỹ năng số cho trẻ em theo từng độ tuổi để biết tự bảo vệ mình và biết cách tương tác an toàn trên môi trường mạng, trong đó gồm: Sử dụng mạng lành mạnh, an toàn; tự bảo vệ mình khi tham gia tương tác trên môi trường mạng và cách thức nhận diện, thông báo, tố giác hành vi, vụ việc xâm hại trẻ em trên môi trường mạng.

- Truyền thông đến toàn xã hội, tập trung vào các đối tượng là cha, mẹ, giáo viên, người chăm sóc trẻ về kiến thức, kỹ năng hỗ trợ, định hướng trẻ em tương tác an toàn, lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng.

- Thực hiện các giải pháp chủ động phòng ngừa, phát hiện các hành vi xâm hại trẻ em trên môi trường mạng; bảo đảm các điều kiện cần thiết để trẻ em được tham gia an toàn, lành mạnh trên môi trường mạng và có các giải pháp hỗ trợ phù hợp để trẻ phục hồi khi chịu tác động tiêu cực từ môi trường mạng.

- Hình thành và phổ cập hệ sinh thái các sản phẩm, ứng dụng của Việt Nam trên môi trường mạng đáp ứng nhu cầu học tập, giải trí của trẻ em trên môi trường mạng.

Đây là chương trình có tính liên ngành cao với sự tham gia của nhiều bộ, ban ngành. Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm chủ trì xây dựng và lồng ghép vào chương trình giáo dục việc đào tạo “bộ kỹ năng số” cho trẻ em theo độ tuổi gồm một số nội dung, kỹ năng như: kiến thức về Internet, mạng xã hội; kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin tối thiểu; bảo vệ thông tin cá nhân trên mạng; cách thức nhận biết khi bị lợi dụng, xâm hại trên môi trường mạng và nơi cần thông tin, phản ánh; xây dựng mô hình, quy chế quản lý việc dạy học trực tuyến và các hướng dẫn cho nhà trường, giáo viên về nội dung bảo đảm an toàn thông tin, tham gia môi trường mạng an toàn đối với các hoạt động giảng dạy, quản lý giáo dục; phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông triển khai các giải pháp kỹ thuật tại trường học nhằm giám sát, chặn lọc truy cập các nội dung vi phạm pháp luật, các nội dung không phù hợp với học sinh theo từng lứa tuổi.

Để xây dựng hệ sinh thái trường học an toàn với học sinh trên không gian mạng, nhà trường cần chủ động thực hiện các nhóm biện pháp sau:

- Giáo dục cung cấp kiến thức, thông tin về xâm hại qua mạng, các hình thức xâm hại, tác động và cách thức ứng phó... nhằm nâng cao nhận thức cho giáo viên, cán bộ nhà trường, học sinh và phụ huynh.

- Xây dựng môi trường học đường an toàn và tích cực bằng cách giáo dục cho học sinh về xâm hại qua mạng và các hình thức xâm hại trẻ em nói chung. Việc giáo dục này có thể được thực hiện thông qua lồng ghép vào chương trình giảng dạy hiện hành, chương trình sinh hoạt tập thể, ngoại khóa.

- Xây dựng chính sách, thủ tục và các hướng dẫn mang tính công cụ

cho giáo viên và học sinh về xâm hại trẻ em, trong đó có nội dung về xâm hại trên mạng để trường học trở thành địa chỉ tin cậy cho học sinh khi muốn tìm kiếm sự giúp đỡ hoặc tố cáo hành vi xâm hại và nhà trường (ban giám hiệu, giáo viên, cán bộ nhân viên) có thể biết cách hỗ trợ học sinh nhanh chóng và kịp thời.

**Câu 97. Thế nào là xâm hại tình dục trẻ em? Nhà trường có trách nhiệm gì trong việc phòng chống xâm hại tình dục với học sinh?**

Xâm hại tình dục trẻ em là một hình thức lạm dụng trẻ em. Theo UNICEF, trên thế giới, cứ 8 tiếng trôi qua thì có thêm một nạn nhân của xâm phạm tình dục trong độ tuổi trẻ em dưới 16 tuổi. Ít nhất 120 triệu trẻ em gái dưới 20 tuổi - khoảng 1/10 - đã bị ép buộc quan hệ tình dục hoặc thực hiện các hành vi tình dục khác, con số thực tế có thể cao hơn nhiều vì nhiều nạn nhân của bạo lực tình dục là trẻ em, không bao giờ nói cho ai biết. Đáng lưu ý là khoảng 90% trẻ em gái vị thành niên bị cưỡng bức quan hệ tình dục nói rằng thủ phạm đầu tiên thực hiện hành vi xâm hại các em là một người quen biết<sup>1</sup>.

Khoản 8, Điều 4 Luật Trẻ em năm 2016 định nghĩa: “*Xâm hại tình dục trẻ em* là việc dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, ép buộc, lôi kéo, dụ dỗ trẻ em tham gia vào các hành vi liên quan đến tình dục, bao gồm hiếp dâm, cưỡng dâm, giao cấu, dâm ô với trẻ em và sử dụng trẻ em vào mục đích mại dâm, khiêu dâm dưới mọi hình thức”.

Xâm hại tình dục trẻ em bao gồm tất cả các hành vi tình dục không mong muốn, có thể bao gồm cả hành vi xâm hại có tiếp xúc hay hành vi xâm hại không tiếp xúc. Hành vi xâm hại tình dục trẻ em có thể bao gồm: cung cấp những hình ảnh, video có tính chất xâm hại trẻ em; ép

---

<sup>1</sup> Xem UNICEF: *Sexual violence against children*, <https://www.unicef.org/protection/sexual-violence-against-children>

buộc trẻ em xem hay tham gia các hoạt động tình dục; ép buộc trẻ em quan hệ tình dục hoặc lôi kéo trẻ em vào các hành vi tình dục với trẻ em khác hoặc với người lớn v.v..

Tình trạng xâm hại tình dục có thể xảy ra ở khắp mọi nơi: ở mọi quốc gia, vùng miền, môi trường sống và với mọi thành phần xã hội. Cụ thể, trẻ em có thể trở thành nạn nhân của xâm hại tình dục ngay tại gia đình, ở trường học hay ngoài xã hội.

Trường học, một mặt cũng là nơi có nguy cơ lạm dụng quyền lực nên chứa đựng nguy cơ xảy ra xâm hại tình dục. Trong thực tế nhiều vụ việc xâm hại tình dục giữa giáo viên, cán bộ công chức nhà trường với học sinh đã được ghi nhận. Mặt khác, nhà trường là địa chỉ tốt để triển khai thực hiện thực hiện nhiều biện pháp bảo vệ học sinh khỏi nạn xâm hại tình dục.

Các quy định quan trọng nhằm bảo vệ trẻ em khỏi xâm hại tình dục và vai trò của các cơ quan bộ ngành được thể hiện trong các bộ luật như: Luật Trẻ em năm 2016, Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi năm 2017) và Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Theo quy định của Luật Trẻ em năm 2016, trường học là một cơ sở giáo dục có nghĩa vụ phải thực hiện bảo vệ trẻ em khỏi bị xâm hại tình dục ở cả ba cấp độ: phòng ngừa, hỗ trợ và can thiệp. Ngoài ra, Quốc hội khóa XIV đã ban hành Nghị quyết số 81/ 2019/QH14 ngày 14-6-2019 quyết định giám sát chuyên đề “Việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em”, trong đó có nội dung giám sát về xâm hại tình dục.

Để thực hiện phòng chống xâm hại tình dục, nhà trường cần thực hiện một số biện pháp cụ thể:

- Tuân thủ thực hiện các quy định pháp luật, chương trình, kế hoạch phòng chống xâm hại tình dục do Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan liên quan ban hành.

- Tập huấn, bồi dưỡng, cung cấp thông tin giáo viên và cán bộ nhà trường về trách nhiệm phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh.

- Chủ động phối hợp với các cơ quan quản lý giáo dục để triển khai việc tích hợp, lồng ghép nội dung giáo dục kỹ năng sống, kỹ năng tự rèn luyện, tự bảo vệ, ứng phó trong phòng, chống xâm hại trong các trường học.

- Chủ động xây dựng mối quan hệ thường xuyên với gia đình học sinh để có sự phối hợp chặt chẽ trong việc bảo vệ học sinh khỏi sự lạm dụng tình dục.

- Phối hợp tích cực với và các cơ quan thực thi pháp luật để bảo vệ học sinh khi xảy ra vụ việc xâm hại tình dục.

- Xây dựng môi trường học đường thân thiện, đáng tin cậy để học sinh có thể dễ dàng tiếp cận khi muốn tố cáo hành vi xâm hại tình dục.

**Câu 98. Thế nào là quấy rối tình dục trẻ em? Nhà trường có trách nhiệm gì trong việc phòng, chống quấy rối tình dục với học sinh?**

Khoản 9, Điều 3 Bộ luật Lao động năm 2019 định nghĩa: “*Quấy rối tình dục tại nơi làm việc* là hành vi có tính chất tình dục của bất kỳ người nào đối với người khác tại nơi làm việc mà không được người đó mong muốn hoặc chấp nhận”. Theo định nghĩa này có thể hiểu “quấy rối tình dục với trẻ em” là hành vi có tính chất tình dục không mong muốn của bất kỳ người nào đối với trẻ em thông qua nhiều hình thức khác nhau như nhận xét hoặc trò đùa về tình dục, đụng chạm, cho xem các tài liệu mang tính xúc phạm hoặc khiêu dâm, liên lạc công kích có tính chất tình dục qua thư từ, điện thoại, tin nhắn, nhìn chăm chăm vào các bộ phận trên cơ thể v.v.. Quấy rối tình dục là sự xâm hại nhân phẩm của trẻ em và là một hình thức phân biệt đối xử dựa trên giới tính.

Quấy rối tình dục học đường được xác định thông qua 4 đặc điểm

gồm: *hành động* (thể hiện qua hành vi, lời nói, cử chỉ điều bộ phi ngôn ngữ, cái nhìn...); *không trông đợi* (học sinh thể hiện mình không mong muốn, khó chịu hoặc né tránh người có hành vi, cử chỉ...); *mang hàm ý/gợi ý tình dục* và *ảnh hưởng tiêu cực* (đến môi trường, kết quả học tập và sức khỏe tinh thần của học sinh)<sup>1</sup>.

Quấy rối tình dục có thể gây nên những tác động nghiêm trọng đến thể chất và tinh thần của trẻ em. Cả trẻ em trai và trẻ em gái đều có thể là nạn nhân của quấy rối tình dục.

Nếu không được kiểm soát, hành vi quấy rối tình dục có thể leo thang thành hành vi xâm hại, tấn công tình dục. Một học sinh có thể bị quấy rối tình dục ngay trong lớp học, trong sân trường, bãi đỗ xe, căng tin, ngoài sân trường. Khi bị quấy rối tình dục, các em có nguy cơ bị rơi vào tình trạng căng thẳng, sang chấn tâm lý dẫn tới bỏ học hay lạm dụng ma túy, rượu...

Nhà trường đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc dạy trẻ biết cách phòng tránh quấy rối tình dục và tự bảo vệ cơ thể của mình. Trường học cũng là địa chỉ có nhiều nguy cơ xảy ra hành vi quấy rối tình dục nên cần có hành động để phát hiện trợ giúp kịp thời các em bị quấy rối tình dục. Để góp phần ngăn ngừa và giải quyết tình trạng quấy rối tình dục tại học đường, nhà trường cần lưu ý đến những vấn đề sau:

- Quấy rối tình dục trẻ em là một vấn đề mới nhận được nhiều sự quan tâm của xã hội trong thời gian gần đây. Do vậy, nhà trường cần chủ động nâng cao nhận thức cho đội ngũ giáo viên, cán bộ nhà trường về tính chất nghiêm trọng của vấn đề để những người liên quan đều có được những thông tin, hiểu biết đầy đủ về hình thức xâm hại này và có

---

<sup>1</sup> Xem Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội: *Bộ Quy tắc ứng xử về quấy rối tình dục tại nơi làm việc*, ngày 25-5-2015, <https://thuvienphapluat.vn/tintuc/vn/thoi-su-phap-luat/chinh-sach-moi/10420/bo-quy-tac-ung-xu-ve-quay-roi-tinh-duc-tai-noi-lam-viec>

đủ năng lực để tham gia vào việc giám sát, phát hiện, giáo dục về quấy rối tình dục trong môi trường học đường.

- Hiện nay pháp luật Việt Nam cũng mới chỉ có quy định nghiêm cấm hành vi quấy rối tình dục nơi công sở mà chưa có quy định riêng về quấy rối tình dục học đường với học sinh khi nhiều nghiên cứu cho thấy đây là một hình thức bạo lực học đường khá phổ biến. Chính vì vậy, nhà trường cần chủ động đưa ra nội dung phòng, chống quấy rối tình dục các quy định, nội quy của nhà trường.

- Cần có nhiều hoạt động giáo dục cho học sinh để các em có đủ kỹ năng nhận diện các hành vi quấy rối tình dục và tìm kiếm sự giúp đỡ khi cần thiết.

- Các nhà trường cần đưa nội dung quấy rối tình dục vào hệ thống dịch vụ tham vấn học đường, trong trường hợp chưa có tham vấn tâm lý học đường cần sớm xây dựng hệ thống dịch vụ này để có thể trợ giúp nạn nhân.

**Câu 99. Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt bao gồm những nhóm nào? Nhà trường có trách nhiệm gì để bảo đảm quyền cho học sinh có hoàn cảnh đặc biệt?**

Khoản 10, Điều 4 Luật Trẻ em năm 2016 định nghĩa: “*Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt* là trẻ em không đủ điều kiện thực hiện được quyền sống, quyền được bảo vệ, quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng, quyền học tập, cần có sự hỗ trợ, can thiệp đặc biệt của Nhà nước, gia đình và xã hội để được an toàn, hòa nhập gia đình, cộng đồng”. Trên cơ sở định nghĩa này, Điều 10 Luật Trẻ em năm 2016 cũng quy định rõ danh mục nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt bao gồm:

- Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ.
- Trẻ em bị bỏ rơi.

- Trẻ em không nơi nương tựa.
- Trẻ em khuyết tật.
- Trẻ em nhiễm HIV/AIDS.
- Trẻ em vi phạm pháp luật.
- Trẻ em nghiện ma túy.
- Trẻ em phải bỏ học kiếm sống chưa hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở.
- Trẻ em bị tổn hại nghiêm trọng về thể chất và tinh thần do bị bạo lực.
- Trẻ em bị bóc lột.
- Trẻ em bị xâm hại tình dục.
- Trẻ em bị mua bán.
- Trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh phải điều trị dài ngày thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo.
- Trẻ em di cư, trẻ em lánh nạn, tị nạn chưa xác định được cha mẹ hoặc không có người chăm sóc.

Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt là đối tượng cần có sự hỗ trợ, can thiệp đặc biệt của cả Nhà nước, gia đình và xã hội thông qua hệ thống pháp luật, chính sách, chương trình. Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt thường gặp khó khăn trong việc đến trường, tiếp cận với các dịch vụ giáo dục. Vì vậy, để đảm bảo quyền được đến trường cho các em, ngoài việc thực hiện theo các chương trình, chính sách giáo dục của Nhà nước như chính sách miễn, giảm học phí, trao học bổng, trợ cấp..., nhà trường, giáo viên cần hỗ trợ thường xuyên, trực tiếp cho các em dưới nhiều hình thức cụ thể cả trong học tập và hỗ trợ tâm lý để các em không bị kỳ thị, phân biệt đối xử ngay trong trường học. Nhà trường cũng cần thường xuyên có sự liên lạc với gia đình để nắm bắt kịp thời hoàn cảnh của các học sinh cũng như chủ động kết nối

với các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội để tìm kiếm sự giúp đỡ cho các em khi cần thiết.

**Câu 100. Trẻ em có nhu cầu giáo dục đặc biệt bao gồm những nhóm nào? Nhà trường có trách nhiệm gì để bảo đảm quyền cho nhóm trẻ em/học sinh có nhu cầu đặc biệt?**

“Trẻ em có nhu cầu đặc biệt” là nhóm trẻ em cần có sự quan tâm, hỗ trợ và nguồn lực đặc biệt mà những trẻ em khác không cần để có thể thực hiện được những nhu cầu thiết yếu của mình. Khái niệm “trẻ em có nhu cầu đặc biệt” có nội hàm khá rộng bao gồm nhiều nhóm trẻ em khác nhau, trong đó chủ yếu là các nhóm trẻ em khuyết tật về phát triển trí tuệ, khuyết tật thể chất, hoặc khó khăn về cảm xúc.

Tên gọi “trẻ em có nhu cầu đặc biệt” là nhằm nhấn mạnh đến vai trò của sự hỗ trợ từ bên ngoài (gia đình, nhà trường, xã hội...) thay vì tập trung vào tình trạng khuyết tật hay điều kiện sức khỏe, hoàn cảnh của trẻ em. Nếu nhu cầu đặc biệt được đáp ứng, trẻ em sẽ có cơ hội vượt qua được tình trạng khuyết tật, phát huy được tiềm năng, thế mạnh của mình.

Khoản 3, Điều 23 của CRC khẳng định cần “thừa nhận các nhu cầu đặc biệt của trẻ em khuyết tật”. Tuy nhiên, Luật Trẻ em năm 2016 của Việt Nam chưa sử dụng thuật ngữ này.

“Trẻ em có nhu cầu đặc biệt” có thể cần sự trợ giúp từ nhiều góc độ khác nhau: trợ giúp về y tế, giáo dục, an sinh xã hội v.v.. Ở trường học, nhóm trẻ em/học sinh có nhu cầu đặc biệt cần sự hỗ trợ chủ động, tích cực của nhà trường, giáo viên. Nhà trường cần bảo đảm có đủ năng lực về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên (đặc biệt là giáo viên về giáo dục hòa nhập), môi trường học đường hòa nhập để nhóm trẻ em/học sinh có nhu cầu đặc biệt có thể tham gia. Một học sinh “có nhu cầu giáo dục đặc biệt” khi đến trường cần sự hỗ trợ cụ thể trong các hoạt động như: học

tập văn hóa (một số học sinh có thể sẽ gặp khó khăn trong việc học tập một số môn học nhất định, chẳng hạn học sinh bị mắc chứng khó đọc sẽ cần sự trợ giúp của giáo viên khi học các môn về ngôn ngữ; học sinh bị rối loạn cảm xúc cần được học kỹ năng thể hiện cảm xúc bản thân và hiểu được người khác; học sinh tự kỷ cần được học kỹ năng giao tiếp với bạn bè v.v...).

**Câu 101. Trẻ em khuyết tật có quyền gì? Nhà trường có trách nhiệm gì trong việc bảo đảm quyền cho học sinh khuyết tật?**

Trẻ em khuyết tật là nhóm trẻ “có nhu cầu đặc biệt” về can thiệp, hỗ trợ trong quá trình phát triển và hòa nhập vào đời sống xã hội. Theo định nghĩa về người khuyết tật của CRPD thì trẻ em khuyết tật là trẻ dưới 18 tuổi (đối với Việt Nam là trẻ dưới 16 tuổi) “có khiếm khuyết lâu dài về thể chất, tâm thần, trí tuệ hoặc giác quan mà khi tương tác với những rào cản khác nhau có thể phương hại đến sự tham gia hữu hiệu và trọn vẹn của họ vào xã hội trên cơ sở bình đẳng với những người khác” (Điều 1).

Điều 23 của CRC kêu gọi các quốc gia thành viên cần đảm bảo để trẻ em khuyết tật được hưởng một cuộc sống đầy đủ và tươm tất trong những điều kiện bảo đảm phẩm giá, thúc đẩy khả năng tự lực và tạo cơ sở cho trẻ em tham gia tích cực vào cộng đồng; được được chăm sóc đặc biệt và được tiếp cận giáo dục hiệu quả. Đối với hệ thống pháp luật quốc gia, bên cạnh khung pháp luật chung về ghi nhận nguyên tắc bình đẳng, không phân biệt đối xử, các quy định về quyền bình đẳng và cơ hội tiếp cận giáo dục cho trẻ em khuyết tật được ghi nhận trong nhiều văn bản pháp lý. Nguồn kinh phí để hỗ trợ giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật và nhiều văn bản khác.

Quyền giáo dục của trẻ em khuyết tật được ghi nhận tại Điều 35 Luật Trẻ em năm 2016: “Trẻ em khuyết tật được hưởng đầy đủ các

quyền của trẻ em và quyền của người khuyết tật theo quy định của pháp luật; được hỗ trợ, chăm sóc, giáo dục đặc biệt để phục hồi chức năng, phát triển khả năng tự lực và hòa nhập xã hội. Khoản 4 Điều 85 Luật Trẻ em năm 2016 cũng quy định trách nhiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong việc tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật và áp dụng biện pháp trợ giúp giáo dục phù hợp cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em dân tộc thiểu số; giáo dục hòa nhập cho trẻ em khuyết tật. Quyền giáo dục của trẻ em cũng được quy định trong nhiều văn bản pháp luật khác như: Luật Người khuyết tật năm 2010, Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC giữa Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính về quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật; Nghị định số 46/2017/NĐ-CP của Chính phủ về quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục...

Theo UNICEF, trên thế giới ước tính có ít nhất 93 triệu trẻ em khuyết tật<sup>1</sup>. Kết quả điều tra quốc gia về khuyết tật năm 2016-2017 cho thấy, tỷ lệ trẻ em khuyết tật trong tổng số trẻ em của Việt Nam là 2,79%<sup>2</sup>. Phần lớn trẻ em khuyết tật phải sống trong điều kiện nghèo khổ, gặp khó khăn trong việc tiếp cận với các dịch vụ hỗ trợ giáo dục. Trong khi đó, giáo dục đóng vai trò hết sức quan trọng đối với trẻ khuyết tật vì cơ hội học tập sẽ giúp cho các em phát triển được tối đa tiềm năng của mình, hòa nhập xã hội, tiếp cận việc làm. Mặc dù vậy, việc tiếp cận giáo dục và tham gia hoạt động học tập ở trường học của học sinh khuyết tật vẫn còn nhiều rào cản, trong đó đáng kể nhất là tình trạng kỳ thị phân biệt đối xử cũng như thiếu các dịch vụ hỗ trợ trẻ em khuyết tật.

---

<sup>1</sup> Xem UNICEF: *Trẻ em khuyết tật*, <https://sites.unicef.org/disabilities/>

<sup>2</sup> Xem UNICEF: *Trẻ em khuyết tật ở Việt Nam*, 2018, <https://www.unicef.org/vietnam/media/2776/file/children%20with%20disabilities%20survey%20findings%20vn.pdf>

Hiện nay, bên cạnh hình thức giáo dục chuyên biệt thì Việt Nam đã triển khai mô hình giáo dục hòa nhập cho trẻ em khuyết tật nhằm giúp trẻ em khuyết tật được theo học trong các trường phổ thông ngay tại nơi sinh sống. Bên cạnh việc thực hiện trách nhiệm của cơ sở giáo dục về bảo đảm tiếp cận giáo dục cho trẻ em khuyết tật theo quy định của pháp luật, nhà trường khuyến khích thực hiện các hoạt động cụ thể sau:

- Nâng cao nhận thức cho ban giám hiệu, giáo viên, cán bộ của nhà trường và toàn thể học sinh về giáo dục hòa nhập và hỗ trợ học sinh khuyết tật, trong đó đặc biệt lưu ý đến việc chống kỳ thị, phân biệt đối xử và bắt nạt, bạo lực học đường đối với học sinh khuyết tật.

- Nhà trường không được từ chối nhận trẻ em khuyết tật.

- Theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện nay, trẻ em khuyết tật cần được ưu tiên trong nhập học và tuyển sinh. Trong quá trình học tập, các em được hưởng chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập.

- Đào tạo kiến thức, kỹ năng giáo dục hòa nhập cho giáo viên.

- Có giáo viên chuyên biệt hỗ trợ khi nhà trường có học sinh khuyết tật.

- Đưa nội dung về xây dựng cơ sở vật chất hỗ trợ học sinh khuyết tật vào các đề xuất về ngân sách xây dựng, cải tạo cơ sở vật chất cho nhà trường (phòng học, nhà vệ sinh, nhà ăn có thể tiếp cận với học sinh khuyết tật) và học liệu phục vụ hoạt động dạy học.

**Câu 102. Trẻ em bị rối loạn tự kỷ có quyền gì? Nhà trường có trách nhiệm gì trong việc bảo đảm quyền cho học sinh bị rối loạn tự kỷ và tăng động giảm chú ý?**

Tự kỷ (autism) là một trong những khuyết tật phát triển phổ biến

nhất. Trẻ em mắc chứng tự kỷ còn được gọi là rối loạn phổ tự kỷ (autism spectrum disorder), có sự khác biệt về sự phát triển của bộ não và xử lý thông tin. Hậu quả của tình trạng này là trẻ phải đối mặt với những khó khăn trong sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, quan hệ xã hội và hành vi. Rối loạn tự kỷ là một phổ nên mức độ khuyết tật rất đa dạng bao gồm cả những trẻ có triệu chứng nghiêm trọng gần như mất khả năng giao tiếp và ngôn ngữ hoặc trẻ bị các triệu chứng nhẹ, thường được gọi là trẻ có hội chứng tự kỷ chức năng cao (asperger).

Ở Việt Nam số lượng trẻ em tự kỷ và các khuyết tật phát triển có xu hướng ngày càng gia tăng. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, năm 2019, Việt Nam có khoảng 1 triệu người tự kỷ, tương đương với tỷ lệ trẻ em mắc chứng tự kỷ ước tính là 1% số trẻ em sinh ra. Mặc dù là một nhóm trẻ khuyết tật rất lớn nhưng hiện nay Việt Nam vẫn chưa có được các chính sách, chương trình hỗ trợ toàn diện ở cấp quốc gia cho các em.

Trong môi trường học đường, do những đặc điểm của tình trạng khuyết tật như: khó tương tác, tham gia hoạt động, vui chơi với bạn bè, ít giao tiếp bằng mắt, nhạy cảm với tiếng ồn, ánh sáng, có vẻ mặt vô cảm hoặc vô cảm, khó khăn trong việc tiếp thu hoặc làm bài tập một số môn học nên các em có nhiều nguy cơ bị phân biệt đối xử, thậm chí bị từ chối nhập học. Nhiều học sinh bị cô lập, kỳ thị và bắt nạt ở trường học do tình trạng khác biệt của mình. Trong một số trường hợp, học sinh bị các hội chứng tự kỷ chức năng cao có thể không được gia đình, nhà trường nhận biết, vì vậy các em có thể bị bỏ qua, không có được sự hỗ trợ cần thiết, thậm chí có thể bị đánh giá là không vâng lời, không tuân thủ kỷ luật nhà trường.

Trong khi chưa có được những chính sách, chương trình hỗ trợ chính thức, nhà trường có thể tiến hành một số biện pháp cụ thể để

hỗ trợ học sinh khuyết tật như sau:

- Áp dụng cách tiếp cận “toàn trường học” đối với vấn đề tự kỷ. Điều này có nghĩa là đưa việc hỗ trợ học sinh tự kỷ vào tất cả mọi hoạt động diễn ra trong môi trường học đường.

- Nâng cao nhận thức về tự kỷ cho toàn nhà trường, phụ huynh và học sinh.

- Tìm kiếm các cơ hội để hỗ trợ cung kiến thức đào tạo kỹ năng phương pháp dạy học cho học sinh tự kỷ (chẳng hạn như phương pháp dạy học bằng hình ảnh và minh họa) để giáo viên có thể phát hiện và hỗ trợ cho các em.

- Có giáo viên chuyên biệt hoặc có phối hợp với các cơ sở chuyên môn về tự kỷ để hỗ trợ học sinh khi cần thiết.

- Có biện pháp để áp dụng linh hoạt hoặc điều chỉnh chương trình học phù hợp cho học sinh tự kỷ.

- Phát hiện và hỗ trợ phát triển tài năng cho những học sinh tự kỷ có khả năng đặc biệt.

- Tạo điều kiện để học sinh tự kỷ được tham gia, hòa nhập vào các hoạt động của nhà trường và trong cộng đồng.

### **Câu 103. Lao động trẻ em là gì? Nhà trường có thể làm gì để bảo vệ học sinh khỏi tình trạng bóc lột lao động?**

Trên thế giới, tính trung bình cứ 10 trẻ em thì có một trẻ bị rơi vào tình trạng lao động trẻ em. Năm 2020 có khoảng 160 triệu trẻ em tham gia lao động, trong đó 79 triệu trẻ em làm các công việc lao động nặng nhọc. Con số này dự tính sẽ tiếp tục gia tăng do tác động của Covid-19<sup>1</sup>. Ở Việt Nam, theo điều tra quốc gia về lao động trẻ em năm 2018, có

---

<sup>1</sup> Xem UNICEF: *Child Labour*, <https://www.unicef.org/protection/child-labour>

khoảng 1,034,944 triệu trẻ em lao động, trong đó 519,805 phải làm các công việc nặng nhọc<sup>2</sup>.

Theo ILO, lao động trẻ em (child labour) được định nghĩa là những công việc nguy hiểm và có hại về tinh thần, thể chất, xã hội hoặc đạo đức cho trẻ em. Đó là những công việc gây cản trở việc học tập của trẻ vì bắt buộc trẻ em phải nghỉ học sớm; hoặc buộc trẻ phải cố gắng để kết hợp giữa việc đi học với công việc nặng nhọc trong thời gian dài<sup>3</sup>. Trong thực tế, không có một định nghĩa thống nhất hoàn toàn giữa các quốc gia vì việc trẻ em tham gia một công việc có được coi là “lao động trẻ em” hay không còn tùy thuộc vào độ tuổi của trẻ, loại hình công việc, thời gian và điều kiện làm việc và mục tiêu. Tuy nhiên, các quốc gia đều nghiêm cấm sử dụng các hình thức lao động trẻ em tồi tệ như tình trạng trẻ bị bắt làm nô lệ, bị tách khỏi gia đình, bị đối mặt với những công việc nguy hiểm và bệnh tật nghiêm trọng và/hoặc phải tự mưu sinh trên đường phố ở các đô thị lớn ngay từ khi còn nhỏ<sup>4</sup>.

CRC có quy định về bảo vệ trẻ em “khỏi bị bóc lột về kinh tế và không phải làm bất kỳ công việc gì nguy hiểm hoặc ảnh hưởng đến việc học hành của trẻ em, hoặc có hại đối với sức khỏe hay sự phát triển về thể chất, trí tuệ, tinh thần, đạo đức hay xã hội của trẻ em”.

Việt Nam là quốc gia thành viên của nhiều điều ước quốc tế có quy định về nghiêm cấm lao động trẻ em như: CRC; Công ước ILO số 138 năm 1973 về tuổi lao động tối thiểu; Công ước ILO số 182 năm 1999 về loại bỏ những hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất; tham gia Liên minh 4.7 của Mục tiêu phát triển bền vững để thực hiện cam kết chấm dứt lao động trẻ em dưới mọi hình thức.

Khoản 3, Điều 35 Hiến pháp năm 2013 quy định: “Nghiêm cấm

---

<sup>2,3,4</sup> ILO: *What is child labour?*, <https://www.ilo.org/ipec/facts/lang-en/index.htm>

phân biệt đối xử, cưỡng bức lao động, sử dụng nhân công dưới độ tuổi lao động tối thiểu”. Hiến pháp cũng nghiêm cấm việc xâm hại, hành hạ, ngược đãi, bỏ mặc, lạm dụng, bóc lột sức lao động và những hành vi khác vi phạm quyền trẻ em. Điều 147 Bộ luật Lao động năm 2019 nghiêm cấm sử dụng người chưa thành niên đối với các công việc “gây tổn hại đến sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của người chưa thành niên”.

Lao động trẻ em và giáo dục có mối quan hệ tác động qua lại lẫn nhau. Một mặt, giáo dục là một phương thức cơ bản nhằm góp phần xóa bỏ tình trạng trẻ em buộc phải nghỉ học sớm để tham gia lao động, các em thường ít có cơ hội để được tiếp cận với những cơ hội việc làm tốt do không được giáo dục và đào tạo kiến thức. Mặt khác, lao động trẻ em dẫn đến tình trạng làm giảm tỷ lệ trẻ em nhập học, tăng tỷ lệ trẻ em bỏ học. Đối với những trẻ em cố gắng kết hợp vừa làm vừa học thì kết quả học tập ở trường thường bị ảnh hưởng. Chẳng hạn, một số trẻ em tranh thủ lao động vào cuối tuần thì khi quay lại trường học sau hai ngày làm việc, các em thường rơi vào tình trạng mệt mỏi, buồn ngủ nên rất dễ mất tập trung, ảnh hưởng đến kết quả học tập trên lớp.

Lao động trẻ em là một vấn đề mang tính toàn cầu, việc phòng, chống, ngăn ngừa và giải quyết vấn đề này đòi hỏi phải có một chiến lược quốc gia tổng thể với sự tham gia của nhiều bên: Nhà nước, doanh nghiệp, các tổ chức xã hội. Trong phạm vi trường học, nhà trường có thể thực hiện một số hành động cụ thể như sau:

- Phối hợp với chính quyền địa phương để tìm hiểu nguyên nhân và có sự hỗ trợ kịp thời đối với các học sinh buộc phải nghỉ học tham gia lao động kiếm sống để hỗ trợ gia đình để các em có cơ hội quay lại trường học.

- Lồng ghép vấn đề phòng ngừa lao động trẻ em, đặc biệt là pháp luật về phòng, chống lao động trẻ em với các hoạt động truyền thông, giáo dục trong nhà trường.

- Phối hợp với các tổ chức đoàn, hội... để tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho học sinh, phụ huynh và cộng đồng về phòng ngừa lao động trẻ em.

- Phối hợp với các cơ quan chức năng trong việc giám sát tình trạng học sinh nhà trường là nạn nhân của lao động trẻ em, đặc biệt là các hình thức lao động tồi tệ nhất.

**SỔ TAY VỀ QUYỀN CON NGƯỜI**  
**DÀNH CHO CÁN BỘ QUẢN LÝ GIÁO DỤC VÀ GIÁO VIÊN PHỔ THÔNG**

---

Chịu trách nhiệm xuất bản

*Giám đốc*

**TS NGUYỄN CHÍ HƯƠNG**

Chịu trách nhiệm nội dung

*Phó Giám đốc - Tổng Biên tập*

**TS NGUYỄN MẬU TUÂN**

*Biên tập*

**DƯƠNG VĂN VINH**

*Chế bản*

**ỨNG THỊ BÍCH LIÊN**

*Đọc soát bản in*

**DƯƠNG VĂN VINH**

*Trình bày bìa*

**ỨNG THỊ BÍCH LIÊN**

---

In: 5.500 cuốn, khổ 14,5 x 20,5 cm, tại Công ty CP In và TM Đông Bắc.

Địa chỉ: Số 15, ngõ 14, phố Pháo Đài Láng, quận Đống Đa, Hà Nội.

Số ĐKXB: 3275-2021/CXBIPH/01-26/LLCT, cấp ngày 22-9-2021.

Mã ISBN: 978-604-962-829-0.

Quyết định xuất bản số: 229/QĐ-NXBLLCT, ngày 22-12-2021.

In xong và nộp lưu chiểu Quý IV năm 2021.